

III-TĂNG PHÁP THỌ GIỚI

1. Sơ chế Pháp

i. Tam ngữ đăc giới

Các Tỳ-kheo vâng lời Đức Thế Tôn dạy, du hóa trong nhân gian thuyết pháp. Bấy giờ có người nghe pháp sinh lòng tin, muốn thọ giới cụ túc. Các Tỳ-kheo dẫn người muốn thọ cụ túc về chỗ Đức Như Lai. Khi chưa đến nơi, giữa đường, họ mất lòng tin, nên không được thọ giới cụ túc. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Phật, Phật dạy:

- Từ nay về sau, cho phép các ông trực tiếp cho người xuất gia, thọ giới cụ túc. Nên dạy bảo người muốn thọ giới cụ túc như vậy: bảo cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, cởi bỏ dày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay. Dạy nói như vậy:

- Con tên là... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con xin xuất

gia trong giáo pháp của Đức Như Lai. Đức Như Lai, bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, là Thế Tôn của con.

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy. Rồi, nói tiếp:

- Con tên là..., đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con xin xuất gia trong giáo pháp của Đức Như Lai. Đức Như Lai, bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, là Thế Tôn của con.

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói

như vậy. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, cho phép nói ba câu¹²¹⁸ như vậy tức là thọ giới cụ túc.

ii. Bạt-đà-la-bạt-đề

Một thời, Đức Thế Tôn trú trong vườn Kiếp-ba¹²¹⁹ tại Uất-bê-la. Bấy giờ có Uất-bê-la Bạt-đà-la-bạt-đề,¹²²⁰ gồm có năm mươi người đồng bạn, dẫn các phụ nữ đến nơi vườn này, cùng nhau vui chơi. Trong số đồng bạn đó, có một người không có vợ, thuê một dâm nữ dẫn đến vui chơi. Dâm nữ này trộm lấy của cải của người ấy, rồi bỏ trốn; không biết ở đâu. Đồng bạn biết bạn của mình bị mất của, liền rảo khắp vườn để tìm người dâm nữ. Từ xa thấy Đức Như Lai tướng mạo đoan chánh, các căn tịch định, họ bèn phát tâm hoan hỷ, đến trước Đức Thế Tôn thưa hỏi:

- Đại Sa-môn có thấy một người đàn bà đến đây hay không?

Đức Phật nói:

- Các cậu là công tử nhà ai? Đi tìm người đàn bà nào?

Các cậu nói:

- Đại Sa-môn nên biết, Uất-bê-la Bạt-đà-la-bạt-đề, và đồng bạn gồm năm mươi người, cùng các phụ nữ vui chơi trong vườn này. Một người trong số đồng bạn không có vợ, nên dùng tiền thuê một dâm nữ dẫn đến cùng vui chơi. Dâm nữ ấy trộm lấy của cải của anh ta rồi bỏ trốn; không biết ở đâu. Nay, chúng tôi vì là đồng bạn đến đây để tìm dâm nữ kia.

Đức Phật nói:

1218. Hán: tam ngữ; chỉ ba quy y. Pali, Mahāvagga, Vin. i. 22: anujānāmi, bhikkhave, imehi tīhi saraṇagamānchi pabbajjāṃ upasampadan ti, “Các Tỳ-kheo, Ta cho phép xuất gia thọ cụ túc bằng quy y này.” Hán dịch ba quy không đủ ba câu đúng theo công thức. Khiến cho ý nghĩa “tam ngữ” mơ hồ. Trong văn Pali, mỗi quy y là một câu nói.

1219. Kiếp-ba viên 劫波園. Mahāvagga, Vin. i. 2>: adḍataro vanasatto, một khu rừng dày nọ; và được giải thích (Jātaka i. 82) là rừng kappāsiya, rừng cây gòn.

1220. Bạt-đà-la-bạt-đề 跋陀羅跋提. Pali: Bhaddavaggiyā; không phải tên riêng một người, mà chỉ một nhóm người. Nhóm này, Mahāvagga, Vin. i. 2>, gồm >0 người đàn ông là những vương tôn công tử, 29 bà vợ và một kỹ nữ.

- Sao các công tử, nên tự tìm chình mình,¹²²¹ hay nên tìm người phụ nữ?

Các cậu trả lời:

- Nên tìm chính mình, hơn là tìm người phụ nữ.

Đức Phật bảo các cậu:

- Các cậu công tử hãy ngồi lại đây. Ta sẽ nói pháp cho các công tử.

Bấy giờ, các công tử kính lễ sát chân Đức Thế Tôn, rồi ngồi qua

một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì các cậu nói pháp tối thắng, khiến họ phát tâm hoan hỷ. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sinh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Các công tử ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, nay con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.

Phật bảo:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ. Đó gọi là thọ giới cụ túc.

iii. Uất-bê-la Ca-diếp

Một thời Đức Thế Tôn du hóa tại Uất-bê-la.¹²²² Nơi Uất-bê-la¹²²² có Phạm chí tên là Uất-bê-la Ca-diếp,¹²²³ đang cư trú tại đó. Ông là bậc thầy cao cả đối với năm trăm Phạm chí bện tóc.¹²²⁴ Người trong nước Ương-già¹²²⁵ và Ma-kiệt đều xưng là A-la-hán. Đức Thế Tôn đến chỗ Uất-bê-la Ca-diếp, nói:

- Tôi muốn nghỉ lại một đêm trong nhà này,¹²²⁶ được không?

Uất-bê-la Ca-diếp trả lời:

- Được thôi. Không có gì trở ngại. Chỉ có điều, trong nhà đó có con độc long cực ác. Sợ nó làm hại ông chăng?

Đức Phật nói:

1221. Vin.i. 2>: ... yam vā attānam gaveseyyātha, hay là nên tìm tự ngã?

1222. Trong bản: Uất-bê-la-bà giới 鬱羅婆界. Pali: Uruvelā, địa danh đã gặp trên, chỗ Phật thành đạo.

1223. Uất-bê-la Ca-diếp 鬱羅迦葉. Pali: Uruvela-Kassapa.

1224. Loa kế Phạm chí 螺髻梵志; Phạm chí búi tóc hình con sò. Pali: janīla, một phái tu khổ hạnh, bện tóc (không bao giờ cắt).

1225. Ương-già 鸯伽; Pali: Anga. Một trong 16 đại quốc thời Phật, phía đông Ma-kiệt. Hai nước bấy giờ thân thiện, nên dân chúng coi như một.

1226. Pali: agyāgāre, trong căn nhà thờ lửa.

- Không can chi. Miễn ông đồng ý. Độc long không hại tôi đâu.

Ca-diếp trả lời:

- Nhà này rộng rãi. Tùy ý ông cứ nghỉ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vào trong thạch thất, tự trải tọa cụ, ngồi kết già, thẳng mình chánh ý. Con độc long thấy Đức Như Lai ngồi im lặng rồi, liền khạc ra khói mù. Đức Như Lai cũng phóng ra khói mù. Con rồng thấy Đức Như Lai phóng ra khói mù, nó lại khạc ra lửa. Như Lai cũng phóng ra lửa.

Bấy giờ, trong thạch thất bốc khói lửa. Ca-diếp từ xa thấy lửa và khói nơi thạch thất, bèn nghĩ: Sa-môn Cù-đàm rất xinh đẹp. Đáng tiếc là bị độc long làm hại rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghĩ: Nay Ta hãy bắt con độc long này, không nên gây thương tổn thân nó, mà hàng phục nó. Như Lai liền dùng thần lực hàng phục độc long, không làm thương tổn đến thân con độc long. Khói và lửa từ thân của độc long phóng ra, từ từ yếu dần. Trong thân Như Lai phóng ra vô số ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, lưu ly, pha lê. Đức Như Lai hàng phục con độc long rồi, đựng nó trong bình bát. Sáng sớm, đem đến chỗ Uất-bê-la Ca-diếp và nói:

- Ông muốn biết không? Con độc long mà ông nói đó, tôi đã hàng phục. Hiện đựng trong bát này.

Ca-diếp nghĩ: Sa-môn Cù-đàm có đại oai đức, thần túc tự tại, nên mới có thể hàng phục được con độc long này, mà không bị nó làm hại. Sa-môn Cù-đàm này, tuy đạt thần túc tự tại, nhưng sự chứng đắc A-la-hán của ông không bằng sự chứng đắc A-la-hán của ta¹²²⁷.

Ca-diếp nói:

- Đại Sa-môn có thể nghỉ đêm nơi đây, tôi sẽ cung cấp thức ăn.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

- Nếu ông tự thân báo giờ đã đến, tôi sẽ nhận lời mời của ông.

Ca-diếp bạch:

- Đại Sa-môn tạm nghỉ đêm nơi đây. Tôi sẽ đến báo giờ.

Đức Như Lai sau khi thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, trở về nghỉ đêm tại thạch thất. Đêm hôm ấy tĩnh mịch, Đức Thế Tôn nhập hỏa quang tam-muội, làm cho thạch thất kia sáng rực lên. Trong đêm, Ca-diếp thức dậy, thấy thạch thất tỏa ánh sáng của lửa rực chiếu, liền nghĩ: Ngài Đại Sa-môn này cực kỳ xinh đẹp, nay nghỉ đêm nơi thạch thất này, bị lửa thiêu mất. Ca-diếp liền dẫn đồ chúng đến đứng vây xung quanh

1227. Mahāvagga, ibid.: na tveva ca kho arahā yathā ahan ti, “Nhưng ông chưa phải là vị A-la-hán như ta.”

thạch thất.

Sáng ngày, Ca-diếp bạch Phật:

- Giờ đã đến. Xin mời đến ăn cơm¹²²⁸.

Lại hỏi:

- Đại Sa-môn, đêm qua vì sao có ánh lửa sáng lớn vậy?

Đức Phật nói:

- Đêm vừa rồi, tôi nhập hỏa quang tam-muội nên thạch thất tỏa ánh sáng chiếu rực.

Ca-diếp nghĩ: Đại Sa-môn này có đại oai thần. Trong đêm tịch tĩnh, nhập hỏa quang tam-muội chiếu sáng thạch thất. Sa môn Cù-đàm tuy đã chứng đắc A-la-hán, nhưng không bằng sự chứng đắc A-la-hán của ta. Sau khi Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, đến một khu rừng, nghỉ đêm nơi đó.

Sáng ngày, ông Ca-diếp đến chỗ Đức Thế Tôn thưa:

- Giờ đã đến. Xin mời đến ăn cơm.

Đức Phật nói:

- Ông về trước. Tôi sẽ đến sau.

Đức Thế Tôn bảo ông Ca-diếp về trước, rồi Ngài đến cây diêm-phù-đề. Gọi là Diêm-phù-đề vì nơi đó có cây diêm-phù-đề.¹²²⁹ Đức Như Lai đến đó lấy trái diêm-phù,^{12>0} rồi đến chỗ Ca-diếp trước, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Ca-diếp về đến sau, thấy Phật đã ngồi trước ở đó, bèn hỏi:

- Đại Sa-môn bảo tôi về trước, sao Đại Sa-môn lại đến trước tôi?

Phật nói với Ca-diếp:

- Tôi bảo ông về trước, rồi tôi đi đến Diêm-phù-đề lấy trái diêm-phù, về đây trước và ngồi ở đây. Trái diêm-phù này, sắc đẹp, thơm, ngon. Ông có thể dùng đi.

Ông Ca-diếp nói:

- Thôi, thôi, Đại Sa-môn! Như thế đã là cúng dường tôi rồi. Đại Sa-môn tự dùng đi. Đây là trái mà đại Sa-môn nên dùng.

Ca-diếp nghĩ: Đại Sa-môn này có thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, trở về trú tại khu rừng cũ. Sáng ngày, Ca-diếp đến chỗ Đức Phật thưa:

1228. Pali nói: Kālo, mahāsamanna, ninmham bhaddam, thưa Đại Sa-môn, đã đến giờ, cơm đã dọn xong. Đây là định cú mời thọ thực trong văn Pali

1229. Dịch sát Hán, nhưng ý nghĩa lẫn quẩn. Có thể hiểu: “Phật đến cõi Diêm-phù-đề. Gọi là Diêm-phù-đề, vì ở đó có nhiều cây diêm-phù. Rồi Ngài hái quả diêm-phù...”

12>0. Diêm-phù quả 閻浮果. Skt: jambu, quả đào đỏ.

- Giờ đã đến, xin mời Ngài thọ thực.

Phật bảo:

- Ca-diếp, Ông về trước. Tôi sẽ đến sau.

Đức Thế Tôn nói với ông Ca-diếp như vậy rồi, Ngài đến Diêm-phù-đề. Cách đó không xa, có cây ha-lê-lặc. Ngài hái lấy trái ha-lê-lặc, rồi đến chỗ Ca-diếp trước, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Ca-diếp về đến sau, thấy Phật đã ngồi trước ở đó, bèn hỏi:

- Đại Sa-môn bảo tôi về trước, sao Đại Sa-môn lại đến trước tôi?

Phật nói với Ca-diếp:

- Tôi bảo ông về trước, rồi tôi đi đến Diêm-phù-đề. Cách đó không xa, có cây ha-lê-lặc. Tôi đến lấy trái ha-lê-lặc, rồi mới đến đây. Trái ha-lê-lặc này sắc đẹp, thơm ngon, ông có thể dùng đi.

Ca-diếp nói:

- Thôi, thôi, Đại Sa-môn! Như thế đã là cúng dường tôi rồi. Đại Sa-môn tự dùng đi. Đây là trái mà đại Sa-môn nên dùng.

Ca-diếp nghĩ: Đại Sa-môn này có thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, trở về trú tại khu rừng cũ. Sáng ngày, Ca-diếp đến chỗ Đức Phật thưa:

- Giờ đã đến, xin mời Ngài thọ thực.

Phật bảo:

- Ca-diếp, Ông về trước. Tôi sẽ đến sau.

Đức Thế Tôn nói với ông Ca-diếp như vậy rồi, Ngài đi lên phương bắc, đến Uất-đơn-việt,^{12>1} lấy lúa tám tự nhiên,^{12>2} rồi đến chỗ Ca-diếp trước, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Ca-diếp về đến sau, thấy Phật đã ngồi trước ở đó, bèn hỏi:

- Đại Sa-môn bảo tôi về trước, sao Đại Sa-môn lại đến trước tôi?

Phật nói với Ca-diếp:

- Tôi bảo ông về trước, rồi tôi đi lên phương bắc, đến Uất-đơn-việt, lấy lúa tám cánh tự nhiên, rồi mới lại ngồi đây. Gạo này sắc đẹp thơm ngon, ông có thể lấy dùng.

Ca-diếp nói:

- Thôi, thôi, Đại Sa-môn! Như thế đã là cúng dường tôi rồi. Đại

12>1. Uất-đơn-việt 鬱單越; Pali: Uttarakuru-dīpa (Skt. Uttara-dvīpa), châu lục phía bắc Tu-di. Xem Trường A-hàm 18, kinh >0 “Thế ký” phẩm Uất-đơn-việt, T01, tr. 117tt.

12>2. Tự nhiên canh mễ 自然粳米. Pali: akanmhapākasāli, lúa tự chín, không cần gieo trồng. Thứ lúa của loài người thời nguyên thủy, và của chúng sinh Bắc Câu-lô châu. Tự nhiên mọc và chín sẵn ngoài đồng. Xem Trường A-hàm 6 (T01, tr. >8a1), Trung A-hàm >9 (T01, tr. 675a19). Pali, D.iii. 87.

Sa-môn tự dùng đi. Đây là gạo mà đại Sa-môn nên dùng.

Ca-diếp nghĩ: Đại Sa-môn này có thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, trở về trú tại khu rừng cũ. Sáng ngày, Ca-diếp đến chỗ Đức Phật thưa:

- Giờ đã đến, xin mời Ngài thọ thực.

Phật bảo:

- Ca-diếp, ông về trước. Tôi sẽ đến sau.

Đức Thế Tôn nói với ông Ca-diếp như vậy rồi, Ngài đi lên trời Đao-lợi lấy hoa mạn-đà-la, rồi đến chỗ Ca-diếp trước, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Ca-diếp về đến sau, thấy Phật đã ngồi trước ở đó, bèn hỏi:

- Đại Sa-môn bảo tôi về trước, sao Đại Sa-môn lại đến trước tôi?

Phật nói với Ca-diếp:

- Tôi bảo ông về trước, rồi tôi đi lên trời Đao-lợi, lấy hoa mạn-đà-la,^{12>>} rồi mới lại ngồi đây. Hoa này sắc đẹp, mùi thơm sức nức. Ông cần có thể lấy dùng.

Ca-diếp nói:

- Thôi, thôi, Đại Sa-môn! Như thế đã là cúng dường tôi rồi. Đại Sa-môn tự dùng đi.

Ca-diếp nghĩ: Đại Sa-môn này có thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi, trở về khu rừng cũ nghỉ đêm. Trong đêm ấy Tứ Thiên Vương mang phẩm vật cúng dường đến chỗ Đức Thế Tôn để cúng dường và nghe pháp. Trong đêm tối, họ toả ánh sáng chiếu soi bốn phương, giống như một vòm lửa lớn, chấp tay kính lễ sát chân Đức Thế Tôn, rồi đứng phía trước. Bấy giờ Ca-diếp thức dậy, thấy trong khu rừng có ánh sáng lớn, chiếu soi bốn phương, giống như một vòm lửa to. Sáng ngày, đến chỗ Đức Thế Tôn thưa:

- Giờ đã đến. Xin mời đi ăn cơm.

Rồi ông hỏi:

- Đại Sa-môn, đêm vừa rồi sao có ánh sáng lớn này, chiếu soi bốn phương, giống như một vòm lửa rực cháy?

Đức Phật nói với ông Ca-diếp:

- Đêm qua, Tứ Thiên Vương đem phẩm vật cúng dường đến chỗ tôi để cúng dường và nghe pháp. Họ toả ánh sáng chiếu soi bốn phương,

^{12>>}. Mạn-đà-la hoa 曼陀羅花. Skt. mandāra-pumpa (pali: mandāra-puppha), thiên diệp hoa; hoa cây san-hô.

chứ chẳng phải là lửa.

Ca-diếp nghĩ: Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại Sa-môn này có đại thần lực, khiến cho Tứ Thiên Vương đến nghe pháp. Đại Sa-môn có đại thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp xong, trở về lại khu rừng cũ. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân^{12>4} đem phẩm vật đến cúng dường và muốn nghe pháp; toả ánh sáng lớn trong đêm tối, chiếu bốn phương, như vòm lửa lớn rực cháy, vượt hơn ánh sáng trước, thanh tịnh không tỳ vết; chấp tay kính lễ Đức Như Lai, rồi đứng phía trước để nghe pháp. Ca-diếp trong đêm thức dậy, thấy ánh sáng chiếu bốn phương, hơn cả ánh sáng hôm trước, trong sạch không tỳ vết. Sáng ngày, đến chỗ Đức Thế Tôn thưa:

- Giờ đã đến. Xin mời đi ăn cơm.

Rồi ông hỏi:

- Đại Sa-môn, đêm vừa rồi sao có ánh sáng chiếu soi bốn phương như vòm lửa to rực cháy, hơn cả so với ánh sáng hôm trước, thanh tịnh không tỳ vết. Ánh sáng đó từ đâu mà có? ^{12>5}

Đức Phật nói với ông Ca-diếp:

- Đêm vừa qua, Thích-đề-hoàn-nhân mang phẩm vật đến cúng dường tôi và nghe pháp nên có ánh sáng đó.

Ca-diếp nghĩ: Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại Sa-môn này có đại thần lực, khiến cho Thích-đề-hoàn-nhân mang phẩm vật đến cúng dường nghe pháp. Đại Sa-môn có đại thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.

Đức Thế Tôn thọ thực rồi trở về rừng cũ.

Bấy giờ, Phạm Thiên vương muốn dâng phẩm vật cúng dường lên Đức Như Lai, toả ánh sáng soi khắp bốn phương trong đêm tối, như một vòm lửa lớn, hơn ánh sáng trước, trong sạch không tỳ vết. Ông chấp tay kính lễ Đức Như Lai rồi đứng phía trước. Trong đêm ông Ca-diếp thức dậy thấy trong khu rừng có ánh sáng chiếu soi bốn phương như một vòm lửa lớn, trong sạch không tỳ vết, hơn ánh sáng trước. Sáng ngày, đến chỗ Đức Thế Tôn thưa:

- Giờ đã đến. Xin mời đi ăn cơm.

Rồi ông hỏi:

^{12>4}. Thích-đề-hoàn-nhân 釋提桓因. Pali: Sakko devānam Indo (Skt. śakro devendram), Sakka (Thích-ca), Vua của chư thiên. Cũng thường gọi là Thiên đế Thích.
^{12>5}. Bản Hán, hết quyển >2.

- Đêm vừa rồi có ánh sáng lớn hơn so với ánh sáng trước, ánh sáng ấy do đâu mà có?

Đức Phật nói với ông Ca-diếp:

- Đêm vừa rồi Phạm Thiên vương đến nghe pháp, cho nên có ánh sáng đó.

Ca-diếp nghĩ: Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại Sa-môn này có đại thần lực nên mới khiến Phạm Thiên vương đến nghe pháp. Đại Sa-môn có đại thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi trở về lại khu rừng kia.

Bấy giờ, Ca-diếp tổ chức một cuộc tế lễ lớn. Dân chúng trong

nước Ma-kiệt tập hợp đông. Ông nghĩ: Trong cuộc tế lễ này của ta, dân chúng tập hợp đông. Đại Sa-môn không đến chẳng là điều tốt sao? Tại sao vậy? Vì nay trong tế lễ này của ta, dân chúng trong nước Ma-kiệt tập hợp đông. Nếu Đại Sa-môn có mặt, với tướng mạo đoan chánh trên đời rất ít có của Sa-môn, dân chúng thấy ắt sẽ bỏ ta, thờ cúng Sa-môn làm thầy, không thờ kính ta nữa. Đức Thế Tôn biết Ca-diếp nghĩ như vậy nên Ngài đi lên Uất-đơn-việt^{12>6} lấy gạo lúa tám tự nhiên,^{12>7} và ngồi nghỉ ban ngày tại suối lớn A-nậu^{12>8}.

Ca-diếp lại nghĩ: Hôm nay Đại Sa-môn sao không đến thọ thực. Ta có lễ cúng lớn, nhân dân trong nước Ma-kiệt tập hợp đông. Ta nên để phần cho Sa-môn chẳng? Nghĩ xong, Ca-diếp liền bảo người để phần. Sáng ngày, đến chỗ Đức Thế Tôn thưa:

- Giờ đã đến. Xin mời đi ăn cơm.

Rồi ông hỏi:

- Đại Sa-môn, sao ngày hôm qua không đến? Ngày hôm qua tôi có lễ cúng lớn, nhiều người tập hợp. Tôi có nghĩ: “Hôm nay Đại Sa-môn không đến. Ta nên để phần cho Sa-môn chẳng?” Và tôi có để phần.

Đức Phật nói với ông Ca-diếp:

- Tôi cũng biết trước ý ông nghĩ. Ông nghĩ rằng, “Hôm nay đại Sa-môn không đến thì đại tế đàn của ta thành tự. Tại sao vậy? Vì trong đại tế đàn của ta hôm nay, dân chúng trong nước Ma-kiệt tập hợp đông.

12>6. Xem cht. 92 trên.

12>7. Xem cht. 9> trên.

12>8. A-nậu đại tuyền 阿耨大泉. Skt. Anavatapta; Pali: Anottata, một trong 7 hồ lớn trên Đại Tuyết sơn. Cf. Mahāvagga, Vin. i. 28: Phật lên Uttarakuru, khát thực và ăn bên hồ Anottata, rồi nghỉ ngay tại đó

Đại Sa-môn với tướng mạo đoan chánh, mọi người thấy, họ sẽ bỏ ta thờ kính Sa-môn làm thầy, không thờ kính ta nữa.” Tôi biết trong tâm ông nghĩ như vậy nên tôi đến Uất-đơn-việt lấy gạo lúa tám tự nhiên và ngồi nghỉ ngày bên suối lớn A-nậu.

Ca-diếp nghĩ: Đại Sa-môn này thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, có đại thần lực, biết những điều trong tâm ta đã nghĩ nên đến Uất-đơn-việt lấy gạo lúa tám tự nhiên và ngồi nghỉ ngày bên suối lớn A-nậu. Đại Sa-môn tuy có đại thần túc tự tại. Nhưng không chứng đắc A-la-hán như ta đắc A-la-hán.

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp rồi trở về lại khu rừng cũ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhận được một chiếc y phần tảo quý giá^{12>9},

liền nghĩ: “Làm sao có nước để giặt chiếc y này?” Khi ấy Thích-đề- hoàn-nhân biết Đức Phật nghĩ như vậy, liền đến trước Như Lai, dùng ngón tay chỉ xuống đất, một cái ao lớn liền hiện ra, nước rất trong không có bọt nhờn. Thích-đề- hoàn-nhân thưa:

- Cúi xin Đức Thế Tôn dùng nước này để giặt chiếc y.

Đức Thế Tôn lại nghĩ: Nên giặt y trên cái gì đây? Thích-đề- hoàn-nhân biết Đức Như Lai nghĩ như vậy, liền đến núi Ma-đầu-cưu-la lấy một hòn đá lớn vuông vức để trước Đức Thế Tôn và thưa:

- Cúi xin ngài giặt y trên hòn đá này.

Đức Thế Tôn lại nghĩ: Giặt rồi lại phơi ở đâu? Thích-đề- hoàn-nhân lại cũng biết Đức Như Lai đang nghĩ như vậy, nên lại đến núi Ma-đầu-cưu-la lấy thêm một hòn đá vuông vức để trước Đức Phật và thưa:

- Xin Thế Tôn phơi y trên tảng đá này.

Đức Thế Tôn giặt và phơi y rồi lại nghĩ: Bây giờ Ta hãy xuống ao Chỉ đất¹²⁴⁰ này tắm. Ngài liền cởi y xuống tắm. Tắm xong Đức Thế Tôn nghĩ: Bây giờ Ta vin cái gì để lên khỏi ao? Khi ấy, bên bờ ao có một cây ca-hưu¹²⁴¹ lớn, trước đó nó nghiêng mình ra phía ngoài. Nhưng khi Đức Thế Tôn nghĩ như vậy rồi, nó liền xoay trở lại, nghiêng mình vào phía trong. Đức Thế Tôn vin vào nó để lên khỏi ao. Sáng ngày, Ca-diếp đến chỗ Đức Thế Tôn thưa:

- Giờ đã đến. Xin mời đi ăn cơm.

12>9. Quý giá phần tảo 貴價糞掃. Y phần tảo (Pali: pansukūla; Skt. pānsukūla) là vải lược từ các đồng rác và trong bãi tha ma. Cf. Vin.i. 28: bhagavato pansukūlam uppapannam hoti, “Thế Tôn nhận được một tấm y phần tảo.” Không có từ phẩm định “quý giá.”

1240. Chỉ địa trì 指地池.

1241. Ca-hưu thọ 迦休樹. Pali: atha kho kakudhe adhivatthā devatā, khi ấy vị thần ngụ trên cây kakudha, cây bông gà (?).

Rồi ông hỏi:

- Đại Sa-môn, sao nay có cái ao đẹp thế này, mà trước đây không thấy có?

Đức Phật nói với Ca-diếp:

- Gần đây tôi nhận được một chiếc y phấn tảo quý giá, liền nghĩ: “Làm sao có nước để giặt chiếc y này?” Khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân biết tôi nghĩ như vậy, liền dùng ngón tay chỉ xuống đất, một cái ao lớn liền hiện ra, nước rất trong không có bọt nhơ, rồi thưa: “Cúi xin Đức Thế Tôn dùng nước này để giặt chiếc y.”

- Ca-diếp nên biết, ao này gọi là “Ao Chỉ đất”, cũng như miễu thần không khác.

Ca-diếp lại hỏi:

- Do đâu mà có hòn đá vuông vức lớn như thế này, trước đây không có?

Đức Phật nói:

- Tôi lại nghĩ: “Nên giặt y trên cái gì đây?” Thích-đề-hoàn-nhân biết Tôi nghĩ như vậy, liền đến núi Ma-đầu-cưu-la lấy một hòn đá lớn vuông vức để trước Đức Thế Tôn và thưa: “Cúi xin ngài giặt y trên hòn đá này.”

Ca-diếp lại hỏi:

- Hòn đá thứ hai do đâu mà có, trước đây cũng không thấy?

Đức Phật nói:

- Tôi giặt y rồi, nghĩ: “Giặt rồi lại phơi ở đâu?” Thích-đề-hoàn-nhân lại cũng biết Tôi đang nghĩ như vậy, nên lại đến núi Ma-đầu-cưu-la lấy thêm một hòn đá vuông vức đến thưa với Tôi rằng, “Xin Thế Tôn phơi y trên tảng đá này.”

Ca-diếp hỏi tiếp:

- Đại thọ trên bờ ao này, trước kia nghiêng xa phía ngoài, tại sao nay lại nghiêng vào phía trong?

Phật nói với Ca-diếp:

- Tôi giặt và phơi y rồi lại nghĩ: “Bây giờ Ta hãy xuống ao này tắm.” Tôi liền cởi y xuống tắm. Tắm xong, Tôi nghĩ: “Bây giờ Ta vin cái gì để lên khỏi ao?” Khi ấy, bên bờ ao có một cây ca-hưu lớn, trước đó nó nghiêng ra phía ngoài. Nhưng khi Tôi nghĩ như vậy rồi, nó liền xoay trở lại, nghiêng mình vào phía trong. Tôi vịn vào nó để lên khỏi ao.

Rồi Ngài nói với Ca-diếp:

- Nên biết, giống như cây thần không khác.

Khi ấy, Ca-diếp nghĩ: Đại Sa-môn này thật là kỳ diệu! thật là kỳ diệu! Có đại thần lực nên Thích-đề-hoàn-nhân mới cung cấp những thứ cần dùng và mới khiến các vật vô tình theo ý muốn của Sa-môn. Ca-diếp nói, - Đại Sa-môn này thần túc tự tại đã đắc A-la-hán. Tuy nhiên không như ta đắc A-la-hán.

Đức Thế Tôn thọ thực chỗ ông Ca-diếp xong trở về lại khu rừng cũ.

Bấy giờ ông Ca-diếp lại nghĩ: Nếu có người đến đây ta sẽ mời

ăn cơm. Đức Thế Tôn biết ý nghĩ đó, liền hóa năm trăm vị Tỳ-kheo, khoác y bưng bát, từ xa đi đến. Ca-diếp từ xa thấy năm trăm vị Tỳ-kheo khoác y bưng bát đi đến, lại nghĩ: Than ôi, các Tỳ-kheo từ đâu đến? Ta làm sao đủ thức ăn để mời. Đức Thế Tôn liền thân thân túc, khiến năm trăm vị Tỳ-kheo này biến mất. Ca-diếp nghĩ: Đây là do thần lực của Đại Sa-môn biến hiện thế này. Sau đó Ca-diếp lại nghĩ: Nếu có người đến đây ta sẽ mời cơm. Đức Thế Tôn dùng thần lực hóa thành năm trăm vị Phạm chí bện tóc, tay xách bình tắm, từ xa đi đến. Ca-diếp từ xa thấy năm trăm vị Phạm chí búi tóc, tay xách bình tắm đi đến, liền nghĩ: Than ôi, năm trăm Phạm chí đến, thức ăn ở đâu đủ để mời. Đức Thế Tôn liền nhiếp thần túc khiến năm trăm vị Phạm chí biến mất. Ca-diếp nghĩ: Đây là do Đại Sa-môn biến hóa. Ca-diếp lại nghĩ: Nếu có người đến đây ta sẽ mời cơm. Đức Thế Tôn lại hóa năm trăm vị Phạm chí thờ lửa, cách thạch thất không xa, đều cùng nhau kính lễ thần lửa. Ca-diếp thấy vậy, nghĩ: Than ôi, họ ở đâu đến? Thức ăn làm sao có đủ để mời. Đức Thế Tôn liền nhiếp thần túc khiến năm trăm vị Phạm chí biến mất. Ca-diếp nghĩ: Đây là do Đại Sa-môn biến hóa.

Bấy giờ, các Phạm chí đệ tử ông Ca-diếp mỗi ngày ba lần xuống nước để tắm. Nhưng quá lạnh không thể chịu nổi, họ rét run. Bấy giờ Đức Phật liền hóa năm trăm lò sưởi mà không có lửa khói và bảo các Phạm chí tự mình sưởi ấm. Các Phạm chí nghĩ: Đây là do Đại Sa-môn biến hóa. Các Phạm chí đều muốn bửa củi mà không thể bửa được. Các phạm chí nghĩ: Đây là do đại lực của Đại Sa-môn làm nên. Sau đó (796a) bửa được. Họ lại nghĩ: Do thần lực của Đại Sa-môn làm nên. Họ muốn đưa búa lên, mà không thể đưa được; họ nghĩ: Do thần lực của Đại Sa-môn làm nên. Sau đó lại đưa búa lên được, họ cũng nghĩ, do Đại Sa-môn làm ra. Các Phạm chí muốn hạ búa xuống không thể hạ được, họ nói là do Đại Sa-môn làm nên. Sau đó lại hạ búa được, họ cũng nói, do Đại Sa-môn làm nên. Các Phạm chí muốn nhen lửa không thể nhen được, nghĩ: do Đại Sa-môn làm nên. Sau đó lại nhen được, họ

cũng nói, do Đại Sa-môn làm nên. Họ muốn tắt lửa, không thể tắt được, nói là do Đại Sa-môn làm nên. Sau đó lại tắt được, họ cũng nghĩ là do Đại Sa-môn làm nên. Họ xách bình tắm muốn đổ nước ra mà không đổ được, họ nghĩ là do Đại Sa-môn làm ra. Sau đó lại đổ được, họ cũng nghĩ do Đại Sa-môn làm ra. Các Phạm chí muốn thôi không trút nước vào bình tắm nữa, vẫn không thôi được, họ nghĩ là do Đại Sa-môn làm nên. Sau đó lại thôi được, họ cũng nghĩ là do Đại Sa-môn làm nên.

Bấy giờ, bốn phía có đám mây đen kéo đến, trời mưa lớn như trút nước xuống, nước lụt lên đến ngang lưng, Ca-diếp nghĩ: Đại Sa-môn này cực kỳ xinh đẹp, bậc nhất trong loài người này, có lẽ bị nước cuốn mất. Ca-diếp liền dẫn đồ chúng đi trên một chiếc thuyền bằng một cây đại thọ, đến để cứu Đức Thế Tôn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang kinh hành nơi vùng đất khô ráo bên ngoài, như mấy bữa trước. Ca-diếp thấy Đức Phật đi kinh hành nơi vùng đất khô ráo như trước, như trong nhà, bèn nghĩ: Đại Sa-môn này thật là kỳ diệu, thật là kỳ diệu, nên mới khiến những vật vô tình vẫn xoay theo ý muốn của mình. Đại Sa-môn này thần túc tự tại đã được A-la-hán. Tuy nhiên vẫn không như ta đắc A-la-hán.

Qua một ngày khác, ông Ca-diếp lại đến chỗ Đức Thế Tôn mời ngài thọ thực. Phật bảo Ca-diếp về trước, Ngài sẽ đến sau. Sau khi bảo Ca-diếp về, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi tay, Ngài biến mất khỏi chỗ đang đi kinh hành, xuyên qua đáy thuyền của Ca-diếp mà xuất hiện. Thấy vậy, Ca-diếp nói:

- Đại Sa-môn này có đại thần đức, bảo ta về trước rồi sẽ đến sau, mà nay lại có mặt nơi thuyền ta trước.

Đức Phật nói với Ca-diếp:

- Tôi bảo ông về trước, sau đó trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi tay, tôi biến mất khỏi chỗ đang đi kinh hành, xuyên qua đáy thuyền của ông mà xuất hiện.

Ca-diếp nghĩ và nói:

- Đại Sa-môn này có đại thần lực nên bảo ta về trước rồi sẽ đến sau, mà rồi chỉ trong khoảnh khắc đã có mặt trên thuyền. Đại Sa-môn này có thần lực, đã đạt A-la-hán. Tuy nhiên không như đạo chân thật của ta. Đức Thế Tôn biết trong tâm Ca-diếp nghĩ như vậy, liền nói:

- Ông thường xưng rằng “Đại Sa-môn tuy đã đạt A-la-hán nhưng không như ta đạt A-la-hán. Nay Tôi quán sát, thấy ông chẳng phải là A-la-hán, cũng chẳng phải là hướng A-la-hán đạo.

Ca-diếp nghĩ và nói:

- Đại Sa-môn này có đại oai thần nên biết điều ta nghĩ trong tâm. Đại Sa-môn này có thần túc lớn tự tại, chứng đắc A-la-hán. Nay ta hãy theo đại Sa-môn để tu phạm hạnh.

Ca-diếp liền đến trước Đức Phật thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, nay con muốn theo Đức Như Lai để tu phạm hạnh.

Đức Phật nói với ông Ca-diếp:

- Ông có năm trăm người đệ tử theo ông học phạm hạnh. Ông nên nói cho họ biết. Nếu họ có ý vui theo thì tùy sở thích mà tu hành.

Ca-diếp liền đến chỗ đệ tử, nói:

- Các người biết chăng? Nay thầy muốn theo Sa-môn Cù-đàm để tu phạm hạnh. Nếu tâm các người muốn thì tùy ý các người.

Các người đệ tử thưa:

- Từ lâu chúng con đã có lòng tin đối với đại Sa-môn, chỉ chờ đợi ý của thầy mà thôi.

Bấy giờ năm trăm người đệ tử liền đem dụng cụ thờ lửa của Bện tóc như tịnh y, bình tắm, ném xuống dòng nước sông Ni-liên-thiên,¹²⁴² rồi đến chỗ Đức Như Lai, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì năm trăm người tuân tự nói pháp tối thắng khiến họ phát tâm hoan hỷ. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sinh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Năm trăm người liền ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, nay con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.

Phật bảo:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ. Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Bấy giờ, người em giữa của ông Ca-diếp tên là Na-đề Ca-diếp^{124>}, cư trú bên dưới dòng sông Ni-liên-thiên có ba trăm đệ tử. Người em ấy được trong chúng tôn trọng, là bậc thầy của họ. Ngay lúc ấy, trong chúng có một vị đệ tử đến dòng sông Ni-liên-thiên, bỗng thấy trong dòng nước có dụng cụ thờ lửa, tóc bện, bình tắm, tịnh y, trôi trên dòng

1242. Ni-liên-thiên 尼連禪. Pali: Nerañjarā (Skt. Nairāñjanā).

124>. Na-đề Ca-diếp 那提迦葉. Nadī-kassapa, “Ca-diếp Sông”, vì sống bên bờ sông. Vin. i. >>.

nước. Thấy vậy, người đệ tử vội vã chạy đến chỗ Na-đề Ca-diếp báo:

- Thưa thầy, hiện trên dòng sông Ni-liên-thiên có dụng cụ thờ lửa, tốc, tịnh y, bình tắm, trôi trên dòng nước. Không biết Đại sư ở trên đó có bị kẻ ác hãm hại hay chăng?

Na-đề Ca-diếp bảo một người đệ tử:

- Người đến gấp núi Tượng đầu¹²⁴⁴ báo với Già-da Ca-diếp.¹²⁴⁵ “Hiện nay trên dòng sông Ni-liên-thiên có dụng cụ thờ lửa đủ tất cả thứ đang trôi bồng bềnh trên đó. Ông phải đến mau để cùng với anh của ông đến xem có thể đại huynh đã bị kẻ ác hãm hại rồi chăng?”

Già-da Ca-diếp là người em nhỏ của Uất-bê-la Ca-diếp đang cư trú trong núi Tượng đầu, có hai trăm người đệ tử, ông là bậc thầy ở trong chúng.

Người đệ tử vâng lời Na-đề Ca-diếp, liền đến chỗ Tiểu sư Già-da Ca-diếp thưa:

- Tiểu sư có biết chăng, thầy của con nói hiện trên dòng sông Ni-liên-thiên có bình tắm, tịnh y, tốc, các dụng cụ thờ lửa đang trôi. Tiểu sư phải đến đó để thăm đại huynh phải chăng đã có kẻ ác hãm hại?

Tiểu sư nghe nói rồi liền dẫn hai trăm đệ tử đến chỗ ở Na-đề Ca-diếp. Khi đến nơi, Na-đề Ca-diếp và Già-da Ca-diếp lại nói với một người đệ tử:

- Người phải mau mau đến chỗ đại huynh để thăm, phải chăng đã có kẻ ác hãm hại Đại huynh?

Bấy giờ người đệ tử vâng lời hai vị thầy liền đến chỗ đại huynh.

Khi đến nơi, thưa xong và hỏi:

- Sao, Đại sư theo Đại Sa-môn này tu học phạm hạnh có tốt hơn chăng? Ca-diếp trả lời:

- Các người nên biết, ta theo Đức Thế Tôn xuất gia học đạo, thật là cực kỳ thắng diệu.

Người đệ tử kia trở về chỗ hai vị thầy báo:

- Hai Tôn sư nên biết, Đại sư của con đã dẫn các đệ tử đến chỗ Đại Sa-môn xuất gia tu phạm hạnh rồi!

Bấy giờ hai vị thầy nghĩ: Từ bỏ nhà đến chỗ không phải nhà để tu phạm hạnh, điều ấy chắc chắn là không hư dối! Tại sao vậy? Anh của ta thông minh, ít trần cấu, có nhiều trí tuệ mà dẫn các đệ tử đến thọ học nơi kia, chắc chắn có sự suy nghĩ kỹ. Chúng ta không thể không đến đó để thọ học.

¹²⁴⁴. Xem cht. 19 trên

¹²⁴⁵. Già-da Ca-diếp 伽耶迦葉. Pali: Gayā-Kassapa, Vin.i. >4. Về Gayā, xem cht. 19 trên.

Bấy giờ Na-đề Ca-diếp và Già-da Ca-diếp đều dẫn các đệ tử đến chỗ Đại huynh. Đến nơi, họ thưa hỏi người anh:

- Đại huynh, chỗ này tốt đẹp hơn chăng?

Ông Ca-diếp trả lời với hai người em:

- Nơi đây là chỗ rất tốt. Từ bỏ nhà đến chỗ không phải nhà, theo Đại Sa-môn tu phạm hạnh, thật là cực kỳ thắng diệu.

Hai người em thưa với ông anh:

- Chúng em cũng muốn theo Đại Sa-môn tu học phạm hạnh.

Bấy giờ, Uất-bê-la Ca-diếp dẫn hai người em và đệ tử của họ gồm năm trăm người đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, Uất-bê-la Ca-diếp đến trước Đức Phật thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con có người em giữa tên là Na-đề Ca-diếp, cư trú bên sông Ni-liên-thiên, thường giáo thọ ba trăm đệ tử, là vị thầy đứng đầu. Người em thứ ba của con cư trú tại núi Tượng đầu, giáo thọ hai trăm người đệ tử, là vị thầy đứng đầu. Nay hai em của con đều muốn đến cầu tu học phạm hạnh trong giáo pháp của Thế Tôn. Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép họ xuất gia thọ giới cụ túc, tu phạm hạnh.

Đức Thế Tôn nhận lời, và tuân tự vì họ nói pháp tối thắng. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sinh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Họ liền ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, nay con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.

Phật bảo:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ. Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Đức Thế Tôn độ một ngàn Phạm chí này thọ giới cụ túc rồi, dẫn đến trong núi Tượng đầu. Ở đây hiện có một ngàn Tăng Tỳ-kheo, Ngài dùng ba việc để giáo hóa¹²⁴⁶. Một là giáo hóa thần túc, hai là giáo hóa ức niệm, ba là giáo hóa thuyết pháp.

Giáo hóa bằng thần túc¹²⁴⁷ là một hóa thành vô số, hoặc vô số trở

1246. Xem Trường A-hàm 16, kinh 24 “Kiên cố” (T01, tr.101c8), có ba thần túc: thần túc thần túc, quán sát tha tâm thần túc, giáo giới thần túc. Xem Tập dị môn 6 (T26, tr.>89b17), ba thị đạo: thần biến thị đạo, ký tâm thị đạo, giáo giới thị đạo. Cf. Pali, , Sangīti, D. iii. 222: tīni pānihāriyāni, iddhi-pānihāriyam, ādesanā-pānihāriyam, anusāsani-pānihāriyam.

1247. Thần túc giáo hoá 神足教化; hay thần biến thị đạo, dùng thần thông để dẫn người vào đạo.

lại thành một; trong ngoài thông suốt, vách đá đều xuyên qua được, như đi giữa hư không, không có gì trở ngại; ngồi kiết già giữa hư không, cũng như con chim bay qua lại khắp nơi; vào đất như xuống nước, chìm nổi tự tại; đi trên nước như đi trên đất mà không bị chìm; thân bốc khói lửa, như vừng lửa lớn; mặt trời, mặt trăng kia có thân đức lớn, không chỗ nào không chiếu soi, mà có thể dùng tay sờ đến; thân cao đến trời Phạm Thiên, tới lui không trở ngại. Đó gọi là Đức Thế Tôn dùng thần túc để giáo hoá một ngàn vị Tỳ-kheo.

Giáo hóa bằng ức niệm¹²⁴⁸ là nói rằng, - Người nên¹²⁴⁹ suy nghĩ điều này. Người chớ suy nghĩ điều này. Người nên niệm tưởng điều này. Người chớ niệm tưởng điều này. Hãy diệt cái này. Hãy thành tựu cái này. Đó gọi là Đức Như Lai dùng sự ức niệm để giáo hóa cho một ngàn vị Tỳ-kheo.

Giáo hóa bằng sự thuyết pháp¹²⁵⁰ là dạy rằng, - Tất cả đang bị bốc cháy. Cái gì mà nói là tất cả đang bị bốc cháy? Mắt đang bị bốc cháy. Sắc đang bị bốc cháy. Thức của mắt đang bị bốc cháy. Xúc của mắt đang bị bốc cháy. Các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc phát sinh do nhân duyên xúc của mắt, đang bị bốc cháy.

Bị bốc cháy bởi cái gì? Bởi lửa dục, lửa nhuế, lửa si. Sao gọi là đang bốc cháy? Đang bốc cháy vì sinh, già, bệnh, chết, sầu ưu, khổ não đều đang bốc cháy. Ta nói đây là chỗ sinh ra khổ.

- Cho đến ý cũng vậy¹²⁵¹.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng ba việc này để giáo thọ một ngàn Tỳ-kheo. Một ngàn Tỳ-kheo nhờ sự giáo thọ bằng ba việc này rồi, liền đạt được tâm vô lậu giải thoát, phát sinh trí vô ngại giải thoát.

iv. Vua Bình-sa

Đức Thế Tôn sau khi giáo hóa một ngàn vị Tỳ-kheo này rồi liền nghĩ: Trước đây Ta có nhận lời mời của Vua Bình-sa¹²⁵² và có hứa, nếu khi thành Phật, đắc nhất thiết trí, thì trước hết ta sẽ đến thành La-duyệt.

1248. Ưc niệm giáo hoá 憶念教化; hay ký tâm thị đạo, hướng dẫn bằng cách đọc biết tâm ý của người. Truyện kể trên, Phật nhiều lần nói lên ý nghĩ của Ca-diếp, khiến ông cuối cùng quy phục.

1249. Hán: nữ đương... mạc...汝當...莫, “người nên...chớ...” Có thể bản Hán hiểu sai về thị đạo này. Cf. Pali, Kevaddha-sutta, D. i/ 21>: ..bhikkhu para-sattānam...cittampi ādisati...evampi te mano itthampi te mano itipi te cittam, “Tỳ-kheo nói lên tâm tư của các chúng sinh khác...” Như vậy là ý của người, thế này là ý của người, tâm người nghĩ rằng...”

1250. Thuyết pháp giáo hoá 說法教化; hay giáo giới thị đạo, hướng dẫn bằng sự khuyên răn dạy bảo.

1251. Tĩnh lược: “Tai..., tiếng..., thức của tai..., cho đến ý..., pháp...”

1252. Xem cht. 7 trên.

Nay Ta hãy đến đó để thăm Vua Bình-sa.

Nghĩ xong, Đức Phật liền sửa y phục, dẫn một ngàn vị đại Tỳ-kheo, đều là cự học của các Phạm chí bện tóc. Tất cả, đã đắc định, nhuần nhuyễn, vĩnh viễn được giải thoát.

Từ quốc giới nước Ma-kiệt, Đức Phật du hóa tuần tự đến Trượng lâm.^{125>} Nơi đây, Đức Thế Tôn nghỉ dưới cây bàng chúa Ni-câu-luật Thiện trụ.¹²⁵⁴ Vua Bình-sa nghe, Sa-môn Cù-đàm xuất thân từ dòng họ Thích, xuất gia học đạo, dẫn một ngàn đệ tử du hóa đến nước Ma-kiệt. Họ là cự học của các Phạm chí bện tóc, đã đắc định, nhuần nhuyễn, vĩnh viễn được giải thoát; từ quốc giới nước Ma-kiệt, du hành tuần tự đến Trượng lâm, nghỉ dưới cây bàng chúa Ni-câu-luật Thiện trụ. Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm rất lớn, không ai không nghe biết. Tiếng đồn rằng, Ngài là Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Ở giữa chư thiên và thế gian, giữa các chúng Ma hoặc Thiên ma và Phạm thiên chúng, Sa-môn, Bà-la-môn chúng, mà tự mình chứng biết, đắc thần thông trí chứng, tự mình an trú, rồi nói pháp cho người; pháp ấy, khởi đầu, khoảng giữa, và đoạn cuối đều thiện xảo; có nghĩa vị sâu xa, được trình bày đầy đủ, với các phạm hạnh được tu tập.¹²⁵⁵ Tốt đẹp thay, nếu được gặp vị A-la-hán như vậy. Nay ta hãy tự thân đến đó để kính thăm Đại Sa-môn Cù-đàm.

Bấy giờ, Vua Bình-sa chuẩn bị một vạn hai ngàn cỗ xe, dẫn theo tám vạn bốn ngàn người hộ giá trước sau, với oai thế của Vương quyền, ra khỏi thành La-duyệt để đến viếng thăm Đức Thế Tôn. Vua Bình-sa đến trong Trượng lâm, đến chỗ xe có thể đến, tức thì xuống xe, đi bộ vào rừng. Từ xa trông thấy tướng mạo thù thắng tuyệt diệu của Đức Thế Tôn, giống như sắc vàng tía, Vua sinh tâm hoan hỷ, đến trước Đức Như Lai, đánh lễ sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, người trong nước Ma-kiệt, hoặc kính lễ sát chân Ngài rồi ngồi, hoặc có người đưa tay lên chào hỏi rồi ngồi, hoặc có người tự xưng danh tánh rồi ngồi, hoặc có người vòng tay, chắp tay hướng về Đức Như Lai rồi ngồi, hoặc có người im lặng mà ngồi xuống.

Bấy giờ, người trong nước Ma-kiệt suy nghĩ, - Không biết Đại Sa-môn học phạm hạnh của Uất-bề-la Ca-diếp, hay là Uất-bề-la Ca-diếp

125>. Trượng lâm 杖林. Pali: landhivane, trong rừng cây cọ

1254. Thiện trụ Ni-câu-luật thọ vương 善住尼拘律樹王. Pali: ...suppatindhite cetiye, nghỉ trong miếu Suppatindhita (Thiện trụ)

1255. Pali kevala-paripunnam parisuddham brahmacariyam pakāseti, “Ngài thuyết minh phạm hạnh; phạm hạnh ấy tuyệt đối viên mãn, thanh tịnh.”

và đệ tử học phạm hạnh của đại Sa-môn Cù-đàm? Bây giờ Đức Thế Tôn biết ý nghĩ người trong nước như vậy, liền dùng bài kệ nói với Uất- bê-la Ca-diếp:

Các ông thấy sự gì, mà bỏ việc thờ lửa? Nay Ta hỏi Ca-diếp: Sao bỏ đồ thờ lửa?

Ca-diếp lại dùng bài kệ để trả lời Đức Thế Tôn:

*Ấm thực, các mỹ vị,
Ái dục, nữ, tế tự.¹²⁵⁶
Tôi thấy là cấu bẩn;
Nên bỏ đồ thờ lửa.*

Đức Thế Tôn lại dùng bài kệ hỏi ông Ca-diếp:

*Ấm thực, các mỹ vị,
Trong đó không có lạc;
Trên trời và thế gian,
Hãy nói, chỗ nào lạc?*

Ca-diếp lại cũng dùng bài kệ để trả lời Đức Thế Tôn:

*Tôi thấy dấu tịch tĩnh,
Ba cõi không trở ngại;¹²⁵⁷
Không khác không thể khác,¹²⁵⁸
Nên không ưa thờ lửa.*

Bấy giờ người trong nước Ma-kiệt lại nghĩ:

- Đại Sa-môn nói hai bài kệ, Uất-bê-la Ca-diếp cũng nói hai bài kệ. Chúng ta cũng chưa phân biệt được là Đại Sa-môn thọ học nơi Ca-diếp hay là Ca-diếp và đệ tử thọ học nơi Đại Sa-môn? Đức Thế Tôn biết họ nghĩ như vậy, nên bảo ông Ca-diếp:

- Ông đứng dậy. Hãy quạt sau lưng Ta!

Ca-diếp vâng lời Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bay lên trên hư không rồi hạ xuống, kính lễ sát chân Đức Phật, lấy tay xoa bóp chân Như Lai, hôn chân Ngài rồi tự xưng tên họ và nói:

- Đức Thế Tôn là Thầy của con. Con là đệ tử.

Nói xong, Ca-diếp lấy quạt, đứng phía sau Đức Như Lai hầu quạt.

Bấy giờ người trong nước Ma-kiệt nói với nhau:

1256. Cf. Pali, Vin.i. >5: rūpe ca sadde ca atho rase ca/ kāmīthiyo cābhivadanti yaññā, “Các tế tự ca ngợi sắc, thanh, vị, dục và nữ.”

1257. Pali. ibid.: disvā padam santam anūpadhīkam, akīñcanam kāmabhavē assattam, sau khi thấy con đường an tịnh, không vướng mắc; con đường không vướng gì cả, không tồn tại trong cõi dục.

1258. Bất dị, bất khả dị 不異不可異. Pali: anaddathābhāvim anaññaneyya, (con đường) không đổi khác, không lạc hướng

- Không phải Đại Sa-môn Cù-đàm đến học phạm hạnh nơi Ca-diếp; mà là Ca-diếp và chúng đệ tử đến học phạm hạnh nơi Đại Sa-môn Cù-đàm.

Đức Thế Tôn biết người trong nước Ma-kiệt không còn nghi ngờ nữa, tuần tự vì họ nói pháp, khiến cho họ phát tâm hoan hỷ. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sinh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Bấy giờ người trong nước Ma-kiệt, Vua Bình-sa đứng đầu, gồm tám vạn bốn ngàn người, mười hai na-do-tha loài trời đều dứt sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật:

- Chúng con từ nay về sau, xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Cúi xin Đức Thế Tôn nhận chúng con làm người Ưu-bà-tắc trọn đời không sát sinh, cho đến không uống rượu.

Vua Bình-sa thấy pháp, đặng pháp, đến trước Đức Phật bạch:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, xưa kia khi còn là Thái tử, trong lòng con có sáu ước nguyện¹²⁵⁹: 1. Khi thân phụ mãn phần, con lên ngôi làm Vua. 2. Khi con đang trị nước, nguyện Phật ra đời. >. Cho con được gặp Đức Thế Tôn. 4. Được thấy Đức Như Lai rồi, sinh tâm hoan hỷ đối với Đức Như Lai. 5. Phát tâm hoan hỷ rồi được nghe chánh pháp. 6. Nghe pháp rồi tức thì được sự tín giải.

- Nay phụ vương của con đã mạng chung. Con được lên ngôi Vua, đang trị vì mà gặp Phật ra đời, chính mình thấy được Phật. Thấy Phật rồi phát tâm hoan hỷ, ở chỗ Đức Phật đã phát tâm hoan hỷ rồi liền được nghe pháp. Nghe pháp rồi liền được tín giải. Kính bạch Đức Thế Tôn, nay chính là lúc, cúi xin cung thỉnh Ngài vào thành La-duyệt.

Khi ấy, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của vua Bình-sa. Rồi Đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, khoác y, dùng oai thần của mình dẫn một ngàn Tỳ-kheo là cựu học Phạm chí bện tóc, đã đạt được định, đã nhuần nhuyễn, vĩnh viễn được giải thoát; cùng với một vạn hai ngàn chiếc xe, tám vạn bốn ngàn dân chúng trước sau hộ giá; thấy đều nương oai thần của Phật mà vào thành La-duyệt. Vào lúc ấy, gặp khi trời mưa, nhưng phía trước, phía sau và ngay chỗ Đức Thế Tôn đi thì vòm trời trong sáng, bên trên có mây che. Đức Thế Tôn hiện sự biến hóa này để vào thành La-duyệt.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân hóa làm một người Bà-la-môn tay cầm gậy bằng vàng, bình tắm bằng vàng, cây quạt cán bằng vàng, thân

1259. Pali: năm ước nguyện. Không có nguyện thứ 4 của bản Hán.

tại không trung, cách mặt đất bốn ngón tay, dẫn đường đi trước Đức Như Lai, và dùng vô số phương tiện tán thán Phật, Pháp, Tăng.

Bấy giờ, người trong nước Ma-kiệt đều nghĩ, - Đây là oai thần của ai mà hóa làm người Bà-la-môn cầm gậy vàng, bình tắm bằng vàng, cây quạt cán bằng vàng, thân ở không trung, cách đất bốn ngón tay, đi trước Đức Như Lai để dẫn đường và dẹp đường, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, Pháp, Tăng? Nhân dân nước Ma-kiệt nói với Thích-đề-hoàn-nhân bằng bài tụng:

*Ai hóa làm Phạm chí,
Hiện ở trước chúng Tăng;
Khen tụng công đức Phật,
Ông đang thừa sự ai?*

Thích-đề-hoàn-nhân dùng kệ trả lời cho nhân dân nước Ma-kiệt:

*Đấng Đông mãnh, giải hết¹²⁶⁰
Ái dục và ẩm thực;
Hổ thẹn, niệm, biết đủ.
Tôi đệ tử vị ấy.
Trong đời không ai bằng,
Không thấy ai như vậy;
Chí chân, Phật Như Lai,
Tôi hầu hạ vị ấy.
Diệt dục và sân nhuế,
Vô minh đã dứt sạch;
A-la-hán lậu tận,
Tôi hầu hạ vị ấy.
Như người vớt kẻ trôi,
Cù-đàm là thuyền pháp;
Chiến thắng, qua bờ kia,
Tôi hầu hạ vị ấy.
Đã vượt bốn dòng thác,¹²⁶¹
Hay nói pháp bất tử;
Pháp tối thắng vô ngại,
Tôi hầu hạ vị ấy.*

Bấy giờ vua Bình-sa nước Ma-kiệt lại nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn dẫn

1260. Nhất thiết giải 一切解, theo nghĩa là “thấu hiểu tất cả.” Tham chiếu Pali: sabbadhi danto, được chế ngự trong mọi trường hợp; tức các căn hoàn toàn được nhiếp phục. Trong bản Hán, sabbadhi (mọi trường hợp) được đọc là sabbadhī: thấu hiểu tất cả.

1261. Chỉ bốn bực lưu: dục, hữu, kiến và vô minh. Xem Tập dị môn 8 (T26, tr. >99b29)

các đệ tử vào thành La-duyệt, Ngài vào vườn nào trước, ta sẽ đem khu vườn này dâng cúng để lập tịnh xá. Bấy giờ, các khu vườn trong thành La-duyệt chỉ có Trúc viên khu Ca-lan-đà¹²⁶² là hơn hết. Đức Thế Tôn biết trong tâm của vua Ma-kiệt nghĩ như vậy. Ngài liền dẫn đại chúng đến Trúc viên. Vua liền xuống voi, tự tay xếp yên voi thành bốn lớp, trải trên mặt đất, mời Phật an tọa. Đức Thế Tôn liền đến ngồi. Vua Bình-sa bưng bình tắm bằng vàng đựng nước dâng Đức Như Lai để Ngài rửa sạch^{126>} và bạch Phật:

- Các khu vườn trong thành La-duyệt này, Trúc viên này là hơn hết. Nay con xin dâng cúng Đức Như Lai. Mong Ngài thọ nhận cho.

Đức Phật bảo nhà Vua:

- Nay Vua nên đem Trúc viên này dâng cúng cho Phật và bốn phương Tăng. Tại sao vậy? Vì nếu Như Lai có riêng vườn và sản vật của vườn; phòng xá và vật dụng trong phòng xá; y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim, thì chư thiên, người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn không thể sử dụng được.

Vua thưa:

- Nay con xin đem Trúc viên này dâng cúng cho Phật và bốn phương Tăng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dĩ lòng thương xót thọ nhận Trúc viên, rồi nói lời chú nguyện:

*Gieo trồng các cây vườn,
Làm cầu, thuyền qua sông,
Quả vườn, các ao tắm,
Và chỗ ở cho người:
Những người làm việc ấy,
Ngày đêm phước thêm lớn.
Trì giới, theo chánh pháp;
Người kia được sinh thiên.*

Bấy giờ, Vua Bình-sa kính lễ sát chân Phật rồi lấy một chiếc ghế nhỏ¹²⁶⁴ ngồi phía trước Ngài để nghe pháp. Đức Thế Tôn tuần tự vì nhà Vua nói pháp khuyến hóa khiến tâm được hoan hỷ. Phát tâm hoan hỷ rồi, nhà Vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy kính lễ Đức Phật và cáo lui.

1262. Ca-lan-đà Trúc viên 迦蘭陀竹園. Pali: Kalandakanivāpa-Venuvana chỗ nuôi sóc trong khu rừng Trúc. Trúc lâm, hay rừng Trúc (Venuvana) là lạc viên (uyyāna) của Vua Bimbisāra. Kalandaka, hay Ca-lan-đà, là một khu trong rừng Trúc; không phải là vườn Trúc có tên là Ca-lan-đà như thường hiểu theo văn Hán.

126>. Nghi lễ tiếp nhận khu Rừng

1264. Nguyên Hán: tiểu sàng 小床, cái giường nhỏ.

v. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên

Khi Đức Thế Tôn ở tại thành La-duyệt, trong thành này có một Phạm chí tên là San-nhã¹²⁶⁵ với hai trăm năm mươi người đệ tử, mà Ưu-bà-đề-xá Câu-luật-đà¹²⁶⁶ là bậc thượng thủ. Bấy giờ Tôn giả A-thấp-ti¹²⁶⁷ hầu Đức Như Lai. Đến giờ, Tôn giả khoác y bưng bát vào thành khát thực, nhan sắc an lạc, các căn tịch định, y phục tề chỉnh, bước đi khoan thai, không nhìn ngó hai bên, oai nghi đĩnh đạc. Bấy giờ Ưu-bà-đề-xá vào vườn xem coi, thấy oai nghi của Tôn giả A-thấp-ti như vậy bèn sinh ý nghĩ: Tỳ-kheo này oai nghi đầy đủ, nay ta có thể đến hỏi đạo lý. Nhưng rồi lại nghĩ: Tỳ-kheo này đang đi khát thực. Không phải giờ để ta hỏi đạo lý. Ta nên đợi vị này khát thực xong rồi sẽ hỏi. Ưu-bà-đề-xá đi theo sau để chờ. Tỳ-kheo A-thấp-ti vào thành La-duyệt khát thực rồi, để bình bát xuống đất, xếp y Tăng-già-lê. Ưu-bà-đề-xá nghĩ: Tỳ-kheo này khát thực đã xong. Nay chính là lúc ta có thể hỏi được. Nghĩ như vậy xong, liền đến hỏi:

- Ông là ai ? Ai là thầy của ông? Ông học pháp gì?

Tôn giả trả lời:

- Thầy tôi là Đại Sa-môn. Ngài là Thế Tôn của tôi. Tôi theo học nơi Ngài.

Ưu-bà-đề-xá lại hỏi:

- Thầy Đại Sa-môn của ông nói những pháp gì?

Tôn giả trả lời:

- Tôi tuổi còn non trẻ,¹²⁶⁸ mới xuất gia, chưa có thể trình bày được những nghĩa lý sâu xa. Nay tôi chỉ lược nói những nghĩa thiết yếu.

Ưu-bà-đề-xá nói:

- Tôi chỉ thích nghe điều thiết yếu, khỏi phiền nói rộng.

Tôn giả A-thấp-ti nói:

- Ông nên biết, Đức Như Lai nói về nhân duyên các pháp sinh, cũng nói nhân duyên pháp diệt. Nếu pháp do nhân nào mà sinh, Đức Như Lai nói nhân đó. Nếu pháp do nhân nào diệt, Đại Sa-môn cũng nói nghĩa này. Đây là những lời dạy của Thầy tôi¹²⁶⁹.

1265. San-nhã phạm chí 刪若梵志. Pali (Vin. i.>9): Saḍco paribbajako; thường được đồng nhất với Sadjaya-Belandhiputta, một trong sáu tôn sư ngoại đạo đương thời Phật.

1266. Ưu-bà-đề-xá Câu-luật-đà 優波提舍拘律陀. Ưu-bà-đề-xá (Pali: Upatissa) là tên khác của Xá-lợi-phất (Sāriputta). Câu-luật-đà (Pali: Kolita) là tên khác của Mục-kiền-liên (Moggallāna).

1267. A-thấp-ti 阿濕卑. Pali: Assaji, một trong năm Tỳ-kheo đầu tiên.

1268. Niên ấu tử 年幼稚. Hán nói theo sáo ngữ; hoặc muốn nói tuổi đạo con non trẻ. Pali: ...navo acirapabbajito, người mới (thọ Tỳ-kheo), xuất gia chưa bao lâu.

1269. Pali (Vin.i. 40): ye dhammā hetuppabhavā, tesam hetum tathāgato āha/ tesadca yo niro

Ưu-ba-đề-xá nghe rồi liền hết các trần cấu, đạt được sự trong sạch của con mắt pháp. Ưu-ba-đề-xá nghĩ: Chỉ chừng ấy pháp cũng đã đưa đến chỗ vô ưu, mà vô số ức trăm ngàn na-do-tha kiếp vốn chưa từng được thấy.

Ưu-ba-đề-xá với Câu-luật-đà trước đây có lời cam kết: Nếu ai đặng pháp mâu trước sẽ nói cho nhau. Bấy giờ Ưu-ba-đề-xá liền đến chỗ Câu-luật-đà. Câu-luật-đà thấy Ưu-ba-đề-xá đến bèn nói như vậy:

- Nay nhan sắc của bạn an lạc, các căn tịch định, như có sở đắc cái gì. Bạn thấy được pháp chăng?

Ưu-ba-đề-xá trả lời:

- Đúng như lời của bạn nói.

Câu-luật-đà nói:

- Bạn được những pháp gì?

Ưu-ba-đề-xá nói:

- Đức Như Lai kia nói về nhân duyên pháp sinh; cũng nói về nhân duyên pháp diệt. Nếu pháp sinh do bởi nhân gì, Đức Như Lai nói nhân. Nếu pháp diệt do bởi nhân gì, Đại Sa-môn cũng nói nghĩa ấy.

Khi Câu-luật-đà nghe nói như vậy rồi liền dứt sạch các trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch. Câu-luật-đà nghĩ: Chỉ bằng chừng ấy pháp đã đưa đến chỗ vô ưu, mà vô số ức ngàn na-do-tha kiếp chưa hề được thấy.”

Câu-luật-đà hỏi:

- Không biết hiện nay Đức Thế Tôn ở chỗ nào?

Ưu-ba-đề-xá nói:

- Như Lai hiện ở tại Ca-lan-đà trong Trúc viên.

Câu-luật-đà nói với Ưu-ba-đề-xá:

- Hôm nay chúng ta có thể cùng đến chỗ Đức Như Lai kính lễ, hỏi chào và nói rằng, Ngài là thầy của chúng ta.

Ưu-ba-đề-xá nói:

- Trước chúng ta có hai trăm năm mươi đệ tử theo ta tu phạm hạnh. Ta nên cho họ biết việc này rồi tùy ý họ muốn.

Bấy giờ, Ưu-ba-đề-xá cùng Câu-luật-đà đến chỗ các đệ tử nói:

- Các người nên biết, hai người chúng tôi muốn theo Đại Sa-môn học phạm hạnh. Tùy ý các người muốn thế nào thì muốn.

Các đệ tử đều nói:

- Bọn chúng con từ trước theo Thầy thọ học. Nay đại sư còn theo

do, evanvādi mahāsamamo, “Những pháp gì sinh khởi do nhân, Như lai nói nhân của các pháp đó, và cũng nói sự diệt tận của chúng. Đó là lời dạy của Đại Sa-môn.”

Đại Sa-môn cầu học, hướng là chúng con đâu không theo học. Những gì Thầy đã chứng đắc, chúng con cũng sẽ chứng đắc.

Bấy giờ, Ưu-ba-đề-xá và Câu-luật-đà cùng các đệ tử dẫn nhau đến Trúc viên. Vào lúc ấy, Đức Thế Tôn đang vì vô số trăm ngàn chúng nói pháp. Từ xa thấy Ưu-ba-đề-xá và Câu-luật-đà cùng các đệ tử đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Hai người đang đến từ xa ấy, một người tên là Ưu-ba-đề-xá, người thứ hai tên là Câu-luật-đà. Trong hàng đệ tử của Ta, hai người này là bậc tối thượng thủ, trí tuệ vô lượng, vô thượng, sẽ đạt được hai giải thoát.¹²⁷⁰ Trước khi chưa đến Trúc viên, hai người cùng là bạn đã được Như lai thọ ký.

Hai người cùng các đệ tử đến chỗ Đức Như Lai đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn tuần tự nói thắng pháp khiến họ phát tâm hoan hỷ. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sinh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Họ liền ngay trên chỗ ngồi, sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, nay con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.

Phật bảo:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ. Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Bấy giờ Thế Tôn đang dừng chân tại thành La-duyệt. Khi ấy Tôn giả Uất-bê-la Ca-diếp cùng các đệ tử xuất gia học đạo, lại có hai trăm năm mươi phạm chí từ San-nhã cũng xuất gia học đạo. Các con nhà hào quý tộc tánh trong thành La-duyệt cũng xuất gia học đạo. Bấy giờ, các trưởng giả trong thành La-duyệt tự cảnh giác với nhau: Các người có con nên tự giữ gìn cẩn thận. Vợ thì có phu chủ cũng phải giữ gìn cẩn thận. Hiện nay, có Đại Sa-môn, từ quốc giới nước Ma-kiệt đã độ các phạm chí. Rồi họ đi theo, nay đã đến đây. Coi chừng họ sẽ dẫn người ở đây đi nữa. Các Tỳ-kheo khất thực nghe người ta nói: Đại Sa-môn này dẫn các phạm chí tự nguyện đi theo đến đây. Nay lại dẫn người ở đây

1270. Hai giải thoát, chỉ huệ giải thoát và câu (phần) giải thoát. A-la-hán không chứng diệt tận định, gọi là huệ giải thoát, tức chỉ do huệ kiến mà giải thoát các phiền não. Chứng diệt tận định, được gọi là câu giải thoát, tức là do cả năng lực của huệ và định mà giải thoát phiền não, và giải thoát các chướng; quả A-la-hán cao nhất. Xem Câu xá 25 (T29, tr.1>1c11). Pali, Vin.i. 42: sāvakayugam... aggam bhaddayugam, một đôi thượng túc đệ tử; một đôi hiền triết.

đi nữa. Các Tỳ-kheo nghe đều ôm lòng hổ thẹn, đến chỗ Đức Thế Tôn, đem nhân duyên này trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Khi các ông vào trong thành La-duyệt khát thực, nghe các trưởng giả nói rằng, “Đại Sa-môn, từ quốc giới nước Ma-kiệt đã độ các phạm chí, rồi dẫn họ theo. Nay họ sẽ độ những người ở đây dẫn đi nữa”, các ông nên dùng bài kệ này trả lời với họ:

*Như Lai đại thế lực,
Dẫn đi bằng Chánh pháp.
Được dẫn bằng Chánh pháp,
Các người lo sợ gì?*

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, vào thành La-duyệt khát thực, nghe các ông trưởng giả nói như vậy, liền dùng kệ này trả lời:

*Như Lai đại thế lực,
Dẫn đi bằng Chánh pháp.
Được dẫn bằng Chánh pháp,
Các người lo sợ gì?*

Các ông trưởng giả nghĩ: Như chúng ta nghe, đại Sa-môn dẫn người đi bằng Chánh pháp, đâu phải là bằng phi pháp.

2. Hòa Thượng pháp

i. Hòa thượng truyền giới

Bấy giờ Tôn giả Uất-bê-la Ca-diếp dẫn các đệ tử xuất gia học đạo. Đệ tử¹²⁷¹ của San-nhã phạm chí dẫn hai trăm năm mươi đệ tử xuất gia học đạo. Con các hào tộc trong thành La-duyệt cũng xuất gia học đạo. Đại chúng tập trung và sống nơi thành La-duyệt. Bấy giờ những người chưa được giáo giới không xét biết oai nghi của mình, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh¹²⁷². Lúc tiểu thực, đại thực lớn tiếng kêu la, như pháp Bà-la-môn nhóm họp. Bấy giờ có một Tỳ-kheo bệnh, không có đệ tử, không ai chăm sóc, phải mạng chung. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy:

- Từ nay về sau cho phép cầu thỉnh Hòa thượng¹²⁷³. Hòa thượng

1271. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên nguyên là đệ tử của San-nhã. Xem đoạn kể trên.

1272. Bất tịnh thực 不淨食 và bất tịnh bát 不淨, nhận thức ăn không như pháp, và dùng bình bát không đúng quy định. Tham chiếu Pali, Vin. i. 44: Khi mọi người đang ăn, họ đưa bát ngay trên thức ăn, trên giá vị, trên thức uống để nhận phần dư.

1273. Hòa-thượng 和尚. Pali (Vin. i. 45): upajjhāya (Skt. upādhyāya), hoặc âm là Ô-ba-đà-da 波駄耶; dịch là thân giáo sư 親教師.

chăm sóc đệ tử¹²⁷⁴ với tâm ý đó là con. Đệ tử chăm sóc Hòa thượng với tâm ý đó là cha¹²⁷⁵. Trên dưới kính trọng lẫn nhau, chăm sóc cho nhau. Có như vậy chánh pháp mới được lâu bền, mới được lợi ích rộng lớn.

Pháp thỉnh Hòa thượng như sau: Hãy dạy để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay thưa:

- Con tên là..., nay thỉnh Đại đức làm Hòa thượng. Cúi xin Đại đức vì con làm Hòa thượng. Con nương theo Đại đức được thọ giới cụ túc.

Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy.

Hòa thượng nên trả lời, - Được. Hoặc nói, - Như vậy. Hoặc nói: Sẽ dạy bảo người. Hoặc nói: Thanh tịnh chớ buông lung.

Phật dạy:

- Từ nay về sau nên bỏ pháp thọ giới cụ túc bằng tam ngữ. Từ nay về sau cho phép phải đủ mười vị mới trao cho giới cụ túc bằng pháp bạch tứ yết-ma.

Phép thọ cụ túc như sau:

Người muốn thọ giới cụ túc phải đến giữa Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Con tên là..., theo Tỳ-kheo tên là..., cầu thọ giới cụ túc. Con tên... nay đến giữa Tăng cầu thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng. Cúi xin Tăng vì lòng thương tưởng tế độ con.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

Trong chúng nên sai một người có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Người này tên là..., theo Tỳ-kheo tên là... cầu thọ giới cụ túc. Người có tên... này, nay đến giữa Tăng cầu xin thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp nhận cho phép người có tên... thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Người này tên..., theo Tỳ-kheo tên... cầu thọ giới cụ túc. Nay người có tên... đến giữa Tăng cầu xin thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng. Vậy, trưởng lão nào chấp thuận, Tăng cho phép người có tên... thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma

1274. Đệ tử 弟子. Pali: saddhivihārika, chỉ đệ tử là người đang sống chung trong cùng một trú xứ. Phân biệt với đệ tử thị giả, luôn luôn đi theo hầu thầy, Pali gọi là antevāsika (Skt. antevāsa). Và đệ tử chỉ đến thọ giáo thôi, gọi là sāvaka (Skt. śrāvaka; dịch là Thanh văn).

1275. Hán: nhi ý 兒意, và phụ ý 父意. Pali: puttacitta (tâm của người con), pitucitta (tâm của người cha).

lần thứ nhất.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

- Tăng đã đồng ý cho người có tên... thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo tên... làm Hòa thượng rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi nhi nhận như vậy.

ii. Tuổi hạ của Hòa thượng

Bấy giờ các Tỳ-kheo biết Đức Thế Tôn chế giới cho phép trao giới cụ túc cho người. Tỳ-kheo mới thọ giới vội trao giới cụ túc cho người, mà không đủ khả năng giáo thọ. Vì không đủ khả năng giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực, đại thực lớn tiếng kêu la như Bà-la-môn nhóm họp.

Các Tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn hiềm trách Tỳ-kheo kia: Đức Thế Tôn chế giới, cho phép trao giới cụ túc cho người. Nhưng các ông mới thọ giới Tỳ-kheo, sao lại vội trao giới cụ túc cho người để rồi không thể giáo thọ cho họ được. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực, đại thực lớn tiếng kêu la như Bà-la-môn nhóm họp.”

Bấy giờ Tôn giả Hòa-tiên¹²⁷⁶ mới hai tuổi mà dẫn đệ tử một tuổi đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi:

- Đây là Tỳ-kheo nào?

Tôn giả thưa:

- Đó là đệ tử của con.

Đức Phật hỏi:

- Nay ông bao nhiêu tuổi?

Tôn giả thưa:

- Bạch Thế Tôn, con hai tuổi.

Đức Phật lại hỏi:

- Đệ tử của ông mấy tuổi?

Tôn giả thưa:

- Một tuổi.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

1276. Tống-Nguyên-Minh: Hòa-tiên 和先; bản Cao-li: Bà-tiên 婆先. Pali (Vin.i. 59): Upasena (Vangataputta); được nói là em ngài Xá-lợi-phất.

- Ông làm việc chẳng phải pháp, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Hòa-tiên, người tự thân chưa hết bú sữa mà đã nhận giáo thọ người; làm sao giáo thọ cho người được?

Vào lúc đó có các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên, cũng đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn nói:

- Vừa rồi có Tỳ-kheo Hòa-tiên mới hai tuổi mà dẫn đệ tử một tuổi đến Ta, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Ta biết mà vẫn cố hỏi: “Tỳ-kheo này là ai?” Hòa-tiên nói, “Đệ tử của con.” Ta hỏi, “Ông bao nhiêu tuổi?” Hòa-tiên thưa, “Con hai tuổi.” Ta hỏi, “Đệ tử của ông mấy tuổi?” Hòa-tiên thưa, “Một tuổi.” Ta liền dùng vô số phương tiện quả trách: “Ông làm việc chẳng phải pháp, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Hòa-tiên, người tự thân chưa hết bú sữa mà đã nhận giáo thọ người, làm sao giáo thọ cho người được?” Như Lai cho phép trao giới cụ túc cho người, nhưng người mới thọ giới Tỳ-kheo lại vội trao giới cụ túc cho người, nên không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như Bà-la-môn nhóm họp.

Bấy giờ Phật dùng vô số phương tiện quả trách, rồi bảo các

Tỳ-

kheo:

- Từ nay về sau cho phép Tỳ-kheo mười tuổi mới được trao giới cụ túc cho người.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn chế giới cho phép Tỳ-kheo mười tuổi mới được trao giới cụ túc cho người. Có Tỳ-kheo mười tuổi mà ngu si, vội trao giới cụ túc cho người, nên không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không biết xét oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như pháp nhóm họp của Bà-la-môn.

Các Tỳ-kheo, nghe trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tầm quý, quả trách Tỳ-kheo này: Đức Thế Tôn chế giới cho phép Tỳ-kheo mười tuổi được trao giới cụ túc cho người. Thấy dù là Tỳ-kheo mười tuổi nhưng ngu si sao lại vội trao giới cụ túc cho người, nên không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không

biết xét oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như Bà-la-môn nhóm họp.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo kia:

- Ông làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Như Lai chế giới cho phép Tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ được trao giới cụ túc cho người. Ông dù là Tỳ-kheo mười tuổi nhưng ngu si, sao lại vội trao giới cụ túc cho người, không biết giáo thọ? Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như pháp nhóm họp của Bà-la-môn.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau cho phép Tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ mới trao giới cụ túc cho người.

Các Tỳ-kheo khi nghe Đức Thế Tôn chế giới cho phép Tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ mới được trao giới cụ túc cho người, bèn tự nói là: Tôi đủ mười tuổi, có trí tuệ, được phép trao giới cụ túc cho người. Rồi vội trao giới cụ túc cho người mà không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như Bà-la-môn nhóm họp.

Các Tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn quở trách Tỳ-kheo kia, nói: Đức Thế Tôn chế giới cho phép Tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ mới được trao giới cụ túc cho người. Tại sao thầy lại tự nói là có trí tuệ, vội trao giới cụ túc cho người mà không giáo thọ? Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như Bà-la-môn nhóm họp.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế

Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quả trách Tỳ-kheo kia:

- Ông làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải sa môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Như Lai chế giới cho phép Tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ được trao giới cụ túc cho người. Tại sao các thầy tự nói mình có trí tuệ, để rồi trao giới cụ túc cho người mà không giáo thọ được? Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận thức ăn bất tịnh chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; lúc tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la như Bà-la-môn nhóm họp.

iii. Phận sự của Hòa thượng

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách, rồi bảo các Tỳ-
heo:

- Từ nay về sau phải chế pháp tắc của Hòa thượng, bắt buộc phải làm theo pháp Hòa thượng. Hòa thượng đối với đệ tử phải có phận sự như vậy, nên thực hành pháp như vậy:

- Nếu đệ tử bị chúng Tăng tác pháp yết-ma, tác pháp ha trách, tác pháp tấn xuất, tác pháp y chỉ, tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử tội; thì Hòa thượng nên như pháp liệu lý, khiến cho Tăng đối với đệ tử ấy không tác pháp yết-ma. Nếu trường hợp phải tác pháp, thì khiến cho đúng pháp. Nếu Tăng đối với đệ tử ấy tác pháp yết-ma, tác pháp ha trách, tác pháp tấn xuất, tác pháp y chỉ, tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử tội; thì Hòa thượng nên liệu lý như pháp, khiến đệ tử thuận tùng Tăng không trái nghịch, cần cầu, trừ bỏ tội lỗi, khiến cho Tăng sớm vì đệ tử giải pháp yết-ma.

- Trường hợp đệ tử phạm tăng tàn, Hòa thượng nên liệu lý như pháp. Cần cho ba-lợi-bà-sa thì cho ba-lợi-bà-sa. Cần cho bốn nhật trị thì cho bốn nhật trị. Cần cho Ma-na-đỏa thì cho Ma-na-đỏa. Cần xuất tội thì nên xuất tội.

- Nếu đệ tử bị bệnh, Hòa thượng nên chăm sóc, hoặc nhờ người khác chăm sóc cho đến khi lành hay mạng chung. Nếu đệ tử không thích sống nơi trú xứ này, nên tự mình đưa đi hay nhờ người đưa đi đến trú xứ khác.

- Nếu đệ tử có điều nghi, nên đem pháp, đem luật, đem lời Phật dạy giáo dục đúng như pháp để trừ nghi. Nếu đệ tử sinh ác kiến, nên giáo thọ khiến cho bỏ ác kiến, an trú nơi thiện kiến. Nên dùng hai pháp để nhiếp hộ, tức là pháp và y thực. Dùng pháp nhiếp hộ là dạy tăng

thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng huệ, dạy học vấn, tụng kinh. Dùng y thực nhiếp hộ là cho y thực, giường, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh theo khả năng có thể.

- Từ nay về sau chế pháp tắc cho Hòa thượng như vậy. Hòa thượng nên làm như vậy. Nếu Hòa thượng không làm thì như pháp trị.

iv. Phận sự của đệ tử

Bấy giờ có Hòa thượng đối với đệ tử thì thi hành đúng pháp của Hòa thượng, mà đệ tử đối với Hòa thượng không phụng hành đúng pháp của đệ tử. Họ không bạch với Hòa thượng¹²⁷⁷ khi vào thôn, đến nhà bạch y; hoặc đi theo các Tỳ-kheo khác, hoặc làm bạn với các Tỳ-kheo khác, hoặc cho, hoặc nhận, hoặc giúp đỡ các việc, hoặc nhận sự giúp đỡ của người khác, hoặc cạo đầu cho người, hoặc nhờ người khác cạo đầu. Không bạch với Hòa thượng vào phòng tắm; hoặc xoa kỳ thân cho người, hoặc nhờ người xoa kỳ thân mình. Hoặc không bạch với Hòa thượng mà ban ngày đến các phòng khác trong trú xứ, hoặc đến nơi gò mả, hoặc ra ngoài giới, hoặc đến phương khác.

Các Tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách các Tỳ-kheo kia, nói: Tại sao Hòa thượng đối với đệ tử thi hành đúng pháp của Hòa thượng, mà để đệ tử đối với Hòa thượng lại không phụng hành pháp của đệ tử? Không bạch với Hòa thượng mà vào thôn, đến nhà bạch y, cho đến, (không bạch mà) đến phương khác?

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo quở trách Tỳ-kheo kia:

- Ông làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải sa môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao Hòa thượng đối với đệ tử thi hành đúng pháp của Hòa thượng, mà để đệ tử đối với Hòa thượng lại không phụng hành pháp của đệ tử? Không bạch với Hòa thượng mà vào thôn, đến nhà bạch y, cho đến, (không bạch mà) đến phương khác?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo kia rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau nên chế pháp của đệ tử. Đệ tử phụng hành pháp gì, khiến cho đệ tử đối với Hòa thượng phải phụng hành pháp đệ tử.

1277. Từ “không bạch Hòa thượng” này đọc thông xuống các đoạn dưới. Nghĩa là, đệ tử không hỏi xin phép Hòa thượng, mà tự ý làm.

Pháp của đệ tử là:

- Nếu Hòa thượng bị chúng Tăng tác pháp yết-ma, tác pháp quả trách, tác pháp tấn xuất, tác pháp y chỉ, tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử tội, thì đệ tử phải nên như pháp liệu lý, khiến cho Tăng dừng vì Hòa thượng tác pháp yết-ma. Nếu phải tác pháp thì khiến cho nhẹ bớt. Nếu Tăng vì Hòa thượng tác pháp yết-ma, tác pháp quả trách, tác pháp tấn xuất, tác pháp y chỉ, tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử tội, thì đệ tử nên liệu lý như pháp, khiến Hòa thượng thuận tùng Tăng, không trái nghịch. Cần cầu, trừ tội, khiến Tăng mau giải yết-ma.

- Trường hợp Hòa thượng phạm tăng tàn, đệ tử nên liệu lý như pháp. Cần hành ba-lợi-bà-sa thì cho ba-lợi-bà-sa. Cần trao bốn nhật trị thì trao bốn nhật trị. Cần trao Ma-na-đỏa thì trao Ma-na-đỏa. Cần xuất tội thì nên xuất tội.

- Nếu Hòa thượng bị bệnh, đệ tử phải chăm sóc hoặc nhờ người chăm sóc cho đến khi mạnh khoẻ hay mạng chung. Nếu ý của Hòa thượng không muốn ở trú xứ này thì nên tự dời hay nhờ người khác dời.

- Nếu Hòa thượng có điều gì nghi ngờ thì nên đem pháp, đem luật, đem lời Phật dạy giải quyết như pháp. Nếu Hòa thượng sinh ác kiến thì khuyên khiến cho bỏ ác kiến, trụ nơi thiện kiến. Nên dùng hai việc để nhiếp hộ, tức là pháp và y thực. Dùng pháp nhiếp hộ: là khuyên khiến cho tăng giới, tăng tâm, tăng huệ, học vấn, tụng kinh. Y thực nhiếp hộ: là phải cúng dường y thực, giường nệm, đồ cụ, thuốc chữa bệnh, vật cần dùng theo khả năng của mình có thể.¹²⁷⁸

- Từ nay về sau nên chế pháp cho đệ tử. Pháp của đệ tử là như vậy, nên phụng hành, nếu không phụng hành thì như pháp trị.

- Đệ tử đối với Hòa thượng không phụng hành pháp của đệ tử.¹²⁷⁹ Đệ tử không thưa với Hòa thượng thì không được vào thôn, không được đến nhà người, không được theo các Tỳ-kheo khác, hoặc làm bạn với các Tỳ-kheo khác; không được cho, không được nhận, không được giúp đỡ các việc, không được cạo đầu cho người khác, không được nhờ người khác cạo đầu, không được vào nhà tắm để tắm, không được xoa kỳ thân cho người, không được nhờ người xoa kỳ thân, không được ban ngày đến phòng (khác) của trú xứ, không được đến nơi gò mả, không được ra

1278. Đoạn văn này, bản Hán theo quán tính nên sao nguyên pháp Hòa thượng vào pháp đệ tử.

1279. Trong bản Hán, nguyên câu này dư.

ngoài giới, không được đến phương khác.

- Đệ tử nên mỗi sáng sớm vào phòng Hòa thượng thọ pháp, tụng kinh hồi nghĩa; nên đem đồ đồ tiểu tiện, nên bạch giờ cơm; cung cấp tháo đậu hoặc phân bò, tro để rửa tay.

- Nếu có thức ăn gì thì nên nhận phần của Hòa thượng. Nếu trong Tăng có lợi dưỡng, nên nhận cho Hòa thượng. Nên đem tháo đậu, tắm rửa răng trao cho Hòa thượng để Hòa thượng rửa tay, súc miệng. Có thức ăn dâng cho Hòa thượng. Trong Tăng có lợi dưỡng nên bạch với Hòa thượng, “Có phẩm vật như vậy là phần của Hòa thượng.”

- Đệ tử muốn xin phép Hòa thượng vào thôn, nói: “Con xin phép vào thôn, bạch Hòa thượng, được không?” Nếu Hòa thượng nói: “Không được vào”, thì hỏi: “Vậy lấy thức ăn ở đâu?” Nếu Hòa thượng nói: “Lấy thức ăn tại chỗ nào đó”, thì nên như lời dạy, đến đó để lấy. Nếu Hòa thượng trả lời: “Tôi vào thôn”, đệ tử nên rửa tay, nhẹ nhàng lấy y từ trên giá, đừng cho nhầm lộn; lấy An-đà-hội trưng ra đập giũ, xem xét có các loài ác trùng như rắn, ong không; kế đó lấy dây buộc, lấy tăng-kỳ-chi,¹²⁸⁰ Uất-đa-la-tăng trưng ra đập giũ, xem xét có các loài ác trùng như rắn, bọ cạp, ong không, trao cho Hòa thượng. Nên xếp Tăng-già-lê máng trên đầu hay trên vai. Kế đó lấy bình bát, dùng tháo đậu, tro, phân bò, rửa cho sạch, đựng vào trong dây lưới, hoặc lấy khăn tay gói lại, hoặc để trong dây đựng bát, rồi mang đi. Nên lấy áo lót cho Hòa thượng. Lại lấy những vật rửa chân, tắm dạ để nằm, chăn, trao cho Hòa thượng.

- Khi Hòa thượng xuất hành, nên lấy đôi guốc đi đường của Hòa thượng ra ngoài phòng. Khi ra khỏi phòng xá nên coi lại cửa, lấy tay xô thử cánh cửa có chắc hay không. Nếu không chắc, phải đóng lại. Nếu chắc rồi thì bỏ sợi dây vào trong. Xem khắp bốn bên, cất chìa khóa chỗ kín. Nếu sợ người thấy hay sợ không chắc, bị người thấy, thì nên đem theo, hoặc dời chỗ khác kín và chắc. Mời Hòa thượng đi trước. Trên đường đi gặp người quen biết, nên khéo lời chào hỏi với thiện tâm ghi nhớ. Khi đi, nên tránh người đi đường.

- Khi thầy muốn vào thôn, nên tạm dừng lại bên đường, để bát xuống một bên, lấy y Tăng-già-lê từ trên đầu hay trên vai xuống, trưng ra xem coi có rắn, bọ cạp, loài ác trùng hay không, rồi mới trao cho Hòa thượng. Nếu bên ngoài thôn có khách xá hay quán bán hàng hay phường hội, thì nên đem đôi guốc đi đường gởi trong đó, rồi hỏi Hòa

1280. Tăng-kỳ-chi 僧祇支, yếm của Tỳ-kheo-ni. Xem Phần II, Ni luật, Ba-đạt-đê 160 & cht. >16. Trong đoạn văn này, tăng-kỳ-chi hiểu là phú kiên y, tức y để trùm vai. Pali: sankacchika

thượng: “Thưa thầy, con có đi theo hay không?” Nếu thầy nói đi thì đi. Nếu nói không cần đi, thầy bảo chờ chỗ nào đó, thì chờ.

- Nếu Hòa thượng vào thôn mà trở ra không đúng giờ, thì nên nghĩ như sau, “Vào thôn khát thực, đây là phần dành Hòa thượng, đây là phần thuộc về mình.”

- Khi thầy ra khỏi thôn, nên đến chỗ gởi đôi guốc đi đường lấy lại, rồi ghé bên đường, để bình bát xuống đất, xếp Tăng-già-lê, máng lại trên đầu hay trên vai. Giữa đường gặp người quen biết nên với thiện ý hỏi chào. - Nếu Hòa thượng dùng cơm chỗ nào thì nên quét dọn cho sạch, trải tọa cụ, bình nước sạch đầy đủ, đồ tắm rửa, đồ đựng thức ăn. Nên trao cho Hòa thượng ghé ngồi tắm, hòn đá rửa chân, khăn lau chân.

- Từ xa thấy Hòa thượng đến, liền đứng dậy nghinh đón, rước bình bát nơi tay, đặt trên đế để bát¹²⁸¹ hay trên dàn để bát,¹²⁸² hoặc treo nơi đầu võng; lấy Tăng-già-lê trên đầu hay trên vai, trưng ra xem có mồ hôi, đất bẩn hay không, hoặc bị bùn nhơ hay phân chim v.v... Nếu có các thứ bẩn ấy thì đem giặt cho sạch, vắt ráo nước, trưng ra phơi trên giường cây hay giường dây. Lại nên trải chỗ ngồi cho Hòa thượng; mang guốc dép, đá rửa chân, khăn lau chân, đồ đựng nước cho Hòa thượng. Đạp đôi guốc rồi nên để bên tả, chỗ đất không ẩm thấp. Nếu chỗ đất bị ẩm thấp thì nên dời chỗ khác. Hòa thượng rửa chân rồi nên đổ nước, đem hòn đá rửa chân, khăn lau chân để lại chỗ cũ, rồi rửa tay mình cho sạch, trao nước sạch cho Hòa thượng rửa tay.

- Mình có thức ăn gì nên đem dâng lên Hòa thượng và thưa: “Đây là phần ăn của con, mời Hòa thượng dùng.” Nếu Hòa thượng dùng thì phải đứng hầu, cung cấp các thứ cần dùng. Sau bữa ăn, có sữa, nước nấu cao, nước muối chua, nước đại mạch, rau hay củ, nên dâng cho thầy. Nếu nóng thì quậy cho nguội, cần nước thì dâng nước. Nếu gần quá nửa ngày thì nên cùng thầy đồng ăn. Hòa thượng dùng rồi nên rước bình bát nơi tay đem rửa. Mình ăn rồi, còn thức ăn dư, nên cho người hoặc phi nhân, hay đổ nơi chỗ đất sạch không có cỏ, hoặc chỗ nước sạch không có quặng. Lấy đồ đựng thức ăn rửa sạch để lại chỗ cũ. Lấy tọa cụ, đồ rửa chân, bình tịnh thủy, bình súc miệng để trở lại chỗ cũ; đem dẹp sạch sẽ chỗ ăn.

Có người dùng bình bát đựng thức ăn dư đem đổ. Các Tỳ-kheo thấy đều nhờm gồm.

Đức Phật dạy:

1281. Bát chi (Tống-Nguyên-Minh 枝).

1282. Bát sàng 床

- Từ nay về sau không được dùng bình bát đựng thức ăn dư đem đổ; mà nên dùng đồ để đựng thức ăn dư riêng, như đồ bể hay đồ cũ, sọt bằng tre, hoặc dùng chổi quét cho sạch. Bình bát dùng để ăn phải là thứ tốt và tinh-khiết mới thọ trì.

- Khi vào phòng Hòa thượng, nên để ý xem có bụi đất hay không; nếu có phải lau quét. Giường dây, giường cây, tọa cụ, nệm lớn mệm nhỏ, gối, chăn, mền, chân giường,^{128>} đồ trải dưới đất, nên ghi nhớ chỗ để của nó, rồi đem ra ngoài hong phơi. Khi lau quét, dọn dẹp trong phòng nên để ý, nếu có ống đựng kim chỉ, dao, hoặc vải y rách cũ, cho đến một vài viên thuốc cũng phải để chỗ dễ thấy, để người chủ thấy lấy.

- Nên lau quét trên các cây móc y, trên cọc, hoặc trên móc long nha,¹²⁸⁴ v.v... Nếu trong phòng bị hư mục, hay bị chuột làm ổ, thì phải tu bổ sửa sang lại; cần trét thì trét, cần nện thì nện, cần làm cho bằng thì làm cho bằng, cần dùng nước bùn rưới lên trên cho sạch sẽ thì nên dùng nước bùn rưới lên cho sạch, nên dùng đất trải lên trên cho khô ráo thì làm cho khô ráo. Trong phòng, thảm ngồi nếu không được trải ngay thẳng thì sửa lại cho ngay thẳng. Nếu đã ngay thẳng rồi thì phải để như cũ. Trước hết lau chân giường, xếp giường dây, chân giường dây đem để trong phòng. Trên giường, lấy mệm lớn mệm nhỏ, gối, chăn, y để trong phòng. Trải nệm lớn trước, trải nệm nhỏ sau, chăn gối để ngay bên trên.

Có người lấy y thường mặc và y không thường mặc để chung một chỗ, bấy giờ bị lẫn lộn. Phật dạy:

- Từ nay về sau không nên đem y thường mặc để chung một chỗ với y không thường mặc. Mỗi thứ nên để riêng một chỗ.

Có người lấy dây đựng bình bát, dây đựng giày guốc, ống đựng kim, đồ đựng dầu để chung một chỗ. Các Tỳ-kheo thấy nhỡm gồm. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy. Từ nay về sau, dây đựng bình bát, ống đựng kim để một chỗ; dây đựng guốc dép, đồ đựng dầu để một chỗ.

- Nên ở trong phòng mà đặt cây gài cửa cẩn thận, đừng cao quá, thấp quá. Ra ngoài phòng, cần xem lại ngưỡng cửa. Trước sân có đất bụi không sạch, phải quét cho sạch. Nên lấy bình nước sạch rửa cho sạch, rồi lấy đầy bình nước để lại chỗ cũ.

- Lại nên trao cho Hòa thượng bình đầy nước, bình tắm rửa, đồ

128>. Sàng chi 床 (Tống-Nguyên-Minh: 支).

1284. Long nha 龍牙, răng rồng hay ngà voi, hay các vật tương tự dùng làm đinh móc đóng trên vách tường để máng áo chăn các thứ; một loại gạc nai. Pali: nāgadantaka; cf. Vin.ii. 152

đựng cơm nước.

- Đến giờ tắm, nên đến thưa với Hòa thượng xem ngài có muốn tắm không. Nếu ngài cần tắm nên vào trong nhà tắm trước, xem dưới đất có bẩn thì phải quét dọn cho sạch. Cần rưới nước thì rưới nước. Cần quét thì quét. Có nước không sạch, cần đổ thì đổ. Cần đem nước vào thì đem. Cần đem củi vào thì đem. Cần bửa củi thì bửa. Cần đem bếp vào thì đem vào. Nên vì Hòa thượng trao đầy đủ phương tiện nơi nhà tắm,¹²⁸⁵ như bình và ghế nhỏ ngồi, dụng cụ cạo đất, đồ đựng nước, đồ đựng bùn đất, tháo đậu, các dụng cụ tắm rửa. Vị ấy nên thưa với Hòa thượng trước khi nhen lửa. Nhen lửa rồi phải thưa thầy biết để thầy vào tắm. Nếu Hòa thượng bệnh yếu hay quá già, mình nên dìu Hòa thượng vào, hay mời Hòa thượng ngồi trên giường cây, giường dây, hay dùng y khiêng Hòa thượng vào. Khi vào trong nhà tắm, nên rước y nơi tay Hòa thượng. Trong nhà tắm có móc áo, hoặc móc long nha, hay giá y thì đem y móc nơi đó. Nếu có dầu thì đem dầu thoa mình Hòa thượng. Đồ đựng dầu nên để dưới đất, lấy sợi dây cột lên cây trụ hay móc long nha. Nếu Hòa thượng già yếu bệnh hoạn, nên dìu Hòa thượng vào nhà tắm. Khi đến, nên lấy ghế ngồi tắm, bình tắm, dao cạo mồ hôi, đồ đựng nước, đồ đựng bùn, tháo đậu, các dụng cụ để tắm. Nếu có khói xông vào mặt Hòa thượng, phải lấy khăn ngăn khói. Nếu đầu và lưng Hòa thượng bị nóng thì lấy khăn che lại.

- Vị ấy nên bạch với Hòa thượng, sau mới vào nhà tắm. Nếu Hòa thượng đã vào trước, sợ trong nhà tắm ồn không dám vào nên khởi ý nghĩ: “Nay ta không vì mình, mà vào vì Hòa thượng tắm rửa.” Có thể nghĩ như thế rồi vào. Vào rồi, nên xoa chà thân thể cho Hòa thượng. Nên đứng sau Hòa thượng. Nếu muốn xoa chà thân thể người khác hay nhờ người khác xoa chà thân thể thì nên bạch với Hòa thượng, sau đó mới xoa chà hay nhờ xoa chà. Vị ấy nên rửa cho Hòa thượng rồi mới rửa cho mình. Nếu Hòa thượng quá già bệnh hoạn, ốm yếu thì nên dìu Hòa thượng ra khỏi phòng tắm, lấy ghế mời Hòa thượng ngồi, lấy khăn lau thân thể, lấy khăn lau mặt, lấy khăn lau mắt trao cho Hòa thượng rồi nên để cục đá rửa chân, lấy nước rửa chân, lấy khăn lau chân, trao xong nên lấy nước rửa chân, đập giũ hay lau guốc dép trao cho Hòa thượng. Kế đến lấy y trưng ra xem, đập giũ trao cho Hòa thượng. Nếu có thuốc nhỏ con mắt hoặc bột thơm, trao cho Hòa thượng. Hoặc có nước cam, nước mật, rửa tay rồi trao cho Hòa thượng. Nếu Hòa thượng già yếu bị

1285. Hán: ôn thất 溫室; nhà ấm; tức nhà tắm có nước nóng. Thường chỉ chung nhà tắm. Pali: jantāghara.

bệnh gây ốm, thì nên lấy giường dây, giường cây mời Hòa thượng ngồi lên trên, hoặc dùng y khiêng Hòa thượng trở vào trong phòng. Khi vào trong phòng rồi, lấy tay sửa soạn chỗ nằm, xem xét trải ngọa cụ, mời Hòa thượng nằm. Trước hết trao áo lót cho Hòa thượng, sau đó lấy y hay chăn phủ lên mình Hòa thượng. Khi ra khỏi phòng, nhớ đóng cửa phòng, rồi đến nhà tắm xem xét lại bình nước, bình tẩy dục, dao cạo mồ hôi, ghế ngồi tắm, bình đựng nước, đồ đựng bùn đất, thuốc bột, thảo đậu, các vật dùng để tắm, phải để lại vị trí cũ của nó. Nếu trong nhà tắm có chứa nước không sạch, phải đổ đi. Nên tắt lửa thì tắt, nên vùi lửa thì vùi, nên đóng cửa thì đóng, nên đem khóa cửa đi thì đem đi.

- Đệ tử mỗi ngày ba lần nên đến thăm hỏi Hòa thượng. Đệ tử nên vì Hòa thượng làm hai việc nhọc nhằn không được từ khước: một là sửa soạn phòng xá, hai là may vá và giặt y phục. Hòa thượng như pháp dạy về điều gì, đệ tử phải phụng hành. Nếu Hòa thượng sai đi đâu, làm việc gì thì không được từ nan, viện cố không đi. Nếu từ nan thì sẽ như pháp trị. Từ nay về sau quy định người đệ tử tu theo pháp của đệ tử đối với Hòa thượng. Nếu đệ tử không phụng hành pháp của đệ tử sẽ như pháp trị.¹²⁸⁶

v. A-xà-lê

Bấy giờ các Tỳ-kheo mới thọ giới, Hòa thượng mạng chung, không biết ai giáo thọ. Do không được giáo thọ nên không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận bát tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, lớn tiếng kêu la như Bà-la-môn nhóm họp không khác. Các Tỳ-kheo đến bạch lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

- Từ nay về sau cho phép có pháp của A-xà-lê¹²⁸⁷ và pháp của đệ tử.¹²⁸⁸ A-xà-lê đối với đệ tử như con, đệ tử đối với A-xà-lê tưởng như cha, trên dưới dạy bảo nhau, trên dưới phụng sự nhau. Có như vậy ở trong Phật pháp mới thêm sự lợi ích, mới lưu truyền rộng rãi.

Pháp thức thỉnh A-xà-lê như sau: người thỉnh để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

- Đại đức một lòng thương tưởng, con tên là..., nay cầu Đại đức làm vị y chỉ, nguyện Đại đức vì con làm y chỉ, con y chỉ nơi Đại đức mà an trú.

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

1286. Hết quyển >>.

1287. A-xà-lê 阿闍梨, giáo sư, quỳ phạm sư. Pali (Vin.i. 60): ācariya (Skt. ācārya).

1288. Đệ tử, ở đây Pali: antevāsika; xem cht. 154 trên.

Vị Đại đức nên nói:

- Được, tôi cho ông y chỉ. Ông chớ buông lung.

Các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn chế giới cho phép tác pháp y chỉ. Tỳ-kheo mới thọ giới cho người y chỉ, không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa ăn chính ăn phụ lớn tiếng kêu la như Bà-la-môn nhóm họp.

Các Tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống khổ hạnh ưa học giới, biết hổ thẹn quả trách Tỳ-kheo kia: Đức Thế Tôn chế giới cho phép nhận người y chỉ, mà các thầy là Tỳ-kheo mới thọ giới tại sao nhận người y chỉ để không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh, trong bữa đại thực, tiểu thực, lớn tiếng kêu la, như Bà-la-môn nhóm họp.

Các Tỳ-kheo quả trách rồi đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quả trách Tỳ-kheo kia:

- Ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều chẳng nên làm. Nay Tỳ-kheo, tại sao Đức Thế Tôn chế giới cho phép nhận người y chỉ mà các ông là Tỳ-kheo mới thọ giới, lại nhận người khác y chỉ, không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, kêu la lớn tiếng như pháp của Bà-la-môn nhóm họp.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách rồi bảo các

Tỳ-
k

heo: - Từ nay về sau, cho phép Tỳ-kheo mười tuổi cho người y chỉ.

Khi các Tỳ-kheo kia nghe Đức Thế Tôn chế giới cho phép Tỳ-kheo mười tuổi cho người y chỉ, thì có Tỳ-kheo mười tuổi kia ngu si, không trí tuệ, cho người y chỉ, không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, kêu la lớn tiếng như pháp

của Bà-la-môn nhóm họp.

Các Tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Tỳ-kheo kia: Thế Tôn chế giới cho phép Tỳ-kheo mười tuổi được cho người y chỉ. Mà các thầy tuy mười tuổi, nhưng ngu si, lại cho người y chỉ, không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, kêu la lớn tiếng như pháp của Bà-la-môn nhóm họp.

Tỳ-kheo quở trách rồi, đến bạch lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quở trách Tỳ-kheo kia:

- Các ông làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc chẳng nên làm. Ta chế giới cho phép Tỳ-kheo mười tuổi được cho người y chỉ. Các ông tuy mười tuổi mà ngu si lại cho người y chỉ, để rồi không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh... cho đến như pháp của Bà-la-môn nhóm họp.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-

kheo: - Từ nay về sau cho phép Tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ cho người

Khi các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn chế giới cho phép Tỳ-kheo chỉ. mười tuổi có trí tuệ cho người y chỉ. Có Tỳ-kheo kia tự xưng rằng, tôi

mười tuổi có trí tuệ, bèn cho người y chỉ. Song vị kia cho người y chỉ rồi không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, kêu la lớn tiếng như pháp của Bà-la-môn nhóm họp.

Các Tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách Tỳ-kheo kia: Thế Tôn chế giới cho phép Tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ cho người y chỉ. Mà thầy tự nói, tôi có trí tuệ, bèn cho người y chỉ. Cho rồi mà không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận bất tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong bữa đại thực, tiểu thực, lớn tiếng kêu la như Bà-la-môn nhóm họp.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quở trách Tỳ-kheo kia:

- Các ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Ta chế giới cho phép Tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ cho người y chỉ. Mà ông tự nói có trí tuệ, để cho người y chỉ, cho y chỉ rồi, không biết giáo thọ. Vì không được giáo thọ nên họ không xét biết oai nghi, khoác y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, nhận bát tịnh thực chỗ này chỗ kia, hoặc nhận thức ăn với bát bất tịnh; trong đại thực, tiểu thực, kêu la lớn tiếng như pháp của Bà-la-môn nhóm họp?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các

Tỳ-
kheo:

Từ nay về sau nên chế pháp A-xà-lê, khiến cho hành pháp

A-xà-

lê. A-xà-lê đối với đệ tử nên tác pháp như vậy, nên phụng hành pháp như vậy: (A-Xà-lê đối với đệ tử phải làm như thế nào, tất cả đều giống như pháp của Hòa thượng đối với đệ tử. Đệ tử đối với A-xà-lê phải làm như thế nào, tất cả đều giống như pháp của đệ tử đối với Hòa thượng).

Văn đồng nên không chép ra).¹²⁸⁹

vi. Y chỉ và dūt y chỉ

Bấy giờ các đệ tử không thừa sự cung kính Hòa thượng, cũng không thuận pháp của đệ tử. Các Tỳ-kheo đến bạch với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

- Từ nay về sau nên cho tác pháp khiến trách.¹²⁹⁰ Các Tỳ-kheo không biết khiến trách như thế nào.

Đức Phật dạy:

Cho phép khiến trách bằng năm cách. Hòa thượng nói như

sau:

- Nay ta quở trách người: “Người đi đi!”, “Người đừng vào phòng ta.”, “Người đừng làm việc gì cho ta.”, “Người cũng đừng đến chỗ ta.”, “Ta không nói chuyện với người.” Đó gọi là năm việc Hòa thượng quở trách đệ tử.

A-xà-lê quở trách đệ tử cũng có năm cách, nói:

- Nay ta quở trách người: “Người đi đi!”, “Người đừng vào phòng ta.”, “Người đừng làm việc gì cho ta.”, “Người cũng đừng đến chỗ ta.”, “Ta không nói chuyện với người.” Đó gọi là năm việc A-xà-lê quở trách đệ tử.

¹²⁸⁹. Tiểu chú trong nguyên bản.

1290. Ha trách 呵責. Cảnh cáo hay đuổi cảnh cáo. Đây muốn nói là dứt y chỉ. Pali (Vin.i. 5>):
panāmita: đuổi (đệ tử).

Đức Thế Tôn cho phép khiển trách. Các Tỳ-kheo không biết nên khiển trách vì chuyện gì. Các Tỳ-kheo đến bạch với Đức Phật. Đức Phật dạy:

- Đệ tử có năm việc, Hòa thượng, A-xà-lê nên khiển trách đệ tử: Không biết xấu, không biết hổ, không nghe lời dạy, làm điều phi oai nghi, không cung kính. Đệ tử có năm việc như vậy Hòa thượng, A-xà-lê cần phải quả trách.

- Lại có năm việc: Không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, làm bạn cùng kẻ ác, ưa đến nhà dâm nữ.

- Lại có năm việc: Không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, cùng người ác làm bạn, ưa đến nhà phụ nữ.¹²⁹¹

- Lại có năm việc: Không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, làm bạn cùng kẻ ác, ưa đến nhà đồng nữ lớn.¹²⁹²

- Lại có năm việc: Không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, làm bạn cùng kẻ ác, ưa đến nhà huỳnh môn.

- Lại có năm việc: Không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, làm bạn cùng kẻ ác, ưa đến tinh xá của Tỳ-kheo-ni.

- Lại có năm việc: Không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, cùng người ác làm bạn, ưa đến tinh xá của Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni.

- Lại có năm việc: Không biết xấu, không biết hổ, khó dạy, làm bạn cùng kẻ ác, ưa xem bắt ba ba, rùa.

- Đệ tử có năm việc như vậy thì Hòa thượng, A-xà-lê nên tác pháp quả trách.

Đức Thế Tôn cho phép khiển trách đệ tử. Các Tỳ-kheo lại khiển trách suốt đời.

Đức Phật dạy: Không được khiển trách suốt đời. Vị ấy khiển trách suốt mùa an cư.

Đức Phật dạy: Không được như vậy.

Vị kia khiển trách người bệnh. Trong khi Hòa thượng, A-xà-lê không trông nom người bệnh, Tỳ-kheo khác cũng không trông nom khiến cho người bệnh khốn đốn.

Đức Phật dạy: Không được khiển trách người bệnh.

Vị kia khiển trách người vắng mặt. Các Tỳ-kheo nói: Người bị khiển trách. Đương sự nói: Con không bị khiển trách.

Đức Phật dạy: Không nên quả trách người vắng mặt.

Vị kia không nói rõ tội lỗi mà quả trách, các đệ tử nói: Con

phạm

1291. Phụ nữ 婦女; đây chỉ đàn bà đã có chồng

1292. Đại đồng nữ 大童女; con gái lớn tuổi nhưng chưa chồng.

tội gì mà bị quở trách?

Đức Phật dạy: Không nên không nói rõ tội trạng mà khiến trách.

Nên nói rõ tội trạng như vậy: “Người phạm tội như vậy, như vậy.”

Người bị khiển trách rồi lại cung cấp vật dụng và chịu sai khiến.

Đức Phật dạy: Không nên như vậy.

Vị kia đã tác pháp quở trách rồi vẫn nhận sự cung cấp và sai khiến người ấy.

Đức Phật dạy: Không nên như vậy.

Người khiển trách rồi mà vẫn ở đó y chỉ.

Đức Phật dạy: Không được như vậy.

Vị kia đã tác pháp khiển trách rồi mà vẫn cho người ấy y chỉ. Đức Phật dạy: Không được như vậy.

Người bị quở trách rồi không sám hối Hòa thượng, A-xà-lê, bèn đi

i. Đức Phật dạy: Không nên như vậy.

Người bị quở trách rồi bèn ở bên các Tỳ-kheo khác, không chấp sự cho Hòa thượng, A-xà-lê, mà cũng không chấp sự các Tỳ-kheo khác.

Đức Phật dạy: Không nên như vậy.

Người bị quở trách rồi không có người hướng dẫn việc tùy thuận nên bỏ đi xa hoặc thôi tu, hoặc không tin ưa Phật pháp.

Đức Phật dạy: Những vị khác nên với ý nghĩ vì Hòa thượng, A-xà-lê của vị ấy khuyên họ sám hối để thầy trò hòa hợp.

Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo dụ dẫn đệ tử người khác đi. Các Tỳ-kheo đến bạch Đức Phật.

Đức Phật dạy: Không được dụ dẫn đệ tử người khác đi. Nếu dụ dẫn đi thì nên như pháp trị.

Vị Hòa thượng, A-xà-lê kia hoặc phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử, hoặc diệt tẩn, hoặc đáng diệt tẩn, đối với pháp Sa-môn không lợi ích. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật.

Phật dạy: Cho phép dụ dẫn đi, với ý nghĩ khuyên bảo để cho vị ấy được thêm lớn sự lợi ích đối với pháp Sa-môn.

Người bị quở trách rồi, không chịu đến Hòa thượng, A-xà-lê để sám hối. Đức Phật dạy: Bị quở trách rồi, nên đến Hòa thượng, A-xà-lê sám hối. Pháp thức sám hối: người sám trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

- Bạch đại đức. Nay con xin sám hối. Con không dám tái phạm.

Nếu thầy cho phép sám hối thì tốt, bằng không cho phép thì mỗi ngày ba lần, sáng, trưa, chiều xin được sám hối. Nếu thầy cho phép sám

hối thì tốt, bằng không thì phải hạ ý tùy thuận,^{129>} cầu phương tiện để giải bày tội phạm kia. Người ấy hạ ý tùy thuận không trái nghịch, cầu giải bày tội lỗi thì vị thầy nên nhận sự sám hối. Nếu không nhận sự sám hối sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo mới thọ giới, ưa nhàn tịnh, nhưng còn cần y chỉ. Quan sát phòng xá, thấy chỗ A-lan-nhã có một cái hang, liền có ý nghĩ: Nếu được sự y chỉ sẽ ở nơi đây. Vị ấy đem việc này nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, Tỳ-kheo mới thọ giới, ưa nhàn tịnh, nhưng còn cần phải y chỉ cho phép y chỉ chỗ khác, nếu nội trong ngày trở về lại được. Nếu không được, thì Tỳ-kheo mới thọ giới mà ưa ở chỗ nhàn tịnh, được cho phép sống không y chỉ.

Bấy giờ Tỳ-kheo cự trú¹²⁹⁴ mới thọ giới cần y chỉ, nghĩ: Đức Thế Tôn chế giới không được sống không y chỉ. Vị kia bèn bỏ trú xứ đi,¹²⁹⁵ trú xứ bị hư hoại.¹²⁹⁶ Các Tỳ-kheo đem vấn đề này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, trường hợp Tỳ-kheo cự trú mà mới thọ giới cần y chỉ, cho phép sống không y chỉ. Vì thủ hộ trú xứ.

Có Tỳ-kheo nghĩ quyết định ra ngoài giới rồi đi luôn. Nhưng khi ra ngoài giới, trong ngày ấy lại trở về. Các Tỳ-kheo bạch Phật, trường hợp như vậy có mất y chỉ hay không? Đức Phật dạy:

- Trường hợp đó mất y chỉ.

Hòa thượng, A-xà-lê có ý nghĩ quyết định ra ngoài giới và đi luôn, không trở lại. Nhưng trong ngày lại trở lại. Các Tỳ-kheo bạch Phật trường hợp này có mất y chỉ hay không? Đức Phật dạy:

- Mất y chỉ.

Có Tỳ-kheo bạch với Hòa thượng, A-xà-lê, tạm thời ra ngoài giới. Sau khi ra ngoài giới, trong ngày trở về lại. Các Tỳ-kheo bạch Phật có mất y chỉ hay không? Đức Phật dạy:

- Không mất y chỉ.

Có Hòa thượng, A-xà-lê, nghĩ rằng tạm thời ta ra ngoài giới, trong ngày, vị ấy trở về. Các Tỳ-kheo bạch Phật có mất y chỉ hay không? Đức Phật dạy:

- Không mất y chỉ.

129>. Thuận ý Thầy, để cho bị đuổi.

1294. Cự trú 舊住; thường trú tại một trú xứ.

1295. Vì chỗ cũ không có thầy để y chỉ.

1296. Không có người thường trú coi, nên chùa bị sập.

Có các Tỳ-kheo dẫn người thọ giới ra ngoài giới, mời nhóm sáu Tỳ-kheo đến trao giới cho họ. Nhóm sáu Tỳ-kheo không đến nên không được thọ giới. Các Tỳ-kheo đem vấn đề này bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, nếu người tác pháp ba-lợi-bà-sa, bốn nhật trì, Ma-na-đỏa, a-phù-ha-na, tác yết-ma, hoặc lập chế, hoặc thọ giới, hoặc người được chúng sai, hoặc có việc cần giải bày, những việc như vậy, kêu đến mà không đến thì phải như pháp trị.

Các Tỳ-kheo dẫn người muốn thọ giới ra ngoài giới, thưa với Thượng tọa, tác yết-ma. Thượng tọa nói: Tôi không tụng. Tỳ-kheo lại thưa với trung tọa, hạ tọa tác bạch, các vị cũng lại nói: Tôi không tụng. Vì vậy bị trở ngại, không được thọ giới. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch Phật. Phật dạy:

- Từ nay về sau, Tỳ-kheo năm tuổi phải tụng bạch yết-ma. Nếu không sẽ như pháp trị.

Có Tỳ-kheo dẫn người muốn thọ giới, ra ngoài giới, thưa với Thượng tọa, tác bạch. Thượng tọa nói: “Tôi từng tụng; nhưng nay không thuộc.” Tỳ-kheo lại thưa với trung tọa, hạ tọa tác bạch, quý vị cũng nói: “Tôi từng tụng; nhưng nay không thuộc.” Nên không được thọ giới. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy:

- Từ nay về sau, cho phép Tỳ-kheo năm tuổi phải bạch yết-ma cho thuộc lòng. Nếu không thuộc sẽ như pháp trị.

Có Tỳ-kheo dẫn người muốn thọ giới, ra ngoài giới, nghe có giặc đến; tất cả đều sợ sệt, từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, không được thọ giới. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch Phật, Phật dạy:

- Từ nay về sau, có tám việc nạn và các duyên khác cho phép một lần tác pháp yết-ma cho hai, ba người; chứ không được quá.

Nạn xứ là: Một, nạn Vua; hai, nạn giặc cướp; ba, nạn nước; bốn, nạn lửa; năm, bệnh; sáu, nhân sự; bảy, phi nhân; tám, sâu thất-lê-sa trùng.¹²⁹⁷ Các nhân duyên khác là: Chúng họp nhiều, tọa cụ ít, hoặc nhiều người bệnh; cho phép một lần tác pháp yết-ma cho hai, ba người. Hoặc chúng tập đông mà phòng xá ít; hoặc trời mưa dột, thì cho phép một lần tác pháp yết-ma cho hai, ba vị.

Bấy giờ Tôn giả Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch Phật:

- Nếu có các việc quan trọng, có được phép một lần có thể tác pháp yết-ma cho hơn hai, ba vị hay không?

1297. Thất-lê-sa trùng 失梨(沙/虫)虫. Pali (Cf. Mahāvagga ii, Vin.i. ll>): sirīsapa, loài bò sát (rắn, rết các thứ)

Đức Phật dạy:

- Không được quá.

Có vị nhờ người nhận y chỉ. Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có vị nhờ người trao y chỉ, Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Hòa thượng, A-xà-lê đi ra ngoài giới, đệ tử nghĩ: Hòa thượng, A-xà-lê đi không lâu sẽ trở về, ta vẫn sống theo y chỉ cũ. Do đó, hiện sống mà không có y chỉ. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch Phật, Phật dạy:

- Từ nay về sau cho phép, khi Hòa thượng, A-xà-lê đi ra ngoài giới, ngay trong ngày đó phải xin y chỉ khác, nếu không nhận sẽ như pháp trị.

Các đệ tử đi xa ra ngoài giới, nghĩ rằng chúng ta đi không lâu sẽ trở về, nên vẫn sống với y chỉ nơi Hòa thượng, A-xà-lê như cũ; cho nên, trong thời gian đó, sống không có y chỉ. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch Phật, Phật dạy:

- Từ nay về sau cho phép Tỳ-kheo khách mới thọ giới phải xin y chỉ. Nhưng không được rửa chân trước, không được uống nước trước, trước khi cầu y chỉ.

Tỳ-kheo khách mới thọ giới phải y chỉ, các vị ấy nghĩ: Đức Thế Tôn chế giới, Tỳ-kheo khách mới thọ giới phải y chỉ; không được rửa chân trước, không được uống nước trước, trước hết phải thọ y chỉ đã. Vì mệt mỏi nên ngay khi thọ y chỉ, bị té xỉu, bị bất tỉnh, khiến ngã bệnh. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch Đức Thế Tôn. Thế Tôn dạy:

- Từ nay về sau, cho phép Tỳ-kheo khách mới thọ giới phải xin y chỉ, được phép rửa chân trước, uống nước trước, nghỉ khỏe một chút rồi mới cầu thọ y chỉ.

Có vị không lựa chọn người để nhận y chỉ, trúng ông thầy phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị tác pháp quả trách, đã tác pháp y chỉ, bị tác pháp tẫn, bị tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, hoặc bị cử tội, không có điều lợi ích đối với hạnh của Sa-môn. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, không được không lựa chọn vị thầy để nhận y chỉ.

Có thầy không lựa chọn người mà cho y chỉ, trúng người đệ tử phá

giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị tác pháp quả trách, hoặc bị tẫn, đã tác y chỉ, bị tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, bị tác pháp cử tội. Đức Phật dạy:

- Không được không lựa chọn người mà cho y chỉ.

Bấy giờ có Tỳ-kheo mới thọ giới, cần phải y chỉ, nhưng bị bệnh nên có ý nghĩ, - Thế Tôn chế giới, không được sống với sự không có y chỉ. Vì vậy, vị ấy liền bỏ trú xứ đi, nên bệnh tình trầm trọng. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Phật dạy:

- Từ nay về sau, Tỳ-kheo mới thọ giới cần phải y chỉ. Nếu bị bệnh, được phép sống không y chỉ.

Có Tỳ-kheo mới thọ giới cần y chỉ. Nhưng vì nuôi bệnh, nên có ý nghĩ, - Thế Tôn chế giới, không được sống với sự không có y chỉ. Vị kia liền bỏ người bệnh đi. Người bệnh phải mạng chung. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật, Phật dạy:

- Từ nay về sau, cho phép Tỳ-kheo mới thọ giới nếu nuôi bệnh được sống không y chỉ.

Hòa thượng, A-xà-lê của các Tỳ-kheo bị chúng Tăng trao pháp tác yết-ma, trao pháp quả trách, trao pháp tẩn, tác y chỉ, tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử tội. Các Tỳ-kheo nghĩ như vậy có mất y chỉ hay không? Đức Phật dạy:

- Không mất y chỉ.

Các đệ tử kia bị chúng Tăng trao cho tác pháp yết-ma, tác pháp quả trách, cho đến tác pháp ngăn không cho đến nhà bạch y, tác pháp cử yết-ma. Các Tỳ-kheo nghĩ như vậy có mất pháp y chỉ không? Đức Phật dạy:

- Không mất y chỉ.

Hòa thượng, A-xà-lê bị chúng Tăng tác pháp yết-ma diệt tẩn. Các Tỳ-kheo nghĩ như vậy có mất pháp y chỉ không? Đức Phật dạy:

- Mất y chỉ.

Các đệ tử kia bị chúng Tăng tác pháp yết-ma diệt tẩn. Các Tỳ-kheo nghĩ như vậy có mất pháp y chỉ không? Đức Phật dạy:

- Mất y chỉ.

Thế Tôn du hóa đến thành La-duyệt. Bấy giờ, Uất-bê-la Ca-diếp dẫn các đồ chúng bỏ nhà học đạo. Đệ tử của San-nhã dẫn hai trăm năm mươi đệ tử bỏ nhà học đạo. Con của đại phú hào quý trong thành La-duyệt, cũng xuất gia học đạo. Đại chúng đông như vậy đang trụ tại thành La-duyệt. Các đại thần nói với nhau: Nay các ngoại đạo xuất gia học đạo, xuân-thu-đông-hạ thường du hành trong nhân gian. (806a1) Sa-môn Thích tử này tập trung ở nơi đây, không du hành nơi khác. Có lẽ vì nơi đây là tối thắng vậy. Các Tỳ-kheo nghe, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn bảo ông A-Nan:

- Ông đến từng phòng, rao nói với các Tỳ-kheo: “Nay Đức Thế Tôn muốn đến phương nam du hóa trong nhân gian. Vị nào muốn tùy tùng thì tùy ý.”

Tôn giả A-nan vâng lời dạy Đức Phật, đến từng phòng nói với các Tỳ-kheo: “Nay Đức Thế Tôn muốn du hóa phương nam. Các Tỳ-kheo nào muốn tháp tùng thì tùy ý.”

Bấy giờ các vị tân Tỳ-kheo với lòng tin sâu đậm, thưa Tôn giả A-nan:

- Nếu Hòa thượng, A-xà-lê của chúng con đi thì chúng con sẽ đi. Nếu quý ngài không đi thì chúng con cũng không đi. Tại sao vậy? Chúng con là Tỳ-kheo mới thọ giới, đi thì cần phải cầu y chỉ khác, khi trở về phải thọ lại. Người ta sẽ bảo là chúng con bộp chộp không có quyết chí.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dẫn một số ít Tỳ-kheo du hành phương nam. Sau khi trở về thành Vương-xá, Đức Thế Tôn quan sát số Tỳ-kheo du hành ít, biết mà Ngài vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

- Vì lý do gì các Tỳ-kheo đi ít như vậy?

Tôn giả A-nan trình bày đầy sự việc lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo và bảo:

- Từ nay về sau cho phép Tỳ-kheo năm tuổi có trí tuệ đối với Tỳ-kheo mười tuổi có trí tuệ; Tỳ-kheo năm tuổi nên thọ y chỉ với Tỳ-kheo mười tuổi. Nếu ngu si không có trí tuệ thì phải y chỉ trọn đời.

- Có năm pháp bị mất y chỉ:¹²⁹⁸ 1. Thầy khiển trách; 2. Bỏ đi; >. Thôi tu. 4; Không cùng ở với vị y chỉ; 5. Vào trong giới trường.

- Lại có năm pháp: 1. Chết; 2. Bỏ đi; >. Thôi tu; 4. Không cùng ở với vị y chỉ; 5. Năm tuổi hay quá năm tuổi.

- Lại có năm pháp: hoặc chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ, hoặc gặp Hòa thượng cũ.

- Lại có năm pháp: chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ, gặp Hòa thượng, A-xà-lê thôi tu.

- Lại có năm pháp: chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ, hoặc đệ tử thôi tu.

- Lại có năm pháp: hoặc chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ, hoặc Hòa thượng, A-xà-lê mạng chung.

- Lại có năm pháp: chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ, hoặc đệ tử mạng chung.

- Lại có năm pháp: chết, bỏ đi, thôi tu, không cùng ở với vị y chỉ,

1298. Cf. Mahāvagga, Vin.i. 6l, nissayapaṇipassadhika.

trở lại ở ngay chỗ Hòa thượng. Đó gọi là năm pháp mất y chỉ.

vii. Phẩm chất Hòa thượng

- Có năm pháp không thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: giới không thành tựu, định không thành tựu, trí tuệ không thành tựu, giải thoát không thành tựu, giải thoát tri kiến không thành tựu. Năm pháp này không thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

- Nếu thành tựu năm pháp này thì được trao giới cụ túc cho người (ngược lại với nghĩa trên).

- Lại có năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: Tự thân giới không thành tựu, không thể dạy người kiên trụ nơi giới. Tự thân định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến không thành tựu, không thể dạy người kiên trụ đối với định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Nếu năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc. - Ngược lại với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

- Lại nữa, nếu năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: Không tín, không tâm, không quý, biếng nhác, quên nhiều. Năm pháp trên thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

- Ngược lại, với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

- Lại nữa, có năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: phá tăng thượng giới, phá tăng thượng kiến, phá tăng thượng oai nghi, ít học, không trí tuệ. Năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

- Ngược lại với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

- Lại có năm pháp này nếu thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: Không chăm sóc bệnh cho đệ tử, không thể nhờ người chăm sóc cho đến khi lành hay qua đời; đệ tử không thích sống trú xứ này mà không thể phương tiện gởi đi chỗ khác; đệ tử có điều nghi không thể giải quyết được như pháp, như luật, như lời Phật dạy; không thể giáo thọ để bỏ ác kiến, trụ nơi thiện kiến; hoặc dưới mười tuổi. Năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

- Ngược lại với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

- Lại có năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc

cho người: Không biết điều gì phạm, không biết điều gì không phạm, không biết điều gì khinh, không biết điều gì trọng, dưới mười tuổi. Năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

- Ngược lại với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

- Lại có năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: Không biết giáo thọ đệ tử tăng thượng oai nghi,¹²⁹⁹ tăng thượng tịnh hạnh,¹³⁰⁰ tăng thượng Ba-la-đề-mộc-xoa, bạch và yết-ma¹³⁰¹. Năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

- Ngược lại với sự thành tựu năm pháp trên thì được trao giới cụ túc cho người.

- Lại có năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người: Không biết tăng giới, tăng tâm, tăng trí tuệ, không biết bạch, không biết yết-ma. Năm pháp này thành tựu thì không được trao giới cụ túc cho người.

- Năm pháp sau đây nếu thành tựu thì được trao giới cụ túc cho người: biết tăng giới, tăng tâm, tăng trí tuệ, biết bạch, biết yết-ma. Năm pháp này nếu thành tựu thì được phép trao giới cụ túc cho người.

- Cũng như vậy không được cho y chỉ và được cho y chỉ, không được nuôi Sa-di và được nuôi Sa-di, đều như trên.

viii. Ngoại đạo xuất gia

Khi Đức Phật ở tại thành La-duyệt, thì bấy giờ trong thành có lỏa thể ngoại đạo tên là Bồ-tát,¹³⁰² có khả năng luận nghị, thường tự tuyên bố: Tại đây có Sa-môn Thích tử nào có thể cùng ta biện luận thì mời đến. Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Tôi có thể cùng ông biện luận.

Các Tỳ-kheo đem việc này bạch đến Đức Phật. Phật dạy:

- Luận có bốn loại: Nghĩa rốt ráo, văn không rốt ráo. Văn rốt ráo, nghĩa không rốt ráo. Văn, nghĩa đều rốt ráo. Văn, nghĩa đều không rốt ráo.

Biện có bốn: ¹³⁰³ pháp biện, nghĩa biện, liễu liễu biện và từ biện.

1299. Tăng thượng oai nghi 增上威儀. Pali (Vin. i. 64): abisamācārikā, tăng thượng hành nghi, oai nghi tế hạnh, oai nghi lễ tiết.

1300. Tăng thượng tịnh hạnh 增上淨行. Pali, ibid., ādibrahma-cāriyikā, căn bản phạm hạnh, những nguyên tắc căn bản cho đời sống tịnh tu. Bản Hán đọc adhi- (tăng thượng), thay vì ādi- (tối sơ, căn bản).

1301. Đọc bạch và yết-ma riêng cho đủ năm pháp.

1302. Bồ-tát 布薩. Pali (Vin. i. 69): yo so addatitthiyapubbo, một người nguyên trước kia là ngoại đạo.

1303. Tứ biện 四辯法辯義辯了了辯辭辯. Xem Câu-xá 27 (T29, tr.142a22), có 4 vô ngại giải

Nếu luận sư có bốn biện tài này mà nói văn nghĩa đều bị cụt, điều này không xảy ra. Nay, Xá-lợi-phất thành tựu bốn món biện tài này, mà nói văn nghĩa đều bị cụt; điều này không thể có.

Lỗa hình kia liền vấn nghĩa Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất trả lời lại. Lỗa hình liền dùng năm trăm bức nạn để nạn vấn Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất liền tương ứng với năm trăm bức nạn để trả lời, rồi dùng nghĩa sâu sắc để nạn vấn lại. Lỗa hình bị nạn vấn không thể giải thích được, Lỗa hình kia liền khởi ý nghĩ: Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Sa-môn Thích tử trí tuệ thông minh. Nay ta hãy theo xuất gia học đạo.

Ông đến trong Tăng-già-lam. Từ xa trông thấy Bạt-nan-đà Thích tử, liền nghĩ: Sa-môn Thích tử, ít người biết đến mà còn có trí tuệ như vậy, huống là người được biết đến nhiều, đâu có thể không giỏi hơn. Lỗa hình đến chỗ Bạt-nan-đà thưa: Tôi muốn xuất gia học đạo. Bạt-nan-đà liền độ cho làm đệ tử, trao giới cụ túc. Sau đó, lỗa hình hỏi Bạt-nan-đà về nghĩa lý, Bạt-nan-đà không thể trả lời được. Lỗa hình lại sinh ý nghĩ này: Sa môn Thích tử ngu ám. Không hiểu biết gì. Ta hãy thôi tu. Lỗa hình liền khoác áo ca-sa mà qua chúng ngoại đạo. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, cho phép ngoại đạo có bốn tháng cộng trú^{l>04} ở trong Tăng, bằng pháp bạch nhị yết-ma.

Nên tác pháp cho như vậy: Trước hết cho họ cạo tóc, mặc áo ca-sa, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay, dạy tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con vốn là ngoại đạo, tên... , quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con cầu xuất gia hành đạo trong giáo pháp Đức Thế Tôn. Như Lai, Chí nhân, Đẳng chánh giác là Thế Tôn là của con.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

- Con vốn là ngoại đạo, tên... , đã quy y Phật, Pháp, Tăng rồi. Con xin theo Đức Như Lai xuất gia học đạo. Như Lai, Chí nhân, Đẳng chánh giác là Thế Tôn là của con.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Nên dạy thọ giới: trọn đời không sát sinh là giới của Sa-di, cho đến trọn đời không chứa vàng bạc vật báu là giới của Sa-di. Mười giới Sa-di này trọn đời không được phạm. Ngoại đạo kia trước hết nên đến

Skt. catasram pratisamvidam; Pali: catasso panisambhidā); pháp (Skt. dharma), nghĩa (Skt. artha), từ (Skt. nirukti), biện (Skt. pratibhāna).

l>04. Cộng trú 共住. Pali (Vin. i. 67): parivāsa; từ này cũng dùng trong tăng-già-bà-thi-sa; những phiên âm là ba-lợi-bà-sa, hoặc dịch là biệt trú.

trong chúng Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay, dạy ngoại đạo ấy thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Con vốn là ngoại đạo, tên ..., theo chúng Tăng xin bốn tháng cộng trú. Nguyện chúng Tăng dù lòng thương cho con bốn tháng cộng trú .

Lần thứ hai, lần thứ ba thưa như vậy.

Rồi bảo ngoại đạo kia đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Người vốn là ngoại đạo tên là... kia, nay đến xin chúng Tăng bốn tháng cộng trú. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho ngoại đạo tên... kia bốn tháng cộng trú. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người vốn là ngoại đạo tên là... kia theo chúng Tăng xin bốn tháng cộng trú. Nay Tăng cho ngoại đạo kia bốn tháng cộng trú. Trưởng lão nào chấp nhận cho người ấy bốn tháng cộng trú thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Chúng Tăng đã chấp thuận cho ngoại đạo kia bốn tháng cộng trú rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Ngoại đạo kia hành pháp cộng trú rồi, khiến tâm các Tỳ-kheo vui vẻ, sau đó mới đến trong Tăng thọ giới cụ túc bằng pháp bạch tứ yết-ma.

Thế nào gọi là ngoại đạo không thể khiến cho tâm các Tỳ-kheo hoan hỷ? Ngoại đạo kia tâm cố chấp trì theo pháp của ngoại đạo bạch y, không gần gũi Tỳ-kheo mà gần gũi ngoại đạo, không tùy thuận Tỳ-kheo mà tập tụng dị luận, hoặc khi nghe người nói việc không tốt của ngoại đạo, bèn giận dữ, hoặc nghe người chê bai thầy dạy, ngoại đạo cũng sinh lòng giận dữ; nghe nói việc phi pháp của Phật, Pháp, Tăng thì vui mừng hơn hở. Hoặc có ngoại đạo khác đến khen ngợi việc tốt của ngoại đạo thì vui mừng hơn hở; hoặc có thầy của ngoại đạo đến nghe khen ngợi việc của ngoại đạo cũng vui mừng hơn hở; hay nghe nói việc phi pháp của Phật, Pháp, Tăng cũng vui mừng hơn hở. Đó gọi là ngoại đạo không thể khiến cho các Tỳ-kheo hoan hỷ.

Thế nào gọi là ngoại đạo khiến cho các Tỳ-kheo hoan hỷ? Nghĩa là ngược lại với các điều trên. Đó gọi là ngoại đạo cộng trú tâm ý điều hòa khiến các Tỳ-kheo hoan hỷ.

Bấy giờ có một ngoại đạo, chúng Tăng cho bốn tháng cộng trú. Khi cộng trú thì có tâm chánh quyết định. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên

này bạch lên Đức Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu đã có tâm chánh quyết định chánh thì nên bạch tứ yết-ma cho thọ giới cụ túc.^{1>05}

ix. Các già nạn (1)

1. Bấy giờ, Lỗa hình Bố-tát nghe những lời này liền nghĩ, - Sa-môn Thích tử trí tuệ thông minh. Nay ta nên trở lại xuất gia học đạo. Bố-tát liền đến trong Tăng-già-lam thưa với các Tỳ-kheo: Tôi muốn xuất gia học đạo. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Phật, Phật dạy:

- Đây là kẻ phá hoại nội ngoại đạo, ở trong pháp của Ta không thể trường ích. Nếu chưa thọ giới cụ túc thì không nên cho thọ giới cụ túc. Đã thọ giới cụ túc thì nên diệt tận.

2. Thế Tôn du hóa tại thành La-duyệt. Bấy giờ Vua Bình-sa nước Ma-kiệt bảo người trong nước: Ai muốn xuất gia học đạo trong Sa-môn Thích tử thì được phép ở trong pháp của Như Lai để tu phạm hạnh, để diệt tận gốc khổ.

Bấy giờ có một người đầy tớ đến trong Tăng-già-lam thưa với các Tỳ-kheo: Con muốn xuất gia làm Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo liền cho xuất gia làm đạo. Sau đó lần lượt đi khất thực trong nhân gian, bị người chủ cũ bắt. Vị này kêu la:

- Đừng bắt tôi! Đừng bắt tôi!

Các cư sĩ ở gần hỏi:

- Tại sao người kêu la lớn tiếng như vậy?

Đáp:

- Người này bắt tôi.

Các cư sĩ hỏi người kia:

- Tại sao bắt người ta?

Người kia nói:

- Người ấy là gia nô của tôi.

Cư sĩ nói:

- Ông nên thả ra, chứ không được bắt. Người không thể nào bắt được đâu, có thể sẽ bị nhà quan phạt. Tại sao vậy? Người nên biết, Vua Bình-sa nước Ma-kiệt trước đây có ra lệnh bắt cứ ai có khả năng ở trong hàng Sa-môn Thích tử xuất gia học đạo, được phép ở trong giáo pháp của Đức Như Lai khéo tu phạm hạnh, để diệt tận gốc khổ. Vì vậy người đừng nên gây trở ngại.

1>05. Pali (Vin.i. 71), có hai trường hợp vốn ngoại đạo nhưng không cần bốn tháng cọng trú: 1. Các nhà khổ hạnh bện tóc thờ lửa; 2. Những người gốc họ Thích-ca.

Người chủ kia liền thả Tỳ-kheo ấy ra. Nhưng giận dữ, la lớn:

- Thật là tai họa! Đây tở của tôi mà tôi không được tự do bắt. Xem thế thì Sa-môn Thích tử đều là bọn đầy tở tụ họp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem việc này đến bạch lên Đức Phật.

Phật

b

ảo: - Từ nay về sau không được độ đầy tở. Nếu độ sẽ như pháp trị.

>. Bấy giờ có một tên giặc cướp ở tù vượt ngục, chạy đến

trong

vườn Tăng, thưa với các Tỳ-kheo: Con muốn xuất gia học đạo.

Các Tỳ-kheo liền độ cho xuất gia thọ giới cụ túc. Quan giám ngục kiểm tra danh bộ tù nhân, hỏi người coi tù:

- Kẻ trộm ở tù tên này nay ở đâu?

Người coi tù trả lời:

- Kẻ trộm ở tù, tên này vượt ngục; theo Sa-môn Thích tử xin xuất gia rồi.

Quan giám ngục cơ hiểm:

- Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy, có gì là chánh pháp? Xem thế thì Sa-môn Thích tử đều là bọn giặc tập trung.

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch lên Đức Phật.

Phật

d

ạy: - Từ nay về sau không được độ kẻ giặc. Nếu độ sẽ như pháp trị.

4. Bấy giờ có người mắc nợ, trốn tránh chủ nợ, đến trong vườn thưa với các Tỳ-kheo:

- Xin quý thầy độ con xuất gia làm đạo.

Các Tỳ-kheo liền cho xuất gia thọ giới cụ túc. Vị ấy khát thực trong nhân gian, bị người chủ nợ bắt, liền lớn tiếng kêu:

- Đừng bắt tôi! Đừng bắt tôi!

Các cư sĩ ở gần nghe liền hỏi:

- Tại sao thầy kêu la lớn tiếng vậy?

Vị này nói:

- Người này bắt tôi.

Các cư sĩ hỏi người kia:

- Tại sao ông bắt người này?

Người kia trả lời:

- Người này mắc nợ tôi.

Các cư sĩ nói với người kia:

- Ông nên thả chứ không được bắt. Có thể ông bắt thì không đòi

được nợ mà lại bị quan phạt. Tại sao vậy? Vì Vua Bình-sa nước Ma-kiệt

trước đây có ra lệnh “Nếu ai có khả năng có thể xuất gia học đạo thì được phép theo ý muốn tu phạm hạnh, để dứt sạch nguồn gốc khổ.” Vì vậy ông đừng nên gây trở ngại.

Người chủ nợ nghe xong liền thả vị tỳ kheo và giận dữ nói:

- Mắc nợ tôi mà tôi không được quyền đòi! Cứ theo việc này suy ra thì Sa-môn Thích tử đều là bọn trốn nợ.

Các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Thế Tôn, Đức

Thế Tôn

d

ạy: - Từ nay về sau không được độ người mắc nợ. Nếu độ sẽ như pháp

t

ri. 5. Một thời Đức Phật du hóa tại Ca-lan-đà Trúc viên thành La-duyệt. Bấy giờ có mười bảy cậu bé là bạn quen thân với nhau^{l>06}. Lớn nhất là mười bảy tuổi, nhỏ nhất là mười hai tuổi. Giàu nhất là tám trăm ngàn, nghèo nhất là tám mươi ngàn. Trong đó có một cậu tên là Ưu-ba-ly,^{l>07} cha mẹ chỉ có một đứa con nên rất thương yêu, chưa bao giờ xa cách, dù chỉ trong khoảnh khắc. Cha mẹ nghĩ: Ta nên cho con ta học nghề gì để sau khi ta qua đời, nó có thể sống được thoải mái, không bị thiếu thốn? Hai ông bà tự nghĩ và nói: Ta nên cho nó học viết chữ.^{l>08} Sau khi ta qua đời nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác. Hai ông bà lại nghĩ: Nếu cho nó học viết chữ thì cũng vất vả thân xác.^{l>09} Vậy nên cho học nghề gì để sau khi ta qua đời, nó có thể sống được thoải mái, không bị thiếu thốn? Nghĩ như vậy xong, hai ông bà nói: Nên cho nó học toán số, sau khi ta qua đời nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác. Rồi lại nghĩ: Học toán cũng vất vả thân xác. Vậy nên cho học nghề gì để sau khi ta qua đời, nó có thể sống được thoải mái, không bị thiếu thốn? Ta nên cho nó học nghề họa tượng, sau khi ta qua đời nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác. Rồi lại nghĩ: Nghề họa tượng sợ mệt nhọc con mắt của con ta. Vậy nên cho học nghề gì để sau khi ta qua đời, nó có thể sống được thoải mái, không bị thiếu thốn, không mệt nhọc con mắt? Rồi lại nghĩ: Sa-môn Thích tử khéo tự nuôi thân, an lạc, không hề có các khổ não. Ta nên cho con ta xuất gia hành đạo trong pháp của Sa-môn Thích tử, sau khi ta qua đời nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác. Một

l>06. Thập thất quần đồng tử 十七群童子. Xem Phần I, Ch.v. Ba-dật-đề 65.

l>07. Ưu-ba-li 優波離. Pali (Vin.i. 77): Upāli

l>08. Pali: lekham sikhassati.

l>09. Pali: học viết thì đau ngón tay.

thời gian sau, nhóm đồng tử mười bảy người nói với cậu Ưu-ba-ly:

- Bạn có thể cùng chúng tôi xuất gia làm đạo?

Ưu-ba-ly nói:

- Tôi đâu xuất gia làm gì? Các bạn tự mình xuất gia đi.

Nhóm các cậu mười bảy người, lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy với Ưu-ba-ly:

- Bạn có thể cùng chúng tôi xuất gia làm đạo. Tại sao vậy? Nay chúng ta cùng nhau vui đùa, khi đến đó chúng ta cũng đùa giỡn vui chơi với nhau.

Ưu-ba-ly nói với các cậu bé:

- Các bạn chờ tôi một chút. Tôi phải xin phép cha mẹ tôi đã.

Ưu-ba-ly liền đến chỗ cha mẹ thưa:

- Thưa ba má, nay con muốn xuất gia làm đạo. Ba má cho phép con. Cha mẹ Ưu-ba-ly nói:

- Ba má chỉ có một mình con là con, lòng ba má luôn rất thương yêu, cho đến dù khi chết cũng không muốn xa nhau, huống là còn sống mà phải cách biệt!

Ưu-ba-ly thưa như vậy ba lần để xin cha mẹ được xuất gia. Hai ông bà cũng trả lời:

- Ba má chỉ có một mình con là con, lòng ba má luôn rất thương yêu, cho đến dù khi chết cũng không muốn xa nhau, huống là còn sống mà phải cách biệt!

Bấy giờ hai ông bà được Ưu-ba-ly ba lần ân cần thưa xin, bèn nhớ lại, - Trước đây chúng ta có ý này: Chúng ta nên cho con mình học nghề gì để sau khi ta qua đời nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác. Sau đó chúng ta định cho con mình học kinh thơ, cho đến họa tượng, để sau khi chúng ta qua đời, con của chúng ta có nó sẽ có thể sống thoải mái, không thiếu thốn, khỏi phải vất vả thân xác. Nhưng rồi chúng ta vẫn lo sợ nhãn lực của con chúng ta bị lao nhọc. Cuối cùng chúng ta suy nghĩ: Duy chỉ có Sa-môn Thích tử là khéo tự nuôi thân, không có các khổ não. Nếu như con của chúng ta xuất gia trong đó chắc chắn có thể sống thoải mái, không có các khổ não.

Bấy giờ hai ông bà nói với Ưu-ba-ly:

- Nay thật đúng lúc ba má cho con xuất gia.

Bấy giờ Ưu-ba-ly đến chỗ nhóm các cậu mười bảy người nói:

- Ba má tôi đã cho tôi xuất gia. Các bạn muốn xuất gia thì nay là đúng lúc.

Các cậu liền đến trong Tăng-già-lam thưa với các Tỳ-kheo:

- Bạch Đại đức, chúng con muốn xuất gia học đạo. Xin các Đại đức cho phép chúng con xuất gia làm đạo.

Các Tỳ-kheo liền cho xuất gia thọ giới cụ túc. Các cậu còn nhỏ, mới đây đã quen sống vui đùa, ăn một bữa không chịu nổi, nên đến giữa đêm bị đói, lớn tiếng đòi ăn, kêu la:

- Cho tôi ăn! Cho tôi ăn!

Các Tỳ-kheo nói:

- Các người chờ một chút. Đợi sáng, chúng Tăng có thức ăn gì sẽ cho các người ăn. Nếu không có sẽ cùng các người khát thực. Tại sao vậy? Vì trong đây không có chỗ để nấu ăn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn trong đêm tư duy nơi yên tịnh nghe tiếng trẻ khóc la, biết mà vẫn cố hỏi Tôn giả A-nan:

- Tại sao trong đêm có tiếng khóc la của trẻ nhỏ?

Tôn giả A-nan đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Phật, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Không được trao giới cụ túc cho người chưa đủ tuổi hai mươi. Tại sao vậy? Tuổi chưa đủ hai mươi không thể nhẫn chịu được các thứ lạnh nóng, đói khát, gió mưa, muỗi mòng, độc trùng; không nhẫn nhịn được tiếng ác; hoặc trong thân có các khổ thống không thể chịu đựng được; lại không thể giữ được giới một ngày ăn một bữa. Nếu ai độ cho xuất gia thọ giới cụ túc, thì sẽ như pháp trị.

Phật bảo:

- A-nan nên biết, người đủ hai mươi tuổi mới kham nhẫn được các việc như trên.

6. Bấy giờ, trong cương giới nước Ma-kiệt xuất hiện năm loại bệnh: một là bệnh hủi, hai là bệnh ung thư, ba là bệnh hủi trắng, bốn là bệnh cần tiêu,¹⁰ năm là bệnh điên cuồng.¹¹ Người trong nước kia bị các chứng bệnh này, bèn đến nơi Kỳ-bà Đồng tử¹² nói:

- Yêu cầu ông chữa bệnh cho chúng tôi, tôi sẽ tặng ông tài vật như vậy... như vậy...

Kỳ-bà Đồng tử nói:

10. Cần tiêu 乾; không rõ bệnh gì. Từ nguyên nói: tiêu, bệnh đầu thống. Có lẽ là bệnh lao. Xem cht. 191 dưới.

11. Lại 癩, ung 癰, bạch lại 白癩, cần tiêu 乾, điên cuồng 顛狂. Pali, Vin. i. 72, năm chứng bệnh: Kundham (phung huôi), gando (ung nhọt), kilāso (chàm vảy), soso (lao phổi), apammro (động kinh).

12. Kỳ-bà Đồng tử 童子. Pali, Jīvaka-komārabhacca, vị y sỹ trị bệnh nhi đồng tên là Jīvaka. Bản Hán đọc là -kumāra: đồng tử hay vương tử, thay vì -komārabhacca: y sỹ nhi đồng, hay y sỹ của vương tử.

- Tôi không thể trị bệnh cho các người được.

Các người bệnh lại nói:

- Xin ông cứu giúp cho. Chúng tôi sẽ đem tất cả gia tài sự nghiệp và vợ con để cung cấp cho ông sai khiến.

Kỳ-bà Đồng tử trả lời:

- Tôi không thể chữa bệnh cho các người được.

Các bệnh nhân nói với nhau: Chủ ý của người này không chịu chữa bệnh cho chúng ta. Chúng ta nên đến chỗ chữa bệnh kia.

Bấy giờ các người bệnh đến trong Tăng-già-lam thưa với các Tỳ-

k

heo: - Chúng con muốn xuất gia học đạo.

Các Tỳ-kheo liền độ cho xuất gia. Kỳ-bà Đồng tử chữa bệnh cho

Phật và Tăng Tỳ-kheo, cung cấp thuốc tiêu xổ, hoặc cần canh thì cấp canh, thứ nào cần kiêng cử thì kiêng cử. Hoặc cung cấp loại canh bằng thịt chim đồng, tùy theo bệnh mà cung cấp thực đơn để cho căn bệnh được lành. Lành rồi họ không tu nữa. Kỳ-bà Đồng tử trên đường đi gặp họ, hỏi:

- Hình như ông trước đây có xuất gia phải không?

Họ trả lời:

- Tôi đã từng xuất gia.

Kỳ-bà Đồng tử hỏi:

- Tại sao ông thôi tu?

Họ trả lời:

- Trước đây tôi mắc bệnh đến nhờ ông chữa, tôi nói: “Ông chữa, tôi sẽ đem tài vật như vậy, như vậy để trả ơn cho ông.” Ông nói: “Tôi không thể chữa.” Tôi yêu cầu lần thứ hai, tôi nói: “Tôi sẽ đem hết gia tài sự nghiệp và bản thân tôi như vợ con tôi cung cấp cho ông sai sử,” ông cũng vẫn không chịu chữa. Chúng tôi tự nói với nhau: “Chủ ý của người này không chịu chữa bệnh cho chúng ta. Chúng ta nên đến nơi phòng chữa bệnh kia để chữa. Nơi đó người này sẽ vì ta mà chữa.” Chúng tôi vì chữa bệnh nên đến trong Tăng-già-lam quyên thỉnh xin xuất gia để chữa bệnh chứ bản thân chúng tôi không có lòng tin đối với Phật pháp và chúng Tăng mà xuất gia.

Kỳ-bà Đồng tử nghe như vậy rồi, không vui, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch với Đức Thế Tôn:

- Trước kia con vì chữa bệnh cho chúng Tăng nên bỏ việc nhà Vua, mà các Tỳ-kheo độ những người có năm chứng bệnh như hủi, ung thư, hủi trắng, cần tiêu và điên cuồng. Cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng

thương ra lệnh các Tỳ-kheo từ nay về sau đừng độ những người có năm chứng bệnh này xuất gia làm đạo nữa.

Đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng. Kỳ-bà Đồng tử biết Đức Thế Tôn nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, đi quanh ba vòng rồi cáo lui. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông nên biết, Kỳ-bà Đồng tử trước kia vì chữa bệnh cho chúng Tăng nên bỏ công việc của nhà Vua, mà các Tỳ-kheo lại độ những người có năm chứng bệnh như vậy. Từ nay về sau không được độ những người có năm chứng bệnh như vậy mà trao giới cụ túc. Nếu ai độ, sẽ như pháp trị.

x. Dữ học giới

Một thời, Đức Phật ở tại thành La-duyệt. Trong thành này có một Tỳ-kheo tự là Nan-đề,^{l>} thường ưa tọa thiền, được định của thế tục, tâm giải thoát.

Một lúc nọ, từ Tứ thiền xuất định, thì có ma nữ đến đứng trước mặt. Tỳ-kheo kia nắm lấy, muốn phạm giới. Ma nữ liền ra ngoài. Tỳ-kheo cũng theo ra ngoài. Ma nữ ra ngoài lan can nhà. Tỳ-kheo cũng theo ra ngoài lan can nhà. Ma nữ kia ra giữa sân. Tỳ-kheo cũng đến giữa sân. Ma lại ra ngoài chùa. Tỳ-kheo cũng ra ngoài chùa. Bên ngoài chùa có một con ngựa mới chết. Bấy giờ ma đến nơi con ngựa chết liền biết mất, thân trời không thấy nữa. Bấy giờ Tỳ-kheo Nan-đề hành bất tịnh hạnh với con ngựa chết. Hành bất tịnh hạnh rồi, Nan-đề hoàn toàn không có tâm che dấu, liền nghĩ: Đức Thế Tôn vì Tỳ-kheo chế giới: Nếu Tỳ-kheo làm bất tịnh hạnh, phạm Ba-la-di, không được sống chung. Nay ta phạm bất tịnh hạnh, không có tâm che dấu, sẽ không phạm Ba-la-di chăng? Nay ta nên thế nào đây? Nan-đề liền nói với Tỳ-kheo quen thân:

- Đức Thế Tôn vì Tỳ-kheo chế giới, người nào làm bất tịnh hạnh, phạm Ba-la-di, không được sống chung. Nay ta phạm dâm, bất tịnh hạnh, hoàn toàn không có tâm che dấu. Tôi sẽ không phạm Ba-la-di chăng? Lành thay, trưởng lão vì tôi đến bạch với Đức Thế Tôn. Ngài dạy như thế nào tôi sẽ phụng hành như thế ấy.

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo và bảo:

l>|. Ngũ phần 28 (T22n2421, tr.182c10): một Tỳ-kheo tọa thiền, không nói tên. Tăng kỳ 26 (T22n1425, tr.441a28): Tỳ-kheo Thiên Nan-đề, phân biệt với các Nan-đề cùng tên khác. Thập tụng 57 (T2>n14>5 tr.425a14): Tỳ-kheo khát thực tên là Nan-đề.

- Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo Nan-đề giới Ba-la-di bằng pháp bạch tứ yết-ma như vậy: bảo Tỳ-kheo Nan-đề đến giữa Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân tăng, đầu gối bên hữu chầm đất, chắp tay thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo Nan-đề phạm bất tịnh hạnh, hoàn toàn không có tâm che dấu. Nay đến xin Tăng cho giới Ba-la-di. Cúi xin Tăng cho tôi giới Ba-la-di. Từ miễn cố.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Nan-đề này phạm bất tịnh hạnh, hoàn toàn không có tâm che dấu. Nay đến giữa Tăng xin giới Ba-la-di. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Nan-đề giới Ba-la-di. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Nan-đề này phạm bất tịnh hạnh, không có tâm che dấu. Nay đến giữa Tăng xin giới Ba-la-di. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Nan-đề giới Ba-la-di. Đại đức nào chấp thuận Tăng cho Tỳ-kheo Nan-đề giới Ba-la-di thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

- Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo Nan-đề giới Ba-la-di rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Cho giới Ba-la-di rồi, mỗi việc, mỗi việc phải tùy thuận phụng hành. Pháp tùy thuận phụng hành là: Không được trao giới cụ túc cho người; không được cho người y chỉ; không được nuôi Sa-di; nếu sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni thì không được nhận, dù đã sai cũng không được đến giáo thọ; không được thuyết giới cho Tăng; không được hỏi đáp Tỳ-ni trong Tăng; không được nhận làm người tri sự cho Tăng; không được nhận làm người xử đoán cho Tăng; không được nhận làm người sứ mạng cho Tăng; không được sáng sớm vào tụ lạc xắm tối mới về. Phải găn gũ Tỳ-kheo, không được găn gũ ngoại đạo bạch y; phải thuận từng pháp của Tỳ-kheo; không được nói việc của thế tục; không được tụng luật trong chúng, nếu không có người tụng thì được phép; không được tái phạm tội này hay các tội khác, hoặc tội tương tự hay từng sinh, hoặc nặng hơn; không được phi Tăng yết-ma và tác yết-ma; không được nhận sự trải chỗ ngồi, nước rửa chân, lau guốc dép, xoa chà nơi thân và lễ bái, nghinh đón, thăm hỏi của Tỳ-kheo thanh tịnh; không được nhận sự cầm nắm y bát của Tỳ-kheo thanh tịnh; không được cử tội Tỳ-

kheo thanh tịnh, tác ức niệm, tác tự ngôn trị; không được làm chứng cho người chân chánh; không được ngăn Tỳ-kheo thanh tịnh thuyết giới, tự tứ; không được cùng Tỳ-kheo thanh tịnh tranh luận. Tỳ-kheo được trao giới Ba-la-di rồi, khi Tăng thuyết giới yết-ma, đến hay không đến, Tăng không phạm.

Các Tỳ-kheo nói như sau: Nếu Tỳ-kheo được cho giới Ba-la-di rồi, vị ấy lại phạm dâm bất tịnh hạnh thì có cho lại giới Ba-la-di lần thứ hai không? Đức Phật dạy:

- Không cho, mà phải diệt tận.

xi. Sa-di xuất gia

1. Bấy giờ Đức Phật ở tại vườn Ni-câu-luật, Ca-duy-la-vệ, giữa những người họ Thích.^{l>14} Đến giờ, Ngài khoác y bưng bát vào thành Ca-duy-la-vệ khát thực. Khất thực xong, ra khỏi thành. Vào lúc đó mẹ của La-hầu-la^{l>15} cùng La-hầu-la ở trên lầu cao, thấy Đức Phật đi đến, nói với La-hầu-la:

- Người đang đi đến là cha của con.

La-hầu-la liền vội vàng xuống lầu, đến chỗ Đức Như Lai, đánh lễ sát chân Ngài, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn đưa tay sờ lên đầu La-hầu-la. La-hầu-la tự nghĩ: Từ nhỏ đến nay mình chưa từng có được cảm giác sung sướng nào cực kỳ diệu dàng như thế này.

Đức Phật hỏi:

- Con có thể xuất gia học đạo hay chăng?

La-hầu-la thưa:

- Con có thể xuất gia^{l>16}.

Đức Phật đưa một ngón tay cho La-hầu-la và dẫn về trong Tăng-già-lam, bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Ông độ cậu bé La-hầu-la này như pháp sau đây: cho cạo tóc, dạy mặc ca-sa, để trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

- Con là La-hầu-la, quy y Phật, quy y Pháp, quy Tăng Tỳ-kheo. Con ở trong pháp của Như Lai xuất gia học đạo. Đức Như Lai là bậc Chí chân Đẳng chánh giác của con!^{l>17}

l>14. Hán: Thích-súy-sấu 釋翅搜; phiên âm cách số 6 (ư cách), số nhiều, , śakyenu (Skt.) hay sakkesu (Pali).

l>15. La-hầu-la mẫu 羅(目*侯)羅母. Pali: Rahulamātā.

l>16. Pali, Vin.i. 82 kể như sau: Rāhula đứng trước Phật nói: “Cái bóng của Sa-môn mát quá.” Rồi đi theo sau Phật, nói: “Bạch Sa-môn, cho con đi sán.” (dāyajjam me, samana, dehi) Phật liền dẫn về tinh xá.

l>17. Đọc đúng, nên đọc: “Như Lai, Chí chân... là Thế Tôn của con.” Xem mục “Tam ngữ đặc

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

- Con là La-hầu-la, đã quy y Phật, Pháp, Tăng. Con xuất gia học đạo trong giáo pháp của Đức Như Lai. Đức Như Lai là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác của con ! Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Nên dạy thọ giới, nói: Trọn đời không được giết hại là giới của Sa-di, cho đến không cầm vàng bạc, vật báu, là giới của Sa-di. Mười giới này của Sa-di trọn đời không được phạm.

Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời dạy của Đức Như Lai, độ đồng tử La-hầu-la, rồi dẫn đến chỗ Đức Thế Tôn; đánh lễ sát chân xong, đứng qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Đức Thế Tôn:

- Con đã độ La-hầu-la xong. Việc phân phòng xá, ngọa cụ cho Sa-di như thế nào?

Đức Phật dạy:

Từ nay về sau, từ đại Tỳ-kheo trở xuống, theo thứ tự phân chia.

Bấy giờ các Sa-di nhỏ đại tiểu tiện, khạc nhổ, làm bẩn giường dây dết,^{l>18} tọa cụ, ngọa cụ. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau không được cho Sa-di ngồi, nằm trên giường dây dết. Nếu có thể giữ gìn sạch sẽ, không làm bẩn, thì mới cho nằm ngồi.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Nếu khi chúng Tăng được phẩm vật cúng dường, thì phân cho Sa-di như thế nào?

Phật bảo Tôn giả:

- Nếu chúng Tăng hòa hợp thì nên chia đều. Nếu không hòa hợp thì nên cho phân nửa. Nếu không hòa hợp nữa thì cho một phần ba. Nếu không như vậy thì chúng Tăng không được chia. Nếu chia, sẽ như pháp trị.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Bữa đại thực, tiểu thực, chia cho Sa-di như thế nào?

Đức Phật dạy:

- Tùy đại Tăng, chia theo thứ tự.

Bấy giờ Vua Thâu-đầu-đàn-na^{l>19} nghe Đức Phật độ La-hầu-la xuất gia, buồn khóc, đến trong Tăng-già-lam, chỗ Đức Phật Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Thế Tôn xuất gia, tôi còn một chút hy vọng nơi Đồng tử Nan-đà, sẽ kế thừa gia nghiệp. Nhưng rồi Thế Tôn lại độ cho xuất gia. Nan-đà

giới” ở trên.

l>18. Chức thăng sàng 織繩床.

l>19. Thâu-đầu-đàn-na 輸頭檀那. Trên kia, âm là Duyệt-đầu-đàn. Xem đoạn I. Thích thị thế phổ & cht. >. Pali, Vin. i. 82, Suddhodana.

xuất gia rồi, tôi vẫn còn một chút hy vọng nơi La-hầu-la, sẽ kế thừa sự nghiệp, không bị tuyệt tự. Nay Thế Tôn lại độ La-hầu-la xuất gia. Cha mẹ mang lại cho con nhiều điều lợi ích, nuôi nấng bú mớm, chăm sóc, trông ngày trưởng thành. Quan niệm của người đời là thế. Nhưng cha mẹ không cho, mà các Tỳ-kheo vẫn độ xuất gia. Cúi xin Đức Thế Tôn từ nay về sau bảo các Tỳ-kheo không được độ xuất gia những người con mà cha mẹ không đồng ý.

Đức Thế Tôn im lặng chấp thuận thỉnh cầu Vua. Vua biết Đức Thế Tôn nhận lời yêu cầu của mình bằng cách im lặng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt đánh lễ sát chân Phật, nhiễu ba vòng, cáo lui.

Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo và bảo các Tỳ-kheo:

- Cha mẹ mang lại cho con nhiều điều lợi ích, nuôi nấng bú mớm, chăm sóc, trông ngày trưởng thành. Quan niệm của người đời là thế. Nhưng cha mẹ không đồng ý, mà các Tỳ-kheo vẫn độ xuất gia. Từ nay về sau, cha mẹ họ không cho phép thì không được độ xuất gia. Nếu ai độ, sẽ như pháp trị.

2. Phật du hóa tại vườn Cù-sư-la, Câu-thiểm-tỳ. Bấy giờ có con của người thợ công xảo^{l>20} đến trong Tăng-già-lam yêu cầu các Tỳ-kheo cho xuất gia hành đạo. Các Tỳ-kheo liền cho xuất gia hành đạo. Cha mẹ của nó đến trong Tăng-già-lam khóc than và hỏi các Tỳ-kheo: Có thấy đứa nhỏ hình dáng như vậy, như vậy đến đây không? Tỳ-kheo không thấy nên trả lời không thấy. Cha mẹ nó liền đến các phòng tìm, thấy được con họ, nên cơ hiềm nói:

- Sa môn Thích tử không biết thẹn, nói láo. Bên ngoài tự xưng tôi tu chánh pháp. Có chánh pháp nào như vậy? Độ con nít của tôi xuất gia mà nói không có?

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

- Các ông khéo nghe, từ nay về sau, nếu muốn cạo tóc để độ người tại trong Tăng-già-lam thì phải bạch tất cả Tăng. Nếu tập hợp không được thì đến từng phòng để thưa cho biết, rồi sau mới cạo tóc. Nếu Tăng tập hợp được thì phải tác bạch rồi sau mới cho cạo tóc.

Văn tác bạch như vậy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe! Người có tên là... này muốn cầu Tỳ-kheo hiệu... cạo tóc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho người có tên... này cạo tóc. Đây là lời tác bạch.

l>20. Xảo sư 巧師. Pali (Vin.i. 76): Kammārabhandu, người thợ rèn đầu trục.

Nếu muốn độ cho xuất gia trong Tăng-già-lam nên bạch tất cả Tăng. Bạch rồi mới được phép xuất gia. Và tác bạch như vậy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe! Người có tên là..., này muốn cầu Tỳ-kheo hiệu..., cho xuất gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho người có tên... xuất gia. Đây là lời tác bạch.

Bạch như vậy rồi sau mới cho xuất gia. Hưởng dẫn người xuất gia mặc áo ca-sa, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, bảo họ chấp tay thưa:

- Con tên là... quy y Phật, Pháp, Tăng, theo Đức Như Lai xuất gia, Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Đức Như Lai bậc Chí chân, Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

- Con tên là... đã quy y Phật, Pháp, Tăng, theo Đức Như Lai xuất gia, Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Đức Như Lai bậc Chí chân, Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Trao giới cho họ

như

vậy:

1. Trọn đời không sát sinh là giới của Sa-di, người giữ được không?

Nếu giữ được thì trả lời: Được.

2. Trọn đời không ăn trộm là giới của Sa-di, người giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

>. Trọn đời không dâm dục là giới của Sa-di, người giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

4. Trọn đời không nói dối là giới của Sa-di, người giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

5. Trọn đời không uống rượu là giới của Sa-di, người giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

6. Trọn đời không được đeo tràng hoa, thoa đồ thơm vào mình là giới của Sa-di, người giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

7. Trọn đời không ca múa, xướng hát và cố ý xem nghe là giới của Sa-di, người giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

8. Trọn đời không nằm ngồi trên giường cao rộng lớn là giới của Sa-di, người giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

9. Trọn đời không ăn phi thời là giới của Sa-di, người giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

10. Trọn đời không cầm nắm sinh tượng vàng bạc, vật báu, là giới của Sa-di, người giữ được không? Nếu giữ được thì trả lời: Được.

Đây là mười giới của Sa-di, trọn đời không được phạm. Nếu giữ

được thì trả lời: Được.

>. Bấy giờ, có một Sa-di nhỏ. Chúng Tăng không cho phép vào ở trong chùa gần xóm,^{l>21} và chỗ A-lan-nhã, nên Sa-di nọ bị con beo làm hại. Các Tỳ-kheo đem việc này đến bạch Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy:

- Không được ngăn cả hai đường biên^{l>22} đối với Sa-di nhỏ.

Trường hợp chùa ở trên biên của thôn mà không phải A-lan-nhã, lại ngăn ông Sa-di. Đức Phật

dạy:

- Không được như vậy.

Trường hợp chỗ A-lan-nhã mà không có chùa ở biên thôn, vị kia lại ngăn ông Sa-di. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Vị kia lại ngăn ông Sa-di không cho phép đến chỗ nhiều người, nơi nhà tắm, nhà ăn, nhà kinh hành, ông Sa-di không có chỗ để nghỉ đêm. Đức Phật dạy:

- Không được ngăn vào chỗ nhiều người, cho đến chỗ nhà kinh hành.

Nếu trên tầng gác chỗ nhiều người ngủ, dưới tầng gác chỗ

người đi, dưới tầng gác chỗ nhiều người ngủ, trên tầng gác chỗ

nhiều người đi thì cho phép nói: Đừng vào chỗ tôi ngủ.

Bấy giờ có Sa-di không hầu hạ Hòa thượng, A-xà-lê, cũng không hầu hạ các vị khác, nên ngăn không cho Sa-di nhận vật lợi dưỡng trong Tăng. Đức Phật dạy:

- Không được ngăn; vì đây là vật của thí chủ.

Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau nên nói với ông Sa-di: Người nên như pháp hầu hạ Hòa thượng, A-xà-lê và chúng Tăng. Nếu Tăng phân công theo thứ tự thì nên làm.

4. Bấy giờ có Tỳ-kheo trưởng lão dẫn một đứa trẻ nít xuất gia, vào thôn khát thực, đến chỗ chợ quán, nó thấy bánh và cơm, chìa tay ra và nói: Cho tôi bánh. Cho tôi cơm.

Các trưởng giả thấy, đều cơ hiềm: Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, vi phạm phạm hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy thì có gì là Chánh pháp? Xuất gia mà còn có con, dẫn đi theo!”

l>21. Vin. i. 8>: các Sa-di phạm luật, các Tỳ-kheo không biết trị pháp như thế nào; Phật dạy: cho phép cấm chỉ (anujāmi, bhikkave, āvaranam kātun ti). Các Tỳ-kheo bèn cấm Sa-di vào Tăng viên...

l>22. Lưỡng biên 兩邊; chỉ đường biên của thôn xóm, và bìa rừng. Rừng không có thú dữ gọi là A-lan-nhã.

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy:

- Từ nay về sau không được độ trẻ nít dưới mười hai tuổi.^{l>2>}

Bấy giờ Tôn giả A-nan gặp phải trường hợp có một đứa trẻ nhỏ con của nhà đàn-việt, mà gia đình đều chết hết. Tôn giả dẫn nó đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, Đức Phật biết mà cố vấn hỏi:

- Đứa nhỏ này là con ai?

Tôn giả A-nan đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn hỏi:

- Tại sao không độ cho nó xuất gia?

Tôn giả thưa:

- Trước đây Đức Thế Tôn có chế giới không được độ người dưới mười hai tuổi, cho con nên không độ.

Đức Phật hỏi Tôn giả A-nan:

- Đứa trẻ này có thể đuổi quạ, có thể trì giới, có thể ăn một bữa được không? Nếu có thể thì cho phép độ nó xuất gia.

5. Bấy giờ Bạt-nan-đà có nuôi hai Sa-di, một tên là Kế-na, thứ hai tên là Ma-khư,^{l>24} không biết hổ thẹn, phạm bất tịnh hạnh với nhau. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy:

- Từ nay về sau không được nuôi hai Sa-di.

Bấy giờ, có một đứa nhỏ đến trong Tăng-già-lam chơi. Một Tỳ-kheo nói pháp cho nó như vậy:

- Con nên biết, địa ngục là khổ, súc sinh là khổ, ngã quỷ là khổ. Phật ra đời là điều khó gặp, như hoa Ưu-đàm-bát lâu năm mới nở một lần. Tại sao con không xuất gia làm đạo?

Thiếu nhi thưa:

- Nếu Đại đức làm Hòa thượng thì con sẽ xuất gia.

Tỳ-kheo kia vì đã có nuôi một Sa-di rồi nên nghĩ: Thế Tôn chế giới không được nuôi hai Sa-di. Vì ấy nghĩ, nên không dám nuôi hai Sa-di. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch lên Đức Thế Tôn. Đức Phật dạy:

- Nếu có khả năng dạy cho nó trì giới, tăng tâm, tăng huệ, học vấn, phúng tụng thì cho phép nuôi.

l>2>. Pali, Vin.i. 79, không được độ con nít dưới 15 tuổi (na ūnapannarasavasso dārako pabbājetabbo).

l>24. Kế-na 那 và Ma-khư 摩佉. Pali: Kandaka và Mahaka.

Bấy giờ có vị tuổi chưa đủ hai mươi mà thọ giới cụ túc, sau đó sinh nghi. Các Tỳ-kheo đến thưa hỏi Đức Phật, Đức Phật Nói:

- Từ nay về sau, nếu thọ giới cụ túc rồi, có sự nghi ngờ như vậy, cho phép tính thêm tháng ở trong thai, hoặc tính tháng nhuần, hoặc tính mỗi lần thuyết giới mười bốn ngày cho đủ. Nếu đạt được A-la-hán tức là đã xuất gia thọ giới cụ túc vậy.

3. Nhân và Sự Như pháp

i. Kết và giải tiểu giới

Bấy giờ có người muốn thọ giới, nên ra ngoài cương giới. Nhóm sáu Tỳ-kheo đến ngăn việc thọ giới. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch Đức Phật, Phật dạy:

- Các ông khéo nghe đây! Từ nay về sau, nếu người không đồng ý chưa ra ngoài cương giới; thì ở ngoài cương giới nên nhanh chóng tập hợp lại một chỗ, kết tiểu giới bằng bạch nhị yết-ma rồi trao giới.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vậy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng tập hợp một chỗ kết tiểu giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận kết tiểu giới. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng tập hợp lại một chỗ kết tiểu giới. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng tập hợp lại một chỗ để kết tiểu giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận kết tiểu giới rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Nếu người nào không đồng ý, ở ngoài cương giới mà ngăn; không thành ngăn.

Các vị kia không giải giới mà đi. Các Tỳ-kheo nghe, bạch Phật.

Phật dạy:

- Từ nay về sau, nên giải giới rồi mới đi.

Nên giải giới bằng bạch nhị yết-ma rồi đi. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng tập hợp để giải giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận giải giới. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng tập hợp để giải giới. Các trưởng lão chấp nào thuận chúng Tăng giải giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng chấp thuận giải giới rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng.

Việc này được ghi nhận như vậy.

ii. Hòa Thượng như pháp

Trường hợp không có Hòa thượng mà thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy: Không được.

Khi thọ giới, có hai Hòa thượng, được hay không? Đức Phật dạy: Không được.

Với ba Hòa thượng, được thọ giới hay không? Đức Phật dạy: Không được.

Thọ giới cụ túc với số đông Hòa thượng, được thọ giới hay không?

Đức Phật dạy:

- Không được thọ giới cụ túc.

Thọ giới với Hòa thượng chín tuổi, được gọi là thọ giới cụ túc; nhưng Chúng Tăng có tội.

iii. Truyền tứ y

1. Phật du hóa tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, trong nước mất mùa, cơm gạo khan hiếm, khát thực khó được, nhân dân bị đói. Vào lúc đó, Đức Phật và chúng Tăng nhận được nhiều phẩm vật cúng dường. Có một thiếu niên ngoại đạo thấy Phật và chúng Tăng nhận được nhiều phẩm vật cúng dường, bèn tự cạo tóc, mặc áo ca-sa, xuất gia thọ giới. Sau đó, phẩm vật cúng dường cho chúng Tăng không được nhận nữa. Các Tỳ-kheo nói với thiếu niên:

- Ông vào trong thôn khát thực.

Thiếu niên hỏi:

- Chúng Tăng không có thức ăn sao?

Các Tỳ-kheo nói:

- Không.

Thiếu niên nói:

- Tôi sẽ phải làm sao đây!

Các Tỳ-kheo nói:

- Ông phải đi khát thực.

Thiếu niên nói:

- Nếu phải khát thực thì ở đây khát thực, bên kia cũng khát thực, tôi sẽ trở về lại bên kia để khát thực. Thiếu niên kia liền thôi tu.

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch Đức Phật, Phật dạy:

- Từ nay về sau cho phép trao tứ y^{l>25} trước.

2. Bấy giờ lại có một thiếu niên ngoại đạo đến trong Tăng-già-lam thưa với các Tỳ-kheo, - Con muốn xuất gia. Các Tỳ-kheo liền cho

l>25. Tứ y 四依; xem giải thích đoạn sau. Pali, Vin. i. 58, cattāro nissayā.

xuất gia và trước hết trao pháp tứ y. Ngoại đạo kia nói:

- Thừa Đại đức, tôi có thể thọ hai y là y khát thực và y thọ hạ tọa. Tôi có khả năng thọ trì hai y này. Còn nạp y và hủ lạn được, tôi không thể thọ trì hai y này. Tại sao vậy? Ai mà có thể đụng chạm đến hai thứ này. Do vậy, thiếu niên liền thôi tu không xuất gia. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch Đức Phật. Phật dạy:

- Ngoại đạo này không xuất gia, có điều mát mát. Nếu xuất gia, sẽ chứng được đạo.

Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, trước hết thọ giới rồi sau mới thọ tứ y.

iv. Các già nạn (2)^{l>26}

7. Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có một đại tướng dũng kiện đến trong Tăng-già-lam, nói với các Tỳ-kheo:

- Tôi muốn xuất gia làm đạo.

Các Tỳ-kheo liền cho xuất gia thọ giới cụ túc. Sau đó, trong nước của Vua Ba-tư-nặc, nhân dân nổi loạn,^{l>27} cần phải dùng binh lực để chinh phạt. Xuất quân lần đầu bị quân của bọn phản loạn đánh bại. Lần thứ hai cũng bị đánh bại. Nhà Vua liền hỏi:

- Kiện tướng của ta hiện nay ở đâu?

Các quan tả hữu tâu:

- Ông ấy xuất gia làm đạo trong Sa-môn Thích tử rồi!

Nhà Vua liền cơ hiềm:

- Sa môn Thích tử không biết hổ thẹn,^{l>28} nhiều ham muốn, không nhàm chán. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp, mà độ vị đại tướng dũng kiện của Ta xuất gia làm đạo. Như vậy có gì là chánh pháp? Cứ theo trường hợp này mà suy xét thì Sa-môn Thích tử đều là các nhà quan.

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch đầy đủ lên Đức Phật, Phật dạy:

- Từ nay về sau không được độ các quan, nếu độ sẽ như pháp trị.

l>26. Tiếp theo nhân duyên già nạn thứ 6 ở trên.

l>27. Vin. i. 7>: quốc cảnh của Ma-kiệt-đà, dưới thời vua Bimbisāra có loạn. Nhưng phần lớn quân sĩ đã xuất gia, nên quân số thiếu.

l>28. Người biên tập thuật sự theo quán tính, nên gán cho Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) nói điều chỉ trích Tăng như vậy. Tham chiếu, Pali, ibid., trước khi xuất quân, Vua (Bimbisāra) tập hợp tướng lãnh, thấy thiếu mấy viên dũng tướng, nên hỏi và được tâu trình. Vua liền tự thân đến hầu Phật. Thỉnh nguyện, không xuất gia cho quan viên chưa được Vua cho phép. Bởi vì, có những vua chúa không tin Phật, nhân sự việc này sẽ chỉ trích. Vua không chống đối việc các tướng tá xuất gia.

8. Tỳ-kheo cho người không có y bát xuất gia thọ giới cụ túc. Các Tỳ-kheo nói với vị ấy:

- Thầy vào thành khát thực.

Vị ấy trả lời:

- Tôi không có y bát.

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch Đức Phật, Phật dạy:

- Từ nay về sau, kẻ không có y bát không được thọ giới cụ túc.

Có nhiều người mượn y bát của người khác thọ giới cụ túc. Thọ giới rồi, người chủ đòi lại. Vị ấy bị loã hình, ngồi xổm, hổ thẹn. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch Đức Phật, Phật dạy:

- Từ nay về sau không được mượn y bát để thọ giới cụ túc. Người cho mượn y nên bảo họ xin rồi cho. Nếu không cho, thì phải trả đúng giá.

9. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la, trên đường đi đến bên sông Hắc ám, trong số đó có một Tỳ-kheo nói:

- Trong số này, đã từng có bạch y cùng với người mặc áo ca-sa hành dâm.

Mọi người hỏi:

- Tại sao thầy biết?

Vị ấy nói:

- Tôi là một người trong số đó.

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch Đức Phật. Phật dạy:

- Nếu người phạm đến Tỳ-kheo-ni thì ở trong pháp luật của ta không có trường ích, không được cho xuất gia thọ đại giới. Nếu đã xuất gia thọ đại giới rồi thì nên diệt tận.

10. Phật ở tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ trong nước lúa gạo khan hiếm, khát thực khó được, mọi người đều bị đói. Vào lúc đó, Đức Phật và Tăng Tỳ-kheo lại nhận được nhiều món cúng dường. Bấy giờ có một thiếu niên ngoại đạo thấy Phật và Tăng nhận được nhiều phẩm vật cúng dường, (812a1) bèn nghĩ: Nên làm cách nào để được thức ăn này mà khỏi phải xuất gia? Thiếu niên kia liền tự cạo tóc mặc áo ca-sa, tay bưng bình bát, vào trong chúng ăn.

Các Tỳ-kheo hỏi: Thầy bao nhiêu tuổi? Vị kia không biết.

Lại hỏi: Thầy thọ giới lúc nào? Vị kia trả lời không biết.

Các Tỳ-kheo hỏi tiếp: Hòa thượng của thầy là ai? - A-xà-lê thầy

là ai?

Vị kia cũng nói: Không
biết. Các Tỳ-kheo lại hỏi: Thầy
là ai?

Vị kia nói: Tôi là ngoại đạo tên như vậy. Vì thấy Phật và Tăng
nhận được nhiều vật cúng dường bèn nghĩ: “Bằng cách nào để được
thức ăn này mà khỏi phải xuất gia.” Tôi bèn tự cạo râu tóc, mặc áo ca-
sa vào trong chúng để tìm cầu thức ăn.

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức
Phật.

Phật dạy:

- Từ nay về sau, người vào đạo với tặc tâm thì ở trong giáo pháp
của ta không có lợi ích nào. Không được cho xuất gia thọ giới cụ túc.
Nếu đã xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tận.

Trong đây, người vào đạo với tâm giặc là, hoặc đến chỗ một Tỳ-
kheo, hai Tỳ-kheo, ba Tỳ-kheo, chỗ chúng Tăng,^{l>29} cùng yết-ma thuyết
giới; hoặc đến chỗ một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo, ba Tỳ-kheo, chỗ chúng
Tăng, cùng yết-ma mà không thuyết giới; hoặc đến chỗ một Tỳ-kheo,
hai Tỳ-kheo, ba Tỳ-kheo, chỗ chúng Tăng, không cùng yết-ma nhưng
thuyết giới. Hoặc đến chỗ một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo, ba Tỳ-kheo, mà
không đến chỗ chúng Tăng, không cùng yết-ma nhưng thuyết giới,^{l>>0}
hoặc đến chỗ một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo mà không đến chỗ ba Tỳ-
kheo, hay chỗ chúng Tăng, không cùng yết-ma thuyết giới; hoặc đến
chỗ một Tỳ-kheo mà không đến chỗ hai Tỳ-kheo, hay ba Tỳ-kheo, chỗ
chúng Tăng, không cùng yết-ma thuyết giới.^{l>>1}

Trong đây,^{l>>2} người vào đạo với tâm giặc là, đến chỗ một Tỳ-
kheo, mà không đến chỗ hai Tỳ-kheo, ba Tỳ-kheo, hay chỗ chúng Tăng,
không cùng yết-ma thuyết giới. Người như vậy, nếu chưa xuất gia thọ
giới cụ túc thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất
gia thọ giới cụ túc thì được phép gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.^{l>>>}

Trong đây, người vào đạo với tâm giặc là, đến chỗ một Tỳ-kheo,
hai Tỳ-kheo, mà không đến chỗ ba Tỳ-kheo hay chỗ chúng Tăng, không
cùng yết-ma thuyết giới. Nếu người ấy chưa xuất gia thọ giới cụ túc thì
không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ
túc thì được phép gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.

l>29. Đến chỗ có từ bốn Tỳ-kheo trở lên, gọi là đến chỗ Tăng.

l>>0. Đến chỗ có ba Tỳ-kheo trở xuống, vì không túc số, nên chỉ có thể thuyết giới mà không
thể làm các yết-ma.

l>>1. Trở lên, nêu các trường hợp được gọi là tặc tâm xuất gia

l>>2. Từ đây trở xuống, phân biệt các trường hợp tặc tâm nhưng không bị diệt tận

l>>>. Chỉ dự nghe thuyết giới, chứ không dự tác pháp yết-ma chung với Tăng, nên tuy tặc tâm,
nhưng không bị diệt tận. Các trường hợp tiếp theo cũng vậy.

Trong đây, người vào đạo với tâm giặc là, đến chỗ một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo, ba Tỳ-kheo, không đến chỗ chúng Tăng, không cùng yết-ma thuyết giới, nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì cho phép gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.

Trong đây, người vào đạo với tâm giặc là, đến chỗ một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo, ba Tỳ-kheo hoặc Tăng, không cùng yết-ma thuyết giới; nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã xuất gia thọ giới cụ túc thì cho phép gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.

Trong đây, người vào đạo với tâm giặc là, đến chỗ một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo, ba Tỳ-kheo, chúng Tăng, yết-ma mà không cùng thuyết giới; nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc thì không cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tẩn.^{l>>4}

Trong số người vào đạo với tâm giặc, đến chỗ một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo, ba Tỳ-kheo, chúng Tăng cùng yết-ma thuyết giới; nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc thì không cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tẩn.^{l>>5}

II. Bấy giờ, có kẻ huỳnh môn^{l>>6} đến trong Tăng-già-lam thưa với các Tỳ-kheo, - Tôi muốn xuất gia thọ giới cụ túc. Các Tỳ-kheo liền cho xuất gia thọ giới cụ túc.

Thọ giới cụ túc rồi, vị ấy nói với các Tỳ-kheo: Hãy cùng tôi làm việc như vậy, như vậy.

Các Tỳ-kheo nói: Người đi đi! Người diệt đi! Ai cần người?

Vị kia lại đến nơi người giữ vườn và Sa-di nói: Hãy cùng tôi làm việc như vậy, như vậy.

Người giữ vườn và Sa-di nói: Người đi đi! Người diệt đi! Ai cần người?

Kẻ huỳnh môn kia ra ngoài chùa cùng người chặn bò chặn dê làm việc dâm dục. Các cư sĩ thấy cơ hiềm nói: Sa-môn Thích tử đều là huỳnh môn, trong đó có đàn ông làm việc dâm dục với nhau.

Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Phật dạy:

- Huỳnh môn ở trong pháp của ta không có điều trưởng ích, không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã xuất gia thọ giới cụ túc thì

l>>4. Trường hợp không dự nghe thuyết giới, nhưng đã dự tác pháp yết-ma chung với Tăng, nên phải bị diệt tẩn.

l>>5. Hết quyển >4.

l>>6. Huỳnh môn 黃門. Pali, Vin.i. 85 pandaka, người bị thiếu.

phải diệt tận.

Trong đây, huỳnh môn có huỳnh môn do bẩm sinh (sinh), huỳnh môn do thiếu (kiên), huỳnh môn do ghen (đố), huỳnh môn do đổi (biến), và huỳnh môn nửa tháng (bán nguyệt)^{l>>7}.

Sinh: Khi sinh liền thành huỳnh môn.

Kiên: Sau khi sinh, cắt bỏ hết để làm huỳnh môn. Đố: Thấy người khác hành dâm, mình khởi tâm dâm.

Biến: Khi cùng với người khác hành dâm, năm căn mất, biến làm huỳnh môn.

Nửa tháng: nửa tháng có khả năng của người nam, nửa tháng không có khả năng của người nam.

12. Phật du hóa nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thiện Hiện Long vương^{l>>8} thọ mạng rất lâu, sinh tâm nhằm tởm thân rồng (rắn), bèn nghĩ: Đời nay sinh trong loài rồng trường thọ này, không biết khi nào thoát khỏi được thân này? Long vương lại nghĩ: Sa môn Thích tử này tu hạnh thanh tịnh. Nay ta hãy đến đó cầu xuất gia làm đạo, có thể lìa khỏi thân hình rồng này. Long vương nghĩ xong, liền biến làm một thân hình thiếu niên ngoại đạo, đến trong Tăng-già-lam thưa với các Tỳ-kheo: Tôi muốn xuất gia thọ giới cụ túc.

Các Tỳ-kheo không quán sát bốn nguyên, vội cho xuất gia thọ giới cụ túc và cho ở cùng phòng với một Tỳ-kheo. Khi Tỳ-kheo kia có việc ra ngoài, Thiện Hiện Long vương buông mình xuống ngủ. Theo thường pháp của loài rồng, có hai trường hợp không lìa được nguyên hình; một là khi ngủ, hai là khi hành dâm.

Bấy giờ, thân của Long vương trương ra đầy cả phòng, lòi ra cả ngoài cửa sổ nơi lỗ trống. Tỳ-kheo kia khi trở lại, lấy tay đẩy cánh cửa, chạm phải thân con rồng, hốt hoảng, biết bên trong phòng có gì khác, bèn lớn tiếng kêu:

- Rắn! rắn!

Tỳ-kheo ở phòng gần nghe tiếng kêu lớn, liền hỏi:

- Chuyện gì la lớn vậy?

Vị kia trình bày đầy đủ sự việc. Long vương cũng nghe tiếng Tỳ-kheo kêu nên thức dậy, ngồi kết già, thẳng mình chánh ý, buộc ý niệm trước mặt. Tỳ-kheo liền vào hỏi:

l>>7. Năm huỳnh môn: sinh huỳnh môn 生, kiên huỳnh môn 犍, đố huỳnh môn, biến huỳnh môn 變, bán nguyệt huỳnh môn 半月. Pali, Số giải, v.1016: āsitta-pamndako usūyapandako opakamika-pandako pakkhāp ako nupunsapanako ti pañca pandakā.

l>>8. Thiện Hiện Long vương 善現龍王. Pali, Vin. i. adḍataro nāgo, một con rắn (thần) nọ. Các từ “long” trong Hán dịch, thường chỉ loại rắn thần của Ấn độ.

- Người là ai?

Người ngồi kết già trả lời:

- Tôi là Thiện Hiện Long vương. Tôi sinh trưởng trong loài rồng, vì chán thân này, nên nghĩ: “không biết bao giờ ta mới thoát khỏi thân rồng này?” Tôi lại nghĩ: “Sa môn Thích tử tu hạnh thanh tịnh, nay ta có thể đến đó xin xuất gia làm đạo, ngõ hầu thoát khỏi thân hình rồng này.”

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch lên Đức Phật.

Phật

ạy:

- Loài súc sinh ở trong pháp của ta không có trường ích gì. Nếu chưa xuất gia thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tận.

l>.1. Bấy giờ, có một thiếu niên ngoại đạo cố ý giết mẹ. Giết xong thường ôm lòng sâu ưu, luôn nghĩ: Ai có thể trừ nỗi ưu sâu cho ta? Thiếu niên lại nghĩ: Sa-môn Thích tử tu nhiều thiện pháp. Nay ta hãy đến đó xin xuất gia học đạo, ngõ hầu tiêu diệt tội này. Nghĩ xong, thiếu niên liền đến trong Tăng-già-lam thưa với các Tỳ-kheo:

- Tôi muốn xuất gia học đạo.

Các Tỳ-kheo thấy vậy, tưởng là Thiện Hiện Long

vương, nên

h

ỏi: - Người là giới nào?

Thiếu niên trả lời:

- Tôi là ngoại đạo tên như vậy. Tôi cố tâm giết mẹ tôi. Giết xong, thường ôm lòng ưu sâu, nghĩ: “Ai có thể trừ nỗi ưu sâu cho ta?”

Tôi lại nghĩ: “Sa môn Thích tử tu nhiều thiện pháp. Nay ta hãy đến đó xin xuất gia học đạo, ngõ hầu tiêu diệt tội này.” Cho nên tôi đến đây cầu xin xuất gia.

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch lên Đức Phật.

Phật

dạy:

- Kẻ giết mẹ ở trong pháp của Ta không có trường ích gì. Nếu chưa xuất gia thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tận.

l>.2. Bấy giờ, có một ngoại đạo cố ý giết cha. Giết xong thường ôm lòng sâu ưu, luôn nghĩ: Ai có thể trừ nỗi ưu sâu cho ta? Thiếu niên lại nghĩ: Sa-môn Thích tử tu nhiều thiện pháp. Nay ta hãy đến đó xin xuất gia học đạo, ngõ hầu tiêu diệt tội này. Nghĩ xong, thiếu niên liền đến trong Tăng-già-lam thưa với các Tỳ-kheo:

- Tôi muốn xuất gia học đạo.

Các Tỳ-kheo tưởng là Thiện Hiệ Long vương, nên hỏi:

- Tôi là ngoại đạo tên như vậy. Tôi cố tâm giết cha tôi. Giết xong, thường ôm lòng ưu sầu, nghĩ: “Ai có thể trừ nỗi ưu sầu cho ta?” Tôi lại nghĩ: “Sa-môn Thích tử tu nhiều thiện pháp. Nay ta hãy đến đó xin xuất gia học đạo, ngõ hầu tiêu diệt tội này.” Cho nên tôi đến đây cầu xin xuất gia.

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch lên Đức Phật.

Phật

dạy:

- Kẻ giết cha ở trong pháp của Ta không có trường ích gì. Nếu chưa xuất gia thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tận.

l>.3. Bấy giờ có số đông Tỳ-kheo từ nước Câu-tát-la, trên đường đi, gặp chỗ có A-lan-nhã, cùng nhau bàn nói: A-lan-nhã này tên như vậy. Nơi đây có A-la-hán bị giết. Trong số đó có người nói:

- Vị ấy thật là A-la-hán.

Có người hỏi:

- Tại sao biết?

Đáp:

- Vì trong lúc bị giết, tâm không thay đổi.

Có người hỏi:

- Tại sao thầy biết?

Vị ấy nói:

- Tôi là một trong số người giết ấy.

Các Tỳ-kheo đem việc này bạch đầy đủ lên Đức Phật. Đức

Phật dạy

- Người giết A-la-hán ở trong pháp của ta không có lợi ích gì, nếu chưa xuất gia thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì nên diệt tận.

l>.4. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, trởng vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu có người phá hoại Tăng, thì nên thế nào?

Đức Phật dạy:

- Hạng người như Đề-bà-đạt. Nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc, thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì phải diệt tận.

l>.5. Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Kẻ ác tâm làm thân Phật chảy máu thì nên thế nào?

Đức Phật dạy:

- Hạng người như Đê-bà-đạt, nếu chưa xuất gia thọ giới cụ túc, thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc thì phải diệt tận.

v. Các liên hệ già nạn

1. Bấy giờ có một Tỳ-kheo biến đổi giống thành người nữ. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nên diệt tận chăng? Đức Phật dạy:

- Không được diệt tận. Cho phép đem luôn cả năm và tuổi thọ giới cụ túc trước đây của Hòa thượng, A-xà-lê chuyển sang cho ở bên chúng của Tỳ-kheo-ni.

2. Có một Tỳ-kheo-ni biến thành hình nam tử. Các Tỳ-kheo-ni nghĩ: Nên diệt tận chăng? Đức Phật dạy:

- Không được diệt tận. Cho phép đem luôn cả năm và tuổi thọ giới cụ túc trước đây của Hòa thượng, A-xà-lê chuyển sang cho ở bên chúng của Tỳ-kheo.

>. Có một Tỳ-kheo biến thành nam nữ hai hình. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nên diệt tận chăng? Đức Phật dạy:

- Nên diệt tận.

Có một Tỳ-kheo-ni biến làm nam nữ hai hình. Các Tỳ-kheo-ni nghĩ: Nên tận xuất chăng? Đức Phật dạy:

- Nên tận xuất.

4. Có Tỳ-kheo bị giặc chặt đứt nam căn và luôn cả hai trứng. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nên diệt tận chăng? Đức Phật dạy:

- Không nên diệt tận.

Có Tỳ-kheo vì oan gia cắt nam căn và luôn cả hai cái trứng. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nên diệt tận chăng? Đức Phật dạy:

- Không được diệt tận.

Có Tỳ-kheo bị thú dữ cắn đứt nam căn và trứng. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nên diệt tận chăng? Đức Phật dạy:

- Không được diệt tận.

Có Tỳ-kheo vì nghiệp báo nhân duyên nam căn tự rụng. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nên diệt tận chăng? Đức Phật dạy:

- Không được diệt tận.

Có Tỳ-kheo tự cắt nam căn. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nên diệt tận chăng? Đức Phật dạy:

- Nên diệt tận.

5. Có vị muốn thọ giới cụ túc, được dẫn ra ngoài giới. Các Tỳ-kheo hỏi: Người là ai? Người ấy không chịu xưng danh. Lại hỏi: Hòa thượng của người là ai? Lại cũng không nói tên của Hòa thượng. Được

hướng dẫn bảo cầu xin giới, cũng không chịu xin. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Có ba hạng người không được thọ giới cụ túc: Không tự xưng tên mình, không chịu xưng tên Hòa thượng, dạy xin giới không chịu xin. Ba hạng người như vậy không được thọ giới cụ túc.

6. Có người khoác y phục của bạch y thọ giới cụ túc. Thọ giới rồi liền mặc vào thôn khát thực. Các cư sĩ thấy hỏi:

- Ông là ai?

Vị ấy trả lời:

- Tôi là Sa-môn Thích tử.

Cư sĩ nói:

- Sa môn Thích tử không phải như vậy.

Đức Phật dạy:

- Không được khoác y phục của bạch y thọ giới cụ túc.

Lại có người khoác y của ngoại đạo thọ giới cụ túc. Thọ giới rồi liền mặc vào thôn khát thực. Các cư sĩ thấy hỏi:

- Ông là hạng người nào?

Vị ấy trả lời:

- Tôi là Sa-môn Thích tử.

Cư sĩ nói:

- Sa-môn Thích tử không phải như vậy.

Đức Phật dạy:

- Người khoác y phục ngoại đạo không được trao giới cụ túc.

Có người mang các đồ trang sức thân mình mà thọ giới cụ túc. Thọ giới cụ túc rồi vào thôn khát thực. Các cư sĩ thấy hỏi:

- Ông là hạng người nào?

Vị ấy trả lời:

- Tôi là Sa-môn Thích tử.

Cư sĩ nói:

- Sa-môn Thích tử không phải như vậy.

Đức Phật dạy:

- Người mang các đồ trang sức thân mình không được cho thọ giới cụ túc.

Có ba hạng người không được gọi là thọ giới cụ túc: mặc đồ thế tục, mặc đồ ngoại đạo, mang đồ trang sức thân mình. Ba hạng người này thọ giới cụ túc không thành.

7. Có vị trao giới cụ túc cho người ngủ. Khi thức dậy, người ấy trở về nhà. Các Tỳ-kheo nói:

- Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.

Vị kia trả lời:

- Tôi không thọ giới cụ túc.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

- Không được trao giới cụ túc cho người đang ngủ.

8. Có vị trao giới cụ túc cho người say rượu. Khi thức dậy, người ấy trở về nhà. Các Tỳ-kheo nói:

- Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.

Vị kia trả lời:

- Tôi không thọ giới cụ túc.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

- Không được trao giới cụ túc cho người đang say rượu.

9. Có vị trao giới cụ túc cho người cuồng. Khi hết cuồng, người ấy trở về nhà. Các Tỳ-kheo nói:

- Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.

Vị kia trả lời:

- Tôi không thọ giới cụ túc.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

- Không được trao giới cụ túc cho người cuồng.

Ba hạng người không được thọ giới cụ túc: người ngủ, người say, người cuồng. Đó gọi là ba hạng người không được thọ (truyền) giới cụ túc.

10. Có vị trao giới cụ túc cho người lỏa hình. Khi được y phục rồi, người ấy trở về nhà. Các Tỳ-kheo nói:

- Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.

Vị kia trả lời:

- Tôi không thọ giới cụ túc.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

- Không được trao giới cụ túc cho người lỏa hình.

Có vị trao giới cụ túc cho người đang sân nhuế. Khi hết sân nhuế, người ấy trở về nhà. Các Tỳ-kheo nói:

- Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.

Vị kia trả lời:

- Tôi không thọ giới cụ túc.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

- Không được trao giới cụ túc cho người đang sân nhuế.

Có vị trao giới cụ túc cho người bị ép thọ. Sau đó, người ấy bèn trốn chạy về nhà. Các Tỳ-kheo nói:

- Đừng về nhà! Ông đã thọ giới cụ túc rồi.

Vị kia trả lời:

- Tôi không thọ giới cụ túc.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Phật dạy:

- Không được trao giới cụ túc cho người bị cưỡng ép.

Ba hạng người không được thọ giới cụ túc: người lỏa hình, người đang sân nhuế, người bị cưỡng ép. Đó gọi là ba hạng người không được thọ giới cụ túc.

Cũng như vậy, bị chặt tay, bị chặt chân, bị chặt cả tay chân; bị xẻo tai, bị xẻo mũi, bị xẻo tai mũi; bị cắt nam căn, bị thiếu trứng, bị cắt nam căn và thiếu trứng; bị chặt tay, bị chặt khủy tay, bị chặt ngón tay, thường bị ghẻ loét, hiện tướng chết, thân bị bấu, thân như thân người nữ, có danh tịch trốn thuế nhà quan, ung thư, thân cá giao, đầu nhọn, cánh tay bên tả hư hoại, cánh tay bên hữu hư hoại, răng cửa, thân trùng, đầu trùng, tóc trên đầu bị bệnh tê, ngón tay bị cong, sáu ngón, ngón tay không có đốt, chỉ có một trứng, không có trứng, bệnh đồi, bên trong cong bên ngoài cong, cả trong lẫn ngoài cong, bệnh thượng khí, bệnh bấu nhỏ, bệnh ói nước bọt, v.v... hoặc bị các khổ não, hoặc bệnh nam căn, hoặc mắt xanh, mắt vàng, mắt đỏ, mắt thối, hoặc có hồng nhãn, mắt có màng đỏ, mắt có màng xanh, mắt có màng vàng, mắt có màng trắng, mắt có thủy tinh, mắt quá sâu, hoặc mắt ba góc, mắt khỉ cái, mắt to bự, mắt lồi, hoặc một mắt, mắt liếc, mắt mờ, mắt nhọn, mắt tà, mắt sân nộ, mắt dòm ngó, hoặc mắt có ghẻ loét, hoặc bị lang lỗ, hoặc thân bị ghẻ tanh hôi, thân bị loét xâm dâm, hoặc câm, điếc hay điếc câm, hoặc ngón chân cuống lại, hoặc chân kiểng, chân cong, hoặc một tay, một chân, một tai, hoặc không tay, không chân, không tai, hoặc không tóc, không lông, không răng, hoặc tóc xanh, tóc vàng, tóc trắng, cao quá, thấp quá, gót chân phụ nữ, con trời, con A-tu-la, con kiền-thất-bà, hoặc đầu voi, đầu ngựa, đầu lạc đà, hoặc đầu bò, đầu lừa, đầu chó, đầu dê đen, đầu dê trắng, đầu nai, đầu rắn, đầu cá, đầu chim, hoặc hai đầu, ba đầu, nhiều đầu, tất cả xanh, tất cả vàng, tất cả đen, tất cả đỏ, tất cả trắng, tất cả giống như sắc con khỉ cái, hoặc bệnh phong, bệnh nhiệt, bệnh đàm ẩm, bệnh do cục trong bụng, hoặc yết hầu cong, hoặc thiếu mặt trắng, hoặc không có lưỡi, hoặc cắt lưỡi, hoặc không biết tốt xấu, hoặc trước thân lồi ra, hoặc phía sau lồi ra, hoặc cả trước lẫn sau đều lồi, hoặc bệnh trong, bệnh bên ngoài, hay trong ngoài đều bệnh, hoặc có bệnh nghiến, bệnh thường nằm không chuyển động, hoặc quá già, hoặc có bệnh càn tiêu, hoặc mất oai nghi đi đứng.

Tất cả những trường hợp như trên, đưa đến sự xấu cho chúng Tăng.

Những người như vậy không được độ thọ giới cụ túc.

II. Bấy giờ, có người có thân túc, ở trên hư không thọ giới cụ túc.

Đức Phật dạy:

- Như vậy không gọi là thọ giới cụ túc.

Hòa thượng ở trên hư không cho người ở dưới thọ giới cụ túc. Đức

Phật dạy:

- Như vậy không gọi là thọ giới cụ túc.

Dùng thân túc ở trên hư không, đủ túc số, thọ giới cụ túc. Đức

Phật dạy:

- Không gọi là thọ giới cụ túc.

Có người ẩn hình không xuất hiện mà thọ giới cụ túc. Đức

Phật

d

ạy: - Không gọi là thọ giới cụ túc.

Hòa thượng ẩn hình truyền^{l>>9} giới cụ túc. Đức Phật dạy:

- Không gọi là thọ giới cụ túc.

Túc số, Tỳ-kheo ẩn hình truyền thọ giới cụ túc. Đức Phật

dạy:

- Không gọi là thọ giới cụ túc.

Có người lia chỗ thấy nghe thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

- Không gọi là thọ giới cụ túc.

Hòa thượng lia chỗ thấy nghe truyền thọ giới cụ túc. Đức

Phật

ạy:

- Không gọi là thọ giới cụ túc.

Đủ số người, mà lia chỗ thấy nghe thọ giới cụ túc. Đức Phật

dạy:

- Không gọi là thọ giới cụ túc.

Có người ở ngoài giới thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

- Không gọi là thọ giới cụ túc.

Hòa thượng ở ngoài giới truyền thọ giới cụ túc. Đức Phật

dạy:

- Không gọi là thọ giới cụ túc.

Đủ số người mà ở ngoài giới thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy:

đ Không gọi là thọ giới cụ túc.

ạy: Có vị không được trao giới Sa-di mà trao giới cụ túc. Đức

Phật

- V ậy đắ c cụ túc giới, mà chúng Tăng mắc tội. Đức
i Thế Tôn cũng dạy như vậy:
- Tất cả những người làm xấu chúng Tăng, không được thọ giới
a
cụ túc.

l>>9. Trong bản, chép nhầm chữ thọ 受 là nhận

4. Pháp thức truyền thọ cụ túc

i. Giáo thọ giới tử

Bấy giờ, có người muốn thọ giới. Vị kia dẫn đến chỗ ngoài giới, cởi y phục để khám. Người thọ giới hổ thẹn. Việc thọ giới bị đình lại. Các Tỳ-kheo đem việc này đến bạch lên Đức Phật, Phật dạy:

- Không được lộ hình như vậy để khám rồi truyền thọ giới. Từ nay về sau, cho phép hỏi mười ba nạn sự, sau đó mới trao giới cụ túc, bằng bạch tứ yết-ma. Nên hỏi như vậy:

- Người không phạm biên tội chăng? Người không xúc phạm Tỳ-kheo-ni chăng? Người không phải là người vào đạo với tâm giặc chăng? Người chẳng phải là người phá hoại nội và ngoại đạo chăng? Người chẳng phải là huỳnh môn chăng? Người chẳng phải là người giết cha, giết mẹ chăng? Người chẳng phải là người giết A-la-hán chăng? Người chẳng phải là người phá Tăng chăng? Người chẳng phải là người với ác tâm làm cho thân Phật chảy máu chăng? Người chẳng phải là phi nhân chăng? Người chẳng phải là súc sinh chăng? Người chẳng phải là người có hai hình chăng?

Đức Phật dạy:

Từ nay về sau, cho phép trước hỏi mười ba nạn sự, sau đó mới cho thọ giới cụ túc. Nên tác pháp yết-ma như sau để thọ giới cụ túc.

Bấy giờ bảo người muốn thọ giới đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe. Giới sư tác bạch yết-ma như sau:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Vị kia tên là..., theo Tỳ-kheo hiệu..., cầu thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai Tỳ-kheo hiệu... làm giáo thọ sư. Đây là lời tác bạch.

Bấy giờ, thầy giáo thọ đến chỗ người kia, nói:

- Đây là An-đà-hội, đây là uất-đà-la-tăng, đây là Tăng-già-lê, đây là bát. Y bát này là của người phải không?

Vị kia trả lời:

- Vâng, là của con.

Thầy giáo thọ nói:

- Thiện nam tử, lắng nghe! Nay chính là lúc cần sự chí thành. Tôi sẽ hỏi ông. Theo lời hỏi của tôi, ông cứ trả lời đúng như sự thật. Điều nào thật ông cứ nói thật. Điều nào không thật ông cứ nói không thật. Tên ông là gì? Hòa thượng ông là ai? Ông đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát của ông đầy đủ không? Cha mẹ ông có cho phép không? Ông không phải là người mắc nợ chăng? Ông không phải là đầy tớ chăng? Ông không phải là quan chức chăng? Ông có phải là đàn ông không? Đàn

ông, có những chứng bệnh như hủ, ung thư,(815a1) hủ trắng, cà tiêu,điên cuồng. Hiện tại ông có các chứng bệnh đó không?

Nếu người thọ giới nói không, thì thầy giáo thọ nói:

- Như tôi vừa hỏi ông, lát nữa giữa Tăng cũng sẽ được hỏi như vậy. Vừa rồi ông trả lời với tôi như thế nào thì giữa Tăng ông cũng trả lời như vậy.

Vị giáo thọ nói như vậy rồi, trở vào trong chúng, với oai nghi như thường lệ, đứng chỗ vừa tầm tay đối với chúng,^{l>40} tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... theo Tỳ-kheo hiệu... cầu thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi đã hỏi xong, cho phép người ấy vào. Đây là lời tác bạch.

ii. Giới tử bạch Tăng

Người thọ giới vào rồi, thầy giáo thọ cầm hộ y bát, bảo người ấy kính lễ dưới chân Tăng, rồi dạy, trước giới sư, đầu gối bên hữu chাম đất, chấp tay, hướng dẫn họ tác bạch để xin giới như sau:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Con tên là... theo Tỳ-kheo hiệu... cầu thọ giới cụ túc. Con tên là... nay đến trong chúng Tăng xin thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Xin chúng Tăng dủ lòng thương cứu vớt con.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

Bấy giờ vị giới sư nên tác pháp yết-ma như sau:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... theo Tỳ-kheo hiệu... cầu thọ giới cụ túc. Nay người này tên là... theo chúng Tăng xin thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho phép tôi hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch.

- Thiện nam tử, lắng nghe! Nay chính là lúc cần sự chí thành, lúc nói thật. Nay tôi sẽ hỏi ông. Ông nên theo sự thật mà trả lời. Ông tên là gì? Hòa thượng ông là ai? Ông đủ hai mươi tuổi chưa? Ba pháp y và bát có đủ không? Cha mẹ ông có cho phép ông không? Ông có mắc nợ ai không? Ông có phải là đày tớ không? Ông có phải là người của nhà quan không? Ông có phải là đàn ông không? Đàn ông có những chứng bệnh hủ, ung thư, hủ trắng, cà khô, điên cuồng. Hiện tại ông có những chứng bệnh như vậy không?

Nếu người ấy nói không, thì bạch tứ yết-ma như sau:

iii. Bạch tứ yết-ma

^{l>40}. Khoảng cách giữa giáo thọ với các Tỳ-kheo khác trong giới trường.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Người này tên là... theo Tỳ-kheo hiệu... cầu thọ giới cụ túc. Người này tên là..., nay đến giữa Tăng xin thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Người này tên là..., tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, tuổi đủ hai mươi, ba y và bát đầy đủ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho người tên là... giới cụ túc, Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người này tên là..., theo Tỳ-kheo hiệu... cầu thọ giới cụ túc. Nay người này tên là... đến xin Tăng thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Người này tên là..., tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, tuổi đủ hai mươi, ba y và bát đầy đủ. Nay Tăng trao cho người tên là... này giới cụ túc, Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng. Trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho người tên... giới cụ túc, Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma thứ nhất.

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

- Tăng đã chấp thuận cho người tên là... thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo hiệu... làm Hòa thượng rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

iv. Truyền pháp tứ khí và tứ y

Bấy giờ, có Tỳ-kheo thọ giới cụ túc rồi, Chúng Tăng đều về lại trú xứ. Vợ cũ của vị ấy ở cách chỗ thọ giới không xa, đến hỏi:

- Vừa rồi ông làm gì?

Vị ấy trả lời:

- Tôi thọ giới cụ túc.

Vợ cũ nói:

- Bấy giờ ông có thể làm chuyện như vậy, như vậy, gọi là lần cuối cùng không?

Người thọ giới cụ túc ấy liền làm việc bất tịnh như vậy như vậy rồi, sau đó mới về lại trú xứ. Các Tỳ-kheo hỏi:

- Thầy làm gì mà về sau?

Vị kia liền đem nhân duyên trên trình bày đầy đủ lại với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo nói:

- Người hãy diệt nhanh đi! Người hãy biến mất nhanh đi! Người đã làm việc như vậy, không được ở lại đây nữa.

Người kia nói:

- Việc tôi làm đó là việc không nên làm sao?

Các Tỳ-kheo nói:

- Dĩ nhiên là điều không được làm.

Vị ấy nói:

- Tại sao không nói trước với tôi, để tôi tránh không làm điều đ

ó? Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy:

a. Tứ khí

Từ nay về sau, tác pháp yết-ma rồi nên nói trước bốn pháp Ba-la-di.

- Thiện nam tử lắng nghe! Đức Như Lai, bậc Chí chân, Đẳng chánh giác nói bốn pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo nào phạm mỗi một trong bốn thì chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Thích tử.

1. Tuyệt đối, ông không được phạm dâm, làm bất tịnh hạnh. Nếu Tỳ-kheo phạm bất tịnh hạnh, hành pháp dâm dục, cho đến cùng loài súc sinh, thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích tử. Đức Thế Tôn nói thí dụ: Như người bị chặt đầu không thể sống trở lại. Tỳ-kheo cũng như vậy, phạm pháp Ba-la-di rồi, không thể trở lại thành Tỳ-kheo hạnh. Đây là điều mà trọn đời ông không được làm, ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

2. Tuyệt đối, ông không được trộm cắp, cho đến một lá cây, cọng cỏ. Nếu Tỳ-kheo ăn trộm của người năm tiền trở lên, tự mình lấy, dạy người lấy, tự mình phá, dạy người phá, tự mình chặt, dạy người chặt, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm cho hoại sắc. Vị ấy chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích tử. Thí như cây đa-la bị moi ruột, không thể sinh trưởng. Tỳ-kheo phạm Ba-la-di cũng vậy, không thể trở lại thành Tỳ-kheo hạnh. Trong điều này, trọn đời ông không được làm, ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

>. Tuyệt đối, ông không được đoạn mạng sống của chúng sinh, cho đến loài kiến. Nếu Tỳ-kheo cố ý tự tay mình đoạn mạng người, tìm dao trao cho người, dạy bảo cách chết, khen sự chết, khuyên cho chết, trao cho người phi dục, hoặc làm đọa thai, nguyên rửa cho chết, tự mình tạo phương tiện, dạy người tạo phương tiện, thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích tử. Thí như cây kim bị sút đứt không thể dùng được nữa. Tỳ-kheo cũng vậy, nếu Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, không thể trở lại thành Tỳ-kheo hạnh nữa. Trong điều này, trọn đời ông không được làm, ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

4. Tuyệt đối, ông không được nói dối, cho đến nói giỡn chơi. Nếu Tỳ-kheo chẳng phải chân thật, chẳng phải mình tự có mà tự nói: “Tôi

được pháp thượng nhân, được thiền, được giải thoát, được định, được bốn không định, được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, trời đến, rồng đến, quỷ thần đến,” thì chẳng phải Sa- môn, chẳng phải Thích tử. Thí như hòn đá lớn bị vỡ làm hai không thể hiệp lại được. Tỳ-kheo cũng vậy, phạm pháp Ba-la-di, không thể trở thành Tỳ-kheo hạnh. Trong điều này, trọn đời ông không được làm, ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

b. Tứ y

- Thiện nam tử lắng nghe! Đức Như Lai là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, nói pháp tứ y. Tỳ-kheo y nơi đây được xuất gia, thọ giới cụ túc, thành pháp của Tỳ-kheo.

1. Tỳ-kheo y nơi y phần tảo, nương nơi đây đặng xuất gia thọ giới cụ túc, thành pháp của Tỳ-kheo. Trong đây, trọn đời ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

- Nếu được của lợi do đàn-việt thí y, y cắt rọc hư hoại, thì được nhận.

2. Tỳ-kheo y nơi khát thực. Tỳ-kheo nương vào đây được xuất gia

thọ giới cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo. Trong đây, trọn đời ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

- Nếu được của lợi, hoặc Tăng sai đi thọ thực hay đàn-việt dâng thức ăn vào những ngày mồng tám, rằm, mồng một, hoặc thường thực của Tăng, đàn-việt mời, thì được nhận.

>. Tỳ-kheo nương dưới bóng cây được xuất gia thọ giới cụ túc, thành pháp của Tỳ-kheo. Trong đây, trọn đời ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

- Nếu được của lợi hoặc phòng riêng, nhà nóc nhọn, phòng nhỏ, hang đá, hai phòng một cửa, thì được nhận.

4. (816a1)- Tỳ-kheo nương nơi thuốc hủ lạn này được xuất gia thọ giới cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo. Đây là điều trọn đời không được phạm, ông có thể giữ được không? Trả lời là được.

- Nếu được của lợi như sữa, dầu, sinh tô, mật, thạch mật thì được

họ. *vi. Giáo giới và đắc giới*

- Ông nay đã thọ giới rồi. Bạch tứ yết-ma như pháp, thành tựu đúng quy cách. Hòa thượng như pháp, A-xà-lê như pháp, chúng Tăng đúng số đầy đủ. Ông nên khéo thọ nhận giáo pháp, nên siêng năng giáo hóa, làm việc phước đức, tu bổ tháp, cúng dường Phật, Pháp, Chúng Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê. Những gì các Ngài dạy như pháp, không

được chống trái. Nên hỏi về tụng kinh, siêng năng cần cầu phương tiện, để ở trong Phật pháp mà đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-đàm, A-na-hàm, A-la-hán. Có như vậy mới khởi uổng công ban đầu phát tâm xuất gia, quả báo của nó sẽ không cùng tận. Ngoài ra những gì chưa biết, nên thưa hỏi Hòa thượng, A-xà-lê.

Từ nay về sau, nên bảo người thọ cụ túc nên đi trước rồi giải tán.

1. Bấy giờ có Tỳ-kheo bị chúng cử tội liền thôi tu. Sau đó đến trong Tăng-già-lam thưa với các Tỳ-kheo:

- Tôi muốn xuất gia trở lại.

Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này đến bạch lên Đức Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

- Nên hỏi người kia: “Ông có tự thấy tội hay không?” Nếu người ấy trả lời: “Tôi không thấy tội”, thì không được cho xuất gia. Nếu nói, “Tôi thấy tội”, thì cho xuất gia.

Sau đó lại hỏi: “Ông có thấy tội hay không?” Nếu trả lời “Không thấy tội”, thì không được cho thọ giới cụ túc. Nếu nói “Thấy tội” thì nên cho thọ giới cụ túc.

Cho thọ giới cụ túc rồi nên nói: “Ông có thuận sám hối không?” Nếu nói “Không thuận sám hối”, thì không được giải yết-ma. Nếu nói “Có thể thuận sám hối”, thì nên giải yết-ma.

Giải yết-ma rồi bảo: “Ông hãy sám hối.” Nếu người ấy phải sám hối, thì tốt. Nếu không vậy, chúng Tăng hòa hợp thì lại trao cho pháp cử tội. Nếu chúng Tăng không hòa hợp thì cùng chung sống, không phạm.

2. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy. Trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay, thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Người chưa đủ hai mươi tuổi mà thọ giới cụ túc, được gọi là người thọ giới cụ túc hay không? Đức Phật dạy:

- Được gọi là người thọ giới cụ túc.

Lại hỏi:

- Người trao giới cụ túc như vậy có phải là người trao đúng hay không?

Đức Phật dạy:

- Là người trao đúng.

- Người yết-ma như vậy là người làm yết-ma đúng hay chẳng?

Đức Phật dạy:

- Là người làm yết-ma đúng.

Từ khi đã chế giới rồi, nếu thọ giới cụ túc như vậy, không gọi là

thọ giới cụ túc
đúng.

>. Lại hỏi:

- Tam ngữ thọ giới cụ túc, có phải là thọ giới cụ túc hay chẳng?

Đức Phật dạy:

- Là thọ giới cụ túc.

- Người trao giới cụ túc là người trao đúng hay chẳng?

Đức Phật dạy:

- Là người trao đúng.

- Người làm yết-ma là người làm yết-ma đúng hay chẳng?

Đức Phật dạy:

- Là người làm yết-ma đúng.

Từ khi đã chế giới rồi, nếu thọ giới cụ túc như vậy, không gọi là thọ giới cụ túc.

4. Không hỏi mười ba nạn sự mà thọ giới cụ túc như vậy có gọi là thọ giới cụ túc chẳng?

Đức Phật dạy:

- Là thọ giới cụ túc.

- Người được thọ giới cụ túc như vậy là thọ giới cụ túc đúng hay chẳng?

Đức Phật dạy:

- Là thọ giới cụ túc đúng.

Hỏi:

- Người làm yết-ma như vậy được gọi là tác yết-ma đúng hay chẳng?

Đức Phật dạy:

- Là làm yết-ma đúng.

Từ khi đã chế giới rồi, nếu thọ giới cụ túc như vậy không gọi là thọ giới cụ túc.

5. Bấy giờ Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật:

- Nếu Hòa thượng có một trong mười ba nạn sự, mà trao giới cụ túc cho đệ tử, như vậy có gọi là thọ cụ túc đúng hay chẳng?

Đức Phật dạy:

- Là thọ giới cụ túc đúng.

Lại hỏi:

- Người được thọ giới cụ túc có gọi là thọ giới cụ túc đúng hay chẳng?

Phật dạy:

- Là thọ đúng.

- Người làm yết-ma như vậy là làm yết-ma đúng hay chẳng?

Đức Phật dạy:

- Là làm yết-ma đúng.

Từ khi đã chế giới rồi, nếu trao giới cụ túc cho người như vậy, chúng Tăng có tội.

6. Bấy giờ, có người theo Hòa thượng không trì giới cầu thọ giới cụ túc, sau đó có sự nghi ngờ. Đức Phật hỏi:

- Ông có biết vị Hòa thượng ấy không trì giới hay không?

Vị ấy thưa: Không biết.

Đức Phật dạy: Như vậy được gọi là thọ giới cụ túc.

Lại có người theo Hòa thượng không trì giới thọ giới cụ túc, sau đó lại có sự nghi ngờ. Đức Phật hỏi:

- Ông có biết Hòa thượng ấy không trì giới hay không?

Vị ấy trả lời: biết.

Đức Phật bảo:

- Ông có biết là không được theo người như vậy thọ giới cụ túc hay không?

Vị ấy trả lời: không

biết. Đức Phật dạy:

- Trường hợp này được gọi là thọ giới cụ túc.

Lại có vị theo Hòa thượng không trì giới thọ giới cụ túc, sau đó có sự nghi. Đức Phật hỏi:

- Ông có biết Hòa thượng không giữ giới chẳng?

Vị ấy trả lời: biết.

Đức Phật bảo: Ông có biết người như vậy thì không được theo thọ giới cụ túc hay không?

Vị ấy trả lời: biết.

Đức Phật bảo: Ông có biết, người như vậy theo thọ giới cụ túc thì không đắc giới cụ túc hay không?

Đáp: Không

biết. Đức Phật dạy:

- Trường hợp này được gọi là thọ giới cụ túc.

Bấy giờ, lại có vị theo Hòa thượng không trì giới thọ giới cụ túc, sau đó có sự nghi.

Phật hỏi:

- Ông có biết Hòa thượng không giữ giới chẳng?

Vị ấy trả lời: biết.

Đức Phật dạy:

- Ông có biết người như vậy thì không được theo thọ giới cụ túc hay không?

Vị ấy trả

lời: biết. Phật hỏi:

- Ông có biết, theo người như vậy thọ giới cụ túc thì không thành thọ giới cụ túc hay không?

Vị ấy trả

lời: biết. Đức

Phật dạy:

- Không gọi là thọ giới cụ túc.

